

Mục lục

Giới thiệu	3
Chìa khóa, Cửa, và Cửa sổ	7
Chế và hệ thống an toàn	20
Bộ phận chứa đồ	36
Đồng hồ và Bảng điều khiển	43
Đèn	67
Hệ thống thông tin giải trí	73
Hệ thống điều hòa không khí	126
Vận hành và lái xe	135
Chăm sóc xe	154
Bảo trì và bảo dưỡng	191
Thông số kỹ thuật	200
Thông tin khách hàng	207

Mã số nhận dạng xe (VIN)	<input type="text"/>		
Mã nhận dạng động cơ:	<input type="text"/>		
Nhiên liệu:	Dung tích bình xăng danh nghĩa <input type="text"/>		
Dầu động cơ:	Chất lượng <input type="text"/>	Độ nhớt <input type="text"/>	
Áp suất lốp tiêu chuẩn:	Cỡ lốp <input type="text"/>	Lốp trước <input type="text"/>	Lốp sau <input type="text"/>
Trọng lượng xe:	Trọng lượng xe không tải <input type="text"/>		Tổng trọng lượng xe <input type="text"/>

Các thông tin cần lưu ý khác:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Giới thiệu**Giới thiệu****Giới thiệu****■ Thông số cụ thể của xe**

Vui lòng nhập thông số cụ thể của xe vào trang trước để dễ tìm khi cần. Thông tin này có ở mục “Bảo trì và bảo dưỡng” và “Thông số kỹ thuật” cũng như trên tấm nhận dạng xe.

■ Giới thiệu

Chiếc xe của bạn được thiết kế dựa trên nhiều ưu điểm: công nghệ tiên tiến, an toàn, thân thiện với môi trường và tiết kiệm.

Tài liệu Hướng dẫn sử dụng này cung cấp những thông tin cần thiết giúp bạn lái xe an toàn và hiệu quả.

Hãy đảm bảo rằng người ngồi

trên xe của bạn hiểu rõ các nguy cơ có thể gặp tai nạn và thương tích nếu sử dụng xe sai cách.

Bạn phải luôn tuân thủ các điều luật và quy định cụ thể tại quốc gia nơi sinh sống. Những điều luật này có thể khác với thông tin trong Tài liệu Hướng dẫn sử dụng này.

Trong trường hợp Sách hướng dẫn này nhắc đến việc đến xưởng sửa chữa, chúng tôi khuyến cáo quý khách nên đến với các Đại lý ủy quyền. Đối với xe sử dụng gas, quý khách nên đến các xưởng được hãng ủy quyền cho các hoạt động dịch vụ với xe sử dụng gas.

Tất cả các Đại lý ủy quyền đều cung cấp các dịch vụ tốt với giá phải chăng. Các kỹ sư cơ khí có

kinh nghiệm được đào tạo làm việc theo các hướng dẫn cụ thể.

Tài liệu dành cho khách hàng phải luôn được cất sẵn trên xe.

Sử dụng tài liệu Hướng dẫn sử dụng

- Sách hướng dẫn này mô tả các tùy chọn và tính năng sẵn có cho kiểu xe này. Do khác biệt về dòng xe, tiêu chuẩn quốc gia, thiết bị hoặc phụ kiện đặc biệt, một số mô tả, bao gồm mô tả các chức năng trên màn hình và menu, có thể không áp dụng cho xe bạn.
- Mục “Tóm lược” sẽ giới thiệu cho bạn cái nhìn tổng quát ban đầu.
- Bảng mục lục ở phần đầu sách hướng dẫn này và trong từng

phần cho biết nơi bạn có thể tìm thấy thông tin.

- Phần phụ lục giúp bạn tìm kiếm thông tin cụ thể.
- Sách Hướng dẫn sử dụng này mô tả các xe có tay lái phía bên trái. Hãy tiến hành các thao tác tương tự cho xe tay lái phía bên phải.
- Tài liệu này sử dụng các thông số động cơ từ nhà máy. Bạn có thể tham khảo mục “Thông số kỹ thuật” để nắm được các thông số sản phẩm tương ứng.
- Các thông số về hướng như trái hoặc phải, trước hoặc sau được định nghĩa dựa trên hướng chuyển động của xe.
- Màn hình hiển thị trên xe có thể không hỗ trợ một số ngôn ngữ nhất định.
- Các thông báo trên màn hình và nhãn phía trong xe đều sử dụng chữ in đậm.

Nguy hiểm, Cảnh báo và Chú ý

⚠️ NGUY HIỂM

Nội dung trong cuốn sổ này được đánh dấu ⚠️ Nguy hiểm biểu thị khả năng gặp phải thương tích gây tử vong. Bạn có thể gặp nguy hiểm đến tính mạng nếu bỏ qua thông tin này.

⚠️ CẢNH BÁO

Nội dung trong cuốn sổ này được đánh dấu ⚠️ Cảnh báo biểu thị khả năng gặp phải tai nạn hoặc thương tích. Bạn có thể bị thương nếu bỏ qua thông tin này.

⚠️ CHÚ Ý

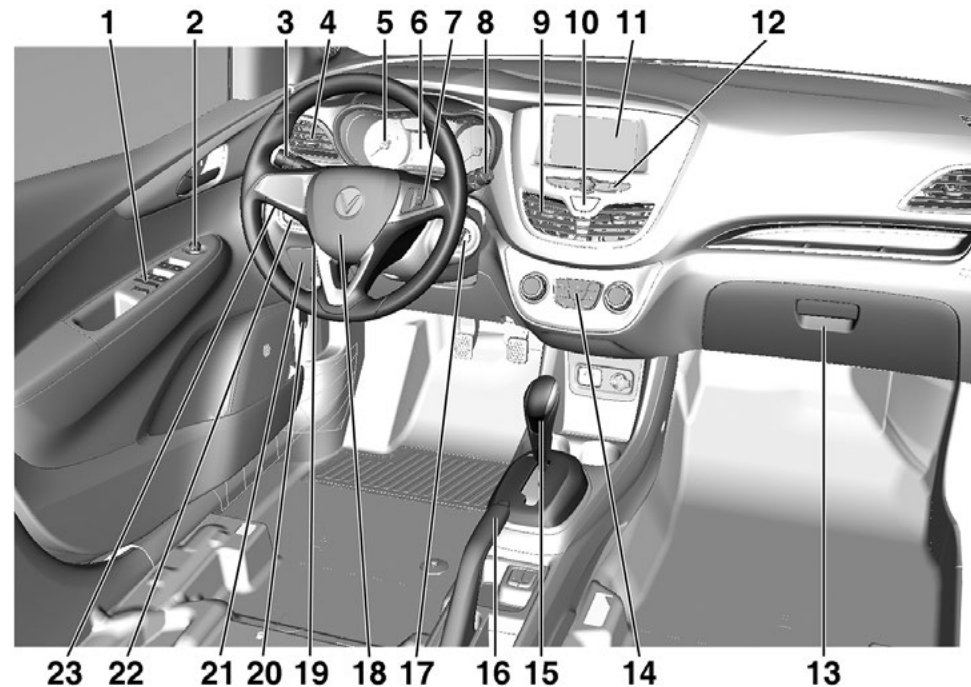
Nội dung trong cuốn sổ này được đánh dấu ⚠️ Chú ý biểu thị những hư hại có thể xảy ra cho xe. Xe của bạn có thể bị hư hỏng nếu bỏ qua thông tin này.

Biểu tượng

Các trang tham khảo được biểu thị bằng ký hiệu ➔ có nghĩa là “xem ở trang”.

Chúc quý khách hàng có trải nghiệm lái xe an toàn và thú vị.

Tổng quan về bảng táp lô



1. Cửa sổ điện →T.18.
Hệ thống khóa trung tâm →T.10.
2. Gương ngoài →T.15.
3. Đèn báo rẽ và chuyển làn →T.69, nháy đèn pha, đèn pha và đèn cốt →T.68.
Chiếu sáng khi xuống xe →T.72.
Đèn đỗ xe →T.70.
Hệ thống trung tâm thông tin cho người lái (DIC) →T.57.
4. Cửa gió bên cạnh →T.127.
5. Đồng hồ →T.46.
6. Hệ thống trung tâm thông tin cho người lái (DIC) →T.57.
7. Bảng điều khiển trên vô lăng →T.44.
8. Hệ thống rửa kính chắn gió →T.45.
9. Cửa thông gió trung tâm.
10. Đèn nháy cảnh báo nguy hiểm →T.69.
11. Hiện thị - Thông tin →T.57.
12. Hệ thống thông tin giải trí →T.73
13. Hộp đựng găng tay →T.37.
14. Điều khiển hệ thống điều hòa không khí →T.127
15. Cần chọn số, hộp số tự động →T.141.
16. Phanh tay →T.147.
17. Ổ khóa kèm khóa vô lăng →T.137.
18. Còi →T.44.
Túi khí bên lái →T.27.
19. Điều chỉnh vô lăng. →T.44.

20. Cần mở nắp capô →T.156.
21. Hộp cầu chì khoang hành khách →T.169.
22. Hệ thống chống trượt (TCS) →T.148.
23. Công tắc đèn →T.68.
Điều chỉnh phạm vi chiếu sáng của đèn pha →T.68.
Đèn sương mù phía trước →T.69.
Đèn bảng táp lô →T.70.

Chìa khóa, Cửa, và Cửa sổ

- | | |
|---|---|
| <p>Chìa khóa và Khóa8</p> <ul style="list-style-type: none"> Chìa khóa8 Bộ điều khiển từ xa9 Hệ thống khóa trung tâm.....10 Khóa an toàn12 <p>Cửa..... 12</p> <ul style="list-style-type: none"> Khoang chứa đồ.....12 <p>An ninh trên xe.....14</p> <ul style="list-style-type: none"> Hệ thống báo động chống trộm.....14 Khóa động cơ.....14 <p>Gương ngoài..... 15</p> <ul style="list-style-type: none"> Gương lồi.....15 Gương điều chỉnh bằng tay .15 Gương điện15 Gương gập16 Gương có chức năng sấy.....17 <p>Gương trong xe 17</p> <ul style="list-style-type: none"> Gương chiếu hậu điều chỉnh bằng tay17 | <p>Cửa sổ18</p> <ul style="list-style-type: none"> Cửa sổ điện18 Kính chắn gió phía sau có chức năng sấy.19 Tấm chắn nắng.....19 |
|---|---|

Chìa khóa và Khóa**Chìa khóa****⚠ CẢNH BÁO**



Để trẻ nhỏ trong xe cùng chìa khóa khởi động hoặc Bộ điều khiển từ xa (RKE) là rất nguy hiểm, có thể khiến trẻ bị thương nghiêm trọng hoặc tử vong. Trẻ có thể vận hành cửa sổ điện hoặc các thao tác khác khiến cho xe chuyển động. Cửa sổ sẽ hoạt động nếu chìa khóa đang ở vị trí khởi động hoặc bộ điều khiển RKE ở trong xe, và trẻ hoặc người khác có thể bị kẹt khi cửa sổ đóng lại. Không để trẻ em trong xe với chìa khóa khởi động hoặc bộ điều khiển RKE.

**⚠ CHÚ Ý**

Không gắn vật nặng hay vướng víu vào chìa khóa khởi động.

▶ <Loại 1>**▶ <Loại 2>**

Chìa khóa vận hành tất cả khóa và khóa khởi động.

- Bấm  để khóa cửa và cửa hậu.
- Bấm  để mở cửa và cửa hậu.

Hệ thống khóa trung tâm → T.10.

■ Thay thế chìa khóa

Mã chìa khóa được xác định trên tấm thẻ có thể tháo rời.

Phải cung cấp mã chìa khóa khi đặt thay chìa khóa, vì mã này là một bộ phận của hệ thống khóa động cơ.



Bấm nút để chìa khóa mở ra. Để gập chìa khóa, trước tiên hãy bấm nút.

Bộ điều khiển từ xa

Dùng để vận hành:

- Hệ thống khóa trung tâm
- Hệ thống báo động chống trộm

Bộ điều khiển từ xa có phạm vi hoạt động trong khoảng cách xấp xỉ 20 m. Thiết bị có thể bị hạn chế hoạt động bởi các tác động ngoại cảnh.

Đèn cảnh báo nhấp nháy có nghĩa là thao tác đã được thực hiện.

Giữ cẩn thận, tránh ẩm và nhiệt độ cao cũng như tránh thao tác không cần thiết.

■ Lỗi

Nếu điều khiển từ xa không thể vận hành hệ thống khóa trung tâm, hãy tham khảo các nguyên nhân sau:

- Khoảng cách quá xa,
- Điện áp của pin quá thấp,
- Thao tác nhiều lần và quá nhanh khi điều khiển ở ngoài

khoảng tác dụng, khiến cho điều khiển phải đồng bộ lại.

- Hệ thống khóa trung tâm bị quá tải do thao tác nhanh và nhiều lần, nguồn điện sẽ bị ngắt trong một thời gian ngắn.
- Nhiều do sóng radio công suất lớn từ bên ngoài.

Hệ thống khóa trung tâm → T.10.

■ Thay pin bộ điều khiển từ xa

Thay pin ngay khi phạm vi hoạt động bị giảm.



Pin không phải là rác thải sinh hoạt. Cần mang đến điểm thu gom rác tái chế để xử lý.



Kéo chìa khóa ra và mở bộ phận. Thay thế pin (loại pin CR 2032), chú ý tới vị trí lắp. Đóng bộ phận và đồng bộ hóa.

■ Đồng bộ hóa bộ điều khiển từ xa

Sau khi thay pin, mở khóa cửa bằng chìa khóa trong khóa cửa phía người lái. Bộ điều khiển từ xa sẽ được đồng bộ hóa khi bật công tắc khóa khởi động.

■ Ghi nhớ Cài đặt

Sau khi rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa, những cài đặt sau đây sẽ được chìa khóa tự động ghi nhớ:

- Hệ thống chiếu sáng
- Hệ thống thông tin giải trí
- Hệ thống khóa trung tâm
- Các thiết lập tiện nghi

Những cài đặt đã được ghi nhớ sẽ tự động được sử dụng trong lần tiếp theo khi cắm chìa khóa vào ổ khóa và chuyển tới vị trí 1 - Vị trí khởi động.

Trước hết, trên màn hình hiển thị thông tin dạng đồ họa, cần phải kích hoạt cài đặt riêng của lái xe.

Phải cài đặt cho riêng từng chiếc chìa khóa được sử dụng. Cài đặt riêng của lái xe sẽ được kích hoạt vĩnh viễn trên xe được trang bị Màn hình hiển thị thông tin có màu
Cài đặt riêng của xe → T.63.

Hệ thống khóa trung tâm

Mở khóa và khóa cửa xe, khoang chứa đồ.




Lưu ý

Trong trường hợp xảy ra tai nạn mà túi khí hoặc bộ căng đai khẩn cấp được kích hoạt, xe sẽ tự động mở khóa.

■ Mở khóa



Bấm .

- Bấm  một lần để mở khóa cửa phía người lái, bấm  2 lần để mở khóa toàn bộ cửa và các khoang chứa đồ, hoặc
- Bấm  một lần để mở tất cả các cửa, khoang chứa đồ.

Có thể thay đổi cài đặt trong menu Cài đặt trong màn hình



Bấm .

Nếu cửa phía lái xe không được đóng đúng cách, hệ thống khóa trung tâm sẽ không hoạt động.

■ Nút khóa trung tâm

Khóa hoặc mở khóa tất cả các cửa, khoang chứa đồ từ khoang hành khách.

Hiển thị Thông tin.

Cài đặt riêng của xe → T.63.

Có thể lưu lại cài đặt cho chìa khóa đang dùng.

■ Khóa

Đóng cửa, khoang chứa đồ và nắp bình nhiên liệu.



■ Lỗi hệ thống điều khiển từ xa Mở khóa



Mở khóa cửa phía người lái thủ công bằng cách xoay chìa khóa trong ổ khóa. Bật khóa khởi

động và bấm nút khóa trung tâm để mở khóa tất cả các cửa, khoang chứa đồ.

Hệ thống khóa chống trộm sẽ ngắt kích hoạt khi bật khóa khởi động.

Hệ thống báo động chống trộm → T.14.

Khóa

Đóng tất cả các cửa. Mở cửa phía người lái, bấm nút khóa trung tâm. Đã khóa xe. Đóng cửa phía người lái. Khóa cửa phía lái xe thủ công bằng cách xoay chìa khóa.

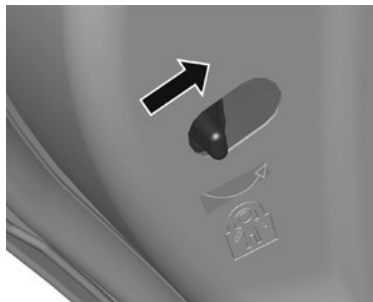
■ Lỗi hệ thống khóa trung tâm

Mở khóa

Mở khóa cửa phía lái xe thủ công bằng cách xoay chìa khóa trong ổ khóa. Có thể mở các cửa khác bằng cách kéo chốt ngưỡng cửa lên trên hoặc kéo tay nắm trong xe để nhả chốt

khóa cho các cửa khác. Không thể mở khoang chứa đồ. Để tắt hệ thống khóa chống trộm, hãy bật khóa khởi động. Hệ thống bảo động chống trộm →T.14.

Khóa an toàn



! CẢNH BÁO

Hãy sử dụng khóa trẻ em khi có trẻ em ngồi trên ghế sau.

! CHÚ Ý

Không kéo tay nắm trong xe khi khóa cửa an toàn cho trẻ em đang ở vị trí LOCK. Nếu không, tay nắm trong có thể bị hỏng.

Để khóa cửa an toàn cho trẻ em, hãy di chuyển cần gạt lên phía trên tới vị trí khóa.

Để mở cửa khi khóa an toàn trẻ em đã được gạt sang vị trí khóa, cần mở cửa từ phía ngoài xe.

Để bỏ khóa cửa an toàn cho trẻ em, hãy di chuyển cần gạt xuống phía dưới về vị trí mở khóa.

Cửa

Khoang chứa đồ

■ Cửa hậu

Mở



Để mở cửa hậu khi đã mở khóa toàn bộ các cửa, bấm công tắc ở phía dưới tay nắm cửa hậu và nâng lên.

Hệ thống khóa trung tâm →T.10.

Đóng



Dùng tay nắm kéo bên trong để hạ thấp và đóng cửa hậu.

Không bấm công tắc trên bảng cảm ứng trong khi đóng cửa hậu; nếu không cửa sẽ mở lại.

Hệ thống khóa trung tâm →T.10.

■ Mẹo chung để vận hành cửa hậu

! NGUY HIỂM

Không lái xe khi cửa hậu đang mở hoặc mở hé, ví dụ khi vận chuyển các vật công kênh, vì khí thải độc hại không màu, không mùi có thể bay vào trong xe.

Khí này có thể khiến bạn bị bất tỉnh hoặc thậm chí là tử vong.

! CHÚ Ý

Trước khi mở cửa hậu, cần kiểm tra các vật cản bên trên, ví dụ như cửa gara, để tránh làm hư hỏng cửa hậu. Luôn kiểm tra khoảng di chuyển bên trên và phía sau cửa hậu.

Lưu ý

Một số phụ kiện nặng được lắp trên cửa hậu có thể khiến cửa này không duy trì được vị trí mở.

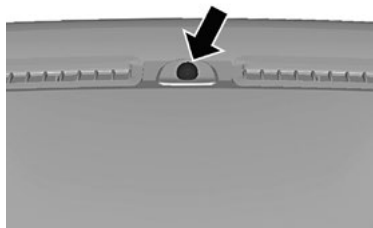
An ninh trên xe

Hệ thống báo động chống trộm

Hệ thống này giám sát:

- Cửa, cửa hậu, nắp capô
- Khóa khởi động

Mở khóa xe hủy kích hoạt đồng thời cả hai hệ thống.




Đèn LED báo trạng thái được tích hợp trong cảm biến trên mặt bảng táp lô.

Trạng thái trong 30 giây sau khi kích hoạt hệ thống báo động chống trộm:

Đèn LED sáng: kiểm tra, chuyển sang chế độ sẵn sàng báo động. Đèn LED nhấp nháy: các cửa, cửa hậu và nắp capô không đóng hoàn toàn, hoặc lỗi hệ thống.


■ Ngắt kích hoạt

Bộ điều khiển từ xa: Mở khóa xe bằng cách bấm nút  sẽ ngắt kích hoạt hệ thống báo động chống trộm.

Hệ thống không được ngắt kích hoạt khi mở khóa cửa phía người lái bằng chìa khóa hoặc nút khóa trung tâm ở khoang hành khách.


■ Báo động


Có thể tắt tiếng báo động bằng cách bấm bất kì nút nào trên bộ điều khiển từ xa hoặc bằng cách bật khóa khởi động.

Có thể tắt hệ thống báo động chống trộm bằng cách bấm nút  hoặc bật khóa khởi động.

Khóa động cơ

Hệ thống này là một phần của ổ khóa, giúp kiểm tra liệu xe có được phép khởi động bằng chìa khóa đang sử dụng hay không. Khóa động cơ được kích hoạt tự động sau khi rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa.

Nếu đèn báo điều khiển  nhấp nháy khi mở khóa khởi động, có lỗi hệ thống xảy ra; động cơ không thể khởi động. Tắt khóa khởi động và thử khởi động lại.

Nếu đèn báo điều khiển  tiếp tục nhấp nháy, thử khởi động động cơ bằng chìa khóa dự phòng và nhờ đại lý dịch vụ trợ giúp.

Lưu ý

Khóa động cơ không khóa được các cửa. Bạn phải luôn khóa cửa xe sau khi ra khỏi xe và bật hệ thống báo động chống trộm. Hệ thống khóa trung tâm. ▶T.10. Hệ thống báo động chống trộm. ▶T.14.

Đèn báo khóa động cơ. ▶T.56

Gương ngoài

Gương lồi

Hình dạng của gương sẽ làm cho các vật trong gương nhỏ hơn, điều này sẽ ảnh hưởng đến khả năng phán đoán khoảng cách của người lái.

Gương điều chỉnh bằng tay



Nếu được trang bị, di chuyển công tắc điều khiển lên, xuống,

hoặc từ bên này sang bên kia để chỉnh lại gương.

Điều chỉnh gương để có thể quan sát phần sườn xe hoặc phía sau xe.

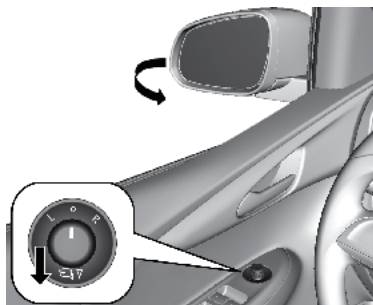
Gương điện





Chọn gương ngoài tương ứng bằng cách kéo công tắc điều khiển sang trái (L) hoặc phải (R). Sau đó xoay công tắc điều khiển để điều chỉnh gương. Không có gương nào được chọn khi ở vị trí 0.

Gương gập

Để đảm bảo an toàn cho người đi bộ, gương ngoài sẽ bị lệch ra khỏi vị trí ban đầu nếu bị va chạm bởi một lực đủ mạnh. Xoay lại gương về vị trí cũ bằng cách xoay nhẹ vỏ gương.

Gập điện

Để gập gương gập điện, nếu xe được trang bị:

1. Gạt công tắc chọn sang vị trí O.
2. Ấn nút điều khiển xuống về phía  để gập gương.
3. Ấn lại nút điều khiển xuống về phía  để mở gương.

 **CẢNH BÁO**

- Luôn điều chỉnh gương đúng vị trí, và sử dụng khi lái xe để tăng tầm nhìn đối tượng và phương tiện xung quanh. Không lái xe khi gương chiếu hậu ngoài đang gập.
- Nên sử dụng hệ thống điện trong xe mỗi khi gập hoặc mở gương chiếu hậu ngoài; làm vậy để đảm bảo chính xác vị trí mở gương chiếu hậu và tránh hiện tượng gương bị lỏng.


Gương có chức năng sấy

▶ <Loại 1>



▶ <Loại 2>



Vận hành bằng cách bấm  Chức năng sấy hoạt động khi động cơ chạy và tự động tắt sau một khoảng thời gian ngắn.

Gương trong xe**Gương chiếu hậu điều chỉnh bằng tay**

Để giảm lóa mắt, điều chỉnh cần bên dưới vỏ gương.

Cửa sổ

Cửa sổ điện

CẢNH BÁO

Thận trọng khi vận hành cửa sổ điện. Có nguy cơ gây thương tích, đặc biệt là với trẻ em.

Cẩn thận khi đóng cửa sổ. Đảm bảo rằng không có vật gì vướng vào đường di chuyển của cửa.



Cửa sổ điện có thể hoạt động khi khóa khởi động ở vị trí 2. Thao tác trên công tắc tương ứng với các cửa kính bằng cách đẩy để mở hoặc kéo để đóng.

■ Vận hành

Để mở cửa sổ, ấn công tắc xuống. Để đóng cửa sổ, kéo công tắc lên. Thả tay khỏi công tắc khi cửa sổ ở vị trí mong muốn.

■ Chức năng an toàn

Nếu kính cửa sổ bị cản lại trong quá trình đóng cửa tự động, kính sẽ dừng lại ngay lập tức và mở lại.

■ Tự động nâng/hạ

Ấn công tắc xuống hết cỡ để cửa tự mở hoàn toàn. Kéo công tắc lên hết cỡ để cửa tự đóng hoàn toàn. Với chế độ vận hành tự động, cửa kính sẽ mở hoặc đóng hoàn toàn mà không cần chạm vào công tắc.

Để dừng cửa kính ở vị trí mong muốn trong khi cửa đang vận hành, nâng hoặc hạ công tắc và thả tay ra theo chiều ngược với chiều di chuyển của kính cửa.

■ Quá tải

Nếu vận hành cửa sổ liên tục, cửa kính có thể không hoạt động được trong một khoảng thời gian.

■ Khởi động cửa sổ điện

Nếu không thể đóng cửa sổ tự động (ví dụ như sau khi tháo ắc-quy xe), kích hoạt cửa sổ điện như sau:

1. Đóng các cửa.
2. Mở khóa khởi động.
3. Đóng cửa sổ hoàn toàn và kéo công tắc thêm 2 giây.
4. Lặp lại thao tác cho từng cửa sổ.

■ Hệ thống an toàn trẻ em cho các cửa sổ sau



Bấm công tắc  để ngừng kích hoạt cửa kính điện phía sau.

Để kích hoạt, bấm  lại lần nữa.


Kính chắn gió phía sau có chức năng sấy

▶ <Loại 1>



▶ <Loại 2>



Ấn  để vận hành. Chức năng sấy hoạt động khi động cơ chạy và tự động tắt sau một khoảng thời gian ngắn.

Tấm chắn nắng

Có thể gập tấm chắn nắng xuống hoặc xoay sang bên để tránh lóa mắt.

Nếu tấm chắn nắng có lắp gương, nên gập tấm đậy gương vào trong khi lái xe.

Ghế và hệ thống an toàn

Tựa đầu..... 21

Tựa đầu..... 21

Ghế trước.....22

Vị trí ghế.....22

Điều chỉnh ghế.....23

Dây đai an toàn 24

Dây đai an toàn24

Dây đai an toàn ba điểm 25

Hệ thống túi khí..... 26

Hệ thống túi khí26

Hệ thống túi khí trước.....27

Hệ thống túi khí hông.....28

Ghế trẻ em 29

Hệ thống ghế trẻ em29

Vị trí lắp đặt ghế trẻ em31

Hệ thống ghế trẻ em ISOFIX.....

..... 33

Hệ thống ghế trẻ em có đai

giữ trên.....34

Tựa đầu

Tựa đầu

■ Vị trí



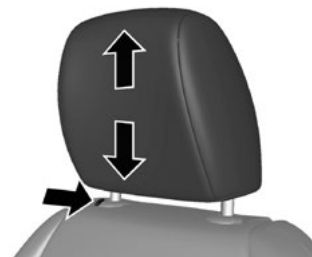
CẢNH BÁO

Chỉ lái xe khi tựa đầu được đặt ở vị trí thích hợp.



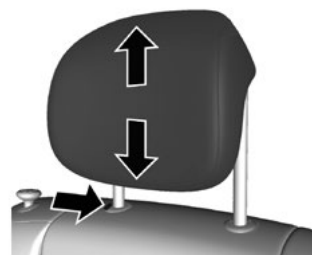
Mép trên của tựa đầu phải thẳng hàng với phần đầu phía trên. Nếu không áp dụng được do lái xe quá cao, kéo tựa đầu tới vị trí cao nhất, hoặc tới vị trí thấp nhất nếu lái xe quá thấp.

■ Tựa đầu của ghế trước Điều chỉnh chiều cao



Kéo tựa đầu lên trên và chèn khớp. Để đẩy tựa đầu xuống, nhấn chốt hãm để tháo và đẩy tựa đầu xuống phía dưới.

■ Tựa đầu của ghế sau Điều chỉnh chiều cao



Kéo tựa đầu lên trên hoặc ấn chốt hãm để tháo và đẩy tựa đầu xuống phía dưới.

■ Tháo



Nhấn chốt hãm, kéo tựa đầu lên trên và tháo ra.

Ghế trước

Vị trí ghế

⚠ CẢNH BÁO

Chỉ lái xe khi ghế được điều chỉnh chuẩn xác.

⚠ NGUY HIỂM

Ngồi cách vô lăng ít nhất 25 cm để đảm bảo túi khí bung ra an toàn.

⚠ CẢNH BÁO

Không điều chỉnh ghế trong khi đang lái xe vì ghế có thể chuyển động mất kiểm soát.

⚠ CẢNH BÁO

Không để đồ vật dưới ghế xe.



- Ngồi lùi sát vào tựa lưng ghế. Điều chỉnh khoảng cách giữa ghế và các bàn đạp sao cho đùi và cẳng chân tạo ra một góc nhỏ khi đạp bàn đạp. Trượt hết cỡ ghế phụ phía trước về phía sau.
- Tựa vai lùi sát vào tựa lưng ghế. Điều chỉnh độ ngả của lưng ghế sao cho bạn có thể dễ dàng với tới vô lăng khi tay đặt hơi cong. Duy trì tiếp xúc giữa vai và tựa lưng khi xoay tay lái. Không ngả tựa lưng về phía sau nhiều quá. Độ ngả tối

đa khuyến cáo là xấp xỉ 25°.

- Điều chỉnh vô lăng. *Điều chỉnh vô lăng* → T.44.
- Đặt ghế đủ cao để có thể nhìn rõ tất cả các phía và tất cả các đồng hồ hiển thị. Nên có ít nhất một khoảng trống khoảng một gang tay giữa đầu và trần xe. Chỉ cần tựa nhẹ đùi chứ không cần tỳ vào ghế.
- Điều chỉnh tựa đầu. *Tựa đầu* → T.21.
- Điều chỉnh dây đai an toàn. *Dây đai an toàn ba điểm* → T.25.

Điều chỉnh ghế

■ Chỉnh vị trí ghế



Kéo tay cầm, trượt ghế, nhả tay cầm.
Thử di chuyển ghế tiến lên hoặc lùi lại để đảm bảo ghế đã được khóa chắc chắn.

■ Tựa lưng ghế



Kéo cần điều khiển, điều chỉnh độ nghiêng và thả tay ra. Khi tựa lưng vào khớp có phát ra âm thanh.

■ Chiều cao ghế



Chuyển động của cần điều khiển

- Up: Ghế cao hơn
- Down: Ghế thấp hơn

Dây đai an toàn

Dây đai an toàn



Dây đai an toàn được cài chặt trong quá trình xe tăng hoặc giảm tốc mạnh giúp người ngồi trên xe có thể ngồi yên. Do đó có thể giảm đáng kể nguy cơ bị thương tổn.

CẢNH BÁO

Thắt dây đai an toàn trước mỗi chuyến đi.

Trong trường hợp xảy ra tai nạn, những người không thắt dây đai an toàn có thể gây nguy hiểm cho chính bản thân họ và những người đi cùng trên xe.

Dây đai an toàn được thiết kế cho một người sử dụng. *Hệ thống ghế trẻ em* → T.29.

Kiểm tra định kỳ các bộ phận của dây đai an toàn xem có bị hỏng hóc, nhiễm bẩn hoặc hoạt động tốt không.


Thay thế các bộ phận bị hỏng. Sau khi xảy ra tai nạn, cần phải thay thế dây đai an toàn và bộ căng đai khẩn cấp tại xưởng sửa chữa.

Lưu ý

Đảm bảo rằng dây đai an toàn không bị hư hại do giầy hoặc các vật có cạnh sắc nhọn khác hoặc bị kẹt. Không để bụi bẩn bám vào bộ cuộn dây đai.

Hệ thống nhắc cài dây đai an toàn → T.53.

■ Hệ thống nhắc cài dây đai an toàn

Ghế trước có trang bị hệ thống nhắc cài dây đai an toàn, báo hiệu cho ghế lái bằng đèn điều khiển  trên đồng hồ đo số vòng quay động cơ và báo cho ghế phụ bằng đèn điều khiển thông tin cho người lái.

Hệ thống nhắc cài dây đai an toàn → T.53.

■ Bộ hạn chế lực căng dây đai an toàn

Lực căng chèn lên cơ thể sẽ được


giảm bớt bằng cách thả lỏng dần dây đai an toàn trong khi xảy ra va chạm.

■ Bộ căng đai khẩn cấp

Trong trường hợp xảy ra va chạm từ phía trước hoặc từ phía sau với mức độ nghiêm trọng nhất định, dây đai an toàn sẽ được siết chặt.

CẢNH BÁO

Xử lý không đúng cách (ví dụ như tháo hoặc cài dây đai an toàn) có thể kích hoạt bộ căng đai khẩn cấp, gây ra thương tổn.

Bộ căng đai khẩn cấp được khởi động khi có đèn báo điều khiển .

Hệ thống nhắc cài dây đai an toàn → T.53.

Chỉ xưởng sửa chữa mới có khả năng tháo bộ căng đai khẩn cấp đã kích hoạt. Mỗi bộ căng

đai khẩn cấp chỉ khởi động duy nhất một lần.

Lưu ý

Không gắn thêm hoặc lắp thêm các phụ kiện hoặc các vật có thể gây ảnh hưởng đến vận hành của bộ căng đai khẩn cấp. Không chỉnh sửa các bộ phận của bộ căng đai khẩn cấp, nếu không có thể gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Dây đai an toàn ba điểm

■ Cài dây đai an toàn



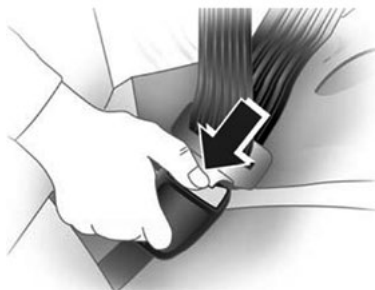
Kéo dây đai an toàn từ bộ cuộn đai, kéo qua trước người, không để bị xoắn và cài chốt khóa vào đai khóa. Siết chặt dây đai an toàn thường xuyên khi đang lái xe bằng cách kéo đai vắt ngang vai *Hệ thống nhắc cài dây đai an toàn* → T.53.



Quần áo rộng hoặc vướng víu sẽ làm dây đai an toàn không ôm khít. Không chèn đồ vật như túi xách hoặc điện thoại vào giữa dây đai an toàn và cơ thể.

⚠ CẢNH BÁO

Không được tỳ dây đai vào các vật cứng hoặc dễ vỡ trong túi quần áo của bạn.

■ Tháo dây đai an toàn

Để tháo dây đai, bấm nút màu đỏ trên khóa đai.

■ Sử dụng dây đai an toàn khi đang mang thai**⚠ CẢNH BÁO**

Hạ thấp hết cỡ dây đai xuống vùng xương chậu để tránh tạo áp lực lên vùng bụng.

Hệ thống túi khí**Hệ thống túi khí**

Hệ thống túi khí bao gồm một số hệ thống riêng lẻ tùy vào phạm vi của thiết bị.

Khi được kích hoạt, túi khí sẽ bung ra trong một phần ngàn giây, sau đó sẽ xẹp xuống nhanh tới mức không nhận thấy được khi xảy ra va chạm.

⚠ CẢNH BÁO

Thao tác túi khí không đúng cách có thể khiến túi khí bị kích nổ.

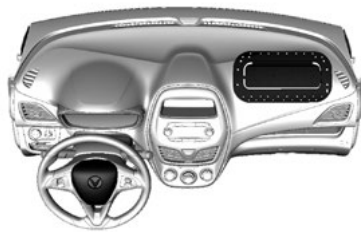
⚠ NGUY HIỂM

Không sử dụng hệ thống ghế trẻ em trên ghế phụ có túi khí đang được kích hoạt.

Nhãn dán túi khí được dán ở cả hai bên của tấm chắn nắng ở ghế phụ phía trước.

Hệ thống túi khí trước

Hệ thống túi khí trước bao gồm một túi khí ở vô lăng và một ở trên bảng táp lô ở bên cạnh ghế phụ phía trước. Có thể nhận biết các túi này qua ký tự AIRBAG.



**Lưu ý**

Bộ điều khiển của hệ thống túi khí và bộ căng đai khẩn cấp được đặt ở khu vực hộc giữa. Không đặt vật có từ tính vào khu vực này.

Không chọc vào nắp che túi khí và không được che phủ túi khí bằng bất kỳ vật gì.

Mỗi túi khí chỉ hoạt động duy nhất một lần. Túi khí phải được thay thế ở xưởng sửa chữa. Ngoài ra, có thể cần phải thay thế vô lăng, bảng táp lô, các bộ phận trên táp lô, gioăng cửa, tay nắm và ghế ngồi.

Không được thay đổi hệ thống túi khí, nếu không có thể gây ảnh hưởng chất lượng của sản phẩm.

Khi bơm túi khí, khí ga nóng thoát ra ngoài có thể gây bỏng. Đèn báo hiệu hệ thống túi khí . Đèn báo túi khí và bộ căng đai khẩn cấp  → T.53.

Hệ thống ghế trẻ em trên ghế phụ phía trước có túi khí

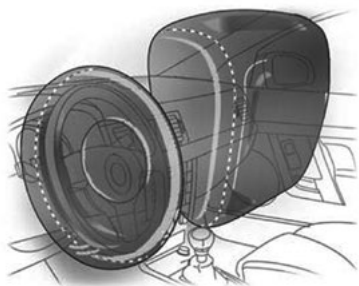
Cảnh báo theo ECE R94.02:



KHÔNG ĐƯỢC lắp ghế trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế được trang bị TÚI KHÍ ĐANG ĐƯỢC KÍCH HOẠT ở phía trước ghế; vì có thể gây ra THƯƠNG TÍCH NGHIÊM TRỌNG hoặc TỬ VONG cho TRẺ EM.

Ngoài cảnh báo của ECE R94.02, vì lí do an toàn, không được sử dụng hệ thống ghế trẻ em quay mặt về phía trước trên ghế phụ có túi khí phía trước đang được kích hoạt.

Hệ thống túi khí phía trước được kích hoạt trong trường hợp xảy ra va chạm ở đầu xe và gây ra hư hại nhất định. Cần phải bật khóa khởi động.



Túi khí được bơm căng có thể làm tăng hiệu quả, do đó giảm đáng kể nguy cơ bị tổn thương phần thân trên và đầu của người ngồi ghế phía trước.

⚠ CẢNH BÁO

Chỉ phát huy tác dụng bảo vệ tối ưu khi ghế ở đúng vị trí. *Vị trí ghế → T.22.*

Không để vật cản trở vị trí túi khí được bơm căng.

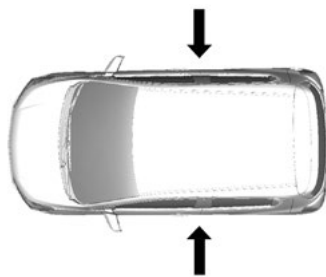
Cài dây đai an toàn ở đúng vị trí và lắp chính xác. Chỉ khi đó túi khí mới có thể bảo vệ bạn.

Hệ thống túi khí hông

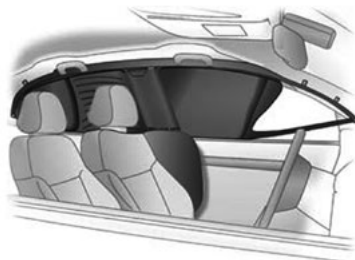


Túi khí hông được giữ trên nóc ở hai bên cạnh của xe.

Có thể nhận biết các túi này qua ký tự AIRBAG ở trên thành cửa xe.



Túi khí hông sẽ được kích hoạt trong hầu hết các trường hợp va chạm nghiêm trọng ở hông xe, nhưng không phải tất cả mọi trường hợp.



Nguy cơ bị tổn thương phần đầu khi bị va chạm ở bên hông sẽ được giảm đáng kể.

⚠ CẢNH BÁO

Không để cơ thể bạn hoặc bất cứ vật gì (bao gồm cả gối) trong khu vực bung ra của túi khí. Không đặt vật gì trong khu vực túi khí bung ra. Tham khảo hình minh họa.

Chỉ sử dụng các móc phía trên cửa xe để treo đồ có trọng lượng nhẹ.

Không đặt bất cứ vật gì vào túi của đồ vật đang treo. Không nắm vào tay nắm hỗ trợ (phía trên cửa xe) khi đang ngồi trong xe.

Không tựa vào hoặc nằm ngủ đè lên cửa trước hay cửa hậu. Luôn ngồi ở giữa ghế xe. Luôn đeo dây đai an toàn.

Ghế trẻ em

Hệ thống ghế trẻ em

Chúng tôi khuyên bạn nên dùng hệ thống ghế trẻ em được thiết kế chuyên biệt cho xe như sau đây:

Nhóm 0, 0+

Maxi-Cosi MiloFix, cho trẻ đạt tới 13 kg.

Nhóm I

Duo Plus với ISOFIX và đai giữ trên, cho trẻ đạt từ 9 tới 8 kg.

Nhóm II, Nhóm III

Britax KidFix XP cho trẻ từ 15 tới 36 kg.

Khi sử dụng hệ thống ghế trẻ em, chú ý các cách sử dụng sau và các hướng dẫn cài đặt và tài liệu kèm theo hệ thống ghế trẻ em. Luôn tuân thủ các quy định của nhà nước hay địa phương. Ở một vài quốc gia, ghế trẻ em

bị cấm sử dụng tại những vị trí ghế nhất định.

⚠ CẢNH BÁO

KHÔNG ĐƯỢC lắp ghế trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế được trang bị TÚI KHÍ ĐANG ĐƯỢC KÍCH HOẠT ở phía trước ghế; vì có thể gây ra THƯƠNG TÍCH NGHIÊM TRỌNG hoặc TỬ VONG cho TRẺ EM.

⚠ CẢNH BÁO

Khi sử dụng hệ thống ghế trẻ em ở ghế phụ phía trước, bạn phải tắt hệ thống túi khí dành cho hành khách phía trước; nếu không, trẻ có thể bị chấn thương khi túi khí được kích hoạt.

Đặc biệt là trong trường hợp lắp hệ thống ghế quay mặt về phía sau trên ghế phụ phía trước.

■ Chọn đúng hệ thống

Trẻ em nên quay mặt về phía sau càng lâu càng tốt khi đi trên xe. Điều này giúp xương sống của trẻ vốn vẫn còn rất yếu, ít bị tác động nhất trong trường hợp xảy ra tai nạn.

Trẻ em dưới 12 tuổi hoặc có chiều cao dưới 150 cm (5 ft) chỉ nên ngồi trên ghế an toàn thích hợp dành cho trẻ em.

Không được bế trẻ em trong xe đang chạy. Nếu không, rất khó để giữ trẻ khi gặp va chạm. Khi chở trẻ em, sử dụng hệ thống ghế trẻ em phù hợp với trọng lượng của trẻ.

Đảm bảo hệ thống ghế trẻ em được lắp đặt phù hợp với loại xe.

Đảm bảo vị trí lắp đặt của hệ thống ghế trẻ em trên xe là đúng. Chỉ cho phép trẻ em ra/vào xe ở phía không có xe cộ qua lại.

Nếu không sử dụng hệ thống ghế trẻ em, buộc chặt ghế bằng dây đai an toàn hoặc tháo ra khỏi xe.

Lưu ý

Không được dán bất cứ thứ gì lên ghế trẻ em và cũng không dùng vật khác bọc ghế trẻ em lại.

Ghế trẻ em đã chịu áp lực sau tai nạn cần được thay thế.

Cần đảm bảo rằng trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ được ngồi ở ghế sau có lắp ghế trẻ em.

Trước khi trẻ em có thể sử dụng dây đai an toàn, hãy lựa chọn ghế trẻ em phù hợp với từng lứa tuổi và luôn cho trẻ sử dụng ghế. Hãy tham khảo những hướng dẫn liên quan đến ghế trẻ em.

Vị trí lắp đặt ghế trẻ em

■ Các tùy chọn lắp hệ thống ghế trẻ em

Phân loại theo cân nặng và tuổi	Vị trí lắp ghế		
	Trên ghế phụ phía trước	Trên ghế phụ phía sau bên ngoài	Trên ghế phụ phía sau ở giữa
Nhóm 0: tới 10 kg	X	U2	U2
Nhóm 0+ : tới 13 kg	X	U2	U2
Nhóm I : 9 tới 18 kg	X	U2	U2
Nhóm II : 15 tới 25 kg	U1	U2	U2
Nhóm III : 22 tới 36 kg	U1	U2	U2

X : Không có hệ thống ghế trẻ em nào được phép sử dụng ở vị trí này và nhóm cân nặng này.

U1 : Cho phép lắp đặt kết hợp với dây đai an toàn ba điểm (phổ thông). Điều chỉnh ghế về phía sau cho phù hợp.

U2 : Cho phép lắp đặt kết hợp với dây đai an toàn ba điểm (bán phổ thông). Di chuyển ghế hết mức về phía trước hoặc điều chỉnh độ nghiêng của tấm tựa lưng ghế trước đạt khoảng cách cần thiết so với vị trí thẳng đứng để đảm bảo không có va chạm giữa hệ thống ghế trẻ em ở ghế sau và tấm tựa lưng ở ghế trước.

Lưu ý

Di chuyển tấm tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu tựa đầu làm ảnh hưởng tới việc lắp ghế trẻ em đúng cách, hãy tháo tựa đầu.

■ Các tùy chọn cho phép lắp hệ thống ghế trẻ em ISOFIX

Phân loại theo cân nặng	Nhóm kích thước	Cơ chế	Trên ghế phụ phía trước	Trên ghế phụ phía sau bên ngoài	Trên ghế phụ phía sau ở giữa
Nhóm 0: tới 10 kg	E	ISO/R1	X	IL (1)	X
Nhóm 0+: tới 13 kg	E	ISO/R1	X	IL (1)	X
	D	ISO/R2	X	IL (1)	X
	C	ISO/R3	X	IL (1)	X
Nhóm I: 9 tới 18 kg	D	ISO/R2	X	IL (1)	X
	C	ISO/R3	X	IL (1)	X
	B	ISO/F2	X	IL, IUF	X
	B1	ISO/F2X	X	IL, IUF	X
	A	ISO/F3	X	IL, IUF	X

IL: Phù hợp với một số hệ thống ghế trẻ em ISOFIX trong các loại 'dành riêng cho xe', 'hạn chế' hoặc 'bán phổ thông'. Hệ thống ghế trẻ em ISOFIX phải được phê duyệt cho từng loại xe cụ thể.

IUF: Phù hợp với một số hệ thống ghế trẻ em ISOFIX quay mặt về phía trước thuộc loại phổ thông và được phê duyệt sử dụng ở nhóm cân nặng này.

X: Không được sử dụng hệ thống ghế trẻ em ISOFIX ở nhóm cân nặng này.

Di chuyển ghế trước tới vị trí trên cùng hoặc di chuyển về phía trước cho tới khi hệ thống ghế trẻ em không chạm vào tựa lưng ghế phía trước.

Lưu ý

Di chuyển tấm tựa đầu đến vị trí cao nhất. Nếu tựa đầu làm ảnh hưởng tới việc lắp ghế trẻ em đúng cách, hãy tháo tựa đầu.

■ Thiết bị ghế và phân loại kích cỡ nhóm ISOFIX

A - ISO/F3

Hệ thống ghế trẻ em quay mặt ra phía trước dành cho trẻ em với kích cỡ lớn nhất trong nhóm cân nặng từ 9 tới 18 kg.

B - ISO/F2

Hệ thống ghế trẻ em quay mặt ra phía trước dành cho trẻ em với kích cỡ nhỏ hơn trong nhóm cân nặng từ 9 đến 18 kg.

B1 - ISO/F2X

Hệ thống ghế trẻ em quay mặt ra phía trước dành cho trẻ em với kích cỡ nhỏ hơn trong nhóm cân nặng từ 9 đến 18 kg.

C - ISO/R3

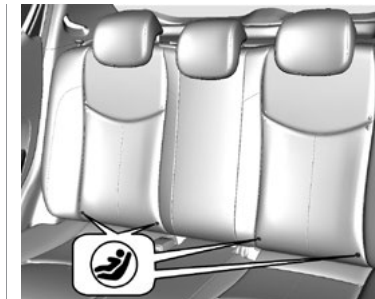
Hệ thống ghế trẻ em quay mặt ra phía sau dành cho trẻ em với kích cỡ lớn nhất trong nhóm cân nặng tới 18 kg.

D - ISO/R2

Hệ thống ghế trẻ em quay mặt ra phía sau dành cho trẻ em với kích cỡ nhỏ hơn trong nhóm cân nặng tới 18 kg.

E - ISO/R1

Hệ thống ghế trẻ em quay mặt ra phía sau dành cho trẻ em với kích cỡ nhỏ hơn trong nhóm cân nặng tới 13 kg.



Khớp lắp ISOFIX được nhận dạng qua logo ISOFIX trên tựa lưng.

Tháo tựa đầu sau trước khi lắp hệ thống ghế trẻ em. *Hệ thống ghế trẻ em* ▶T.29.

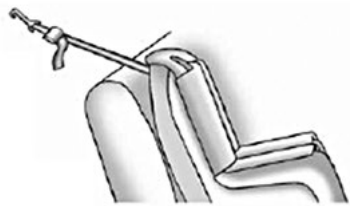
Các vị trí nằm trong danh mục thông dụng của ISOFIX được đánh dấu IUF trong bảng.

Tháo tựa đầu sau trước khi lắp hệ thống ghế trẻ em nếu cần thiết.

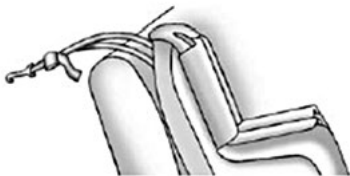
Luôn, lắp và siết chặt đai phía trên theo hướng dẫn lắp ghế trẻ em và tuân theo các hướng dẫn sau:

Hệ thống ghế trẻ em ISOFIX

Siết chặt hệ thống ghế trẻ em ISOFIX chuyên dụng vào khớp lắp ISOFIX. Vị trí hệ thống ghế trẻ em ISOFIX được đánh dấu trong bảng bằng kí hiệu IL.



Nếu bạn dùng dây đai đơn ở vị trí ghế phụ bên ngoài và đã tháo tựa đầu, hãy luồn dây đai qua lưng ghế.



Nếu bạn dùng dây đai đôi cho ghế bên ngoài và đã tháo tựa đầu, luồn dây đai qua lưng ghế.

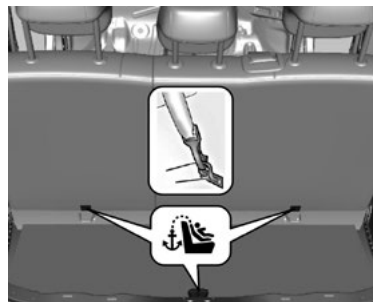



Nếu ghế sau bên ngoài đang sử dụng có tựa đầu có thể điều chỉnh được, và bạn đang dùng dây đai đơn, hãy nâng tựa đầu lên và luồn dây đai xuống dưới tựa đầu giữa hai trụ của tựa đầu.



Nếu ghế sau bên ngoài đang sử dụng có tựa đầu có thể điều chỉnh được, và bạn đang dùng dây đai đôi, hãy nâng tựa đầu lên và luồn dây đai xuống dưới tựa đầu và vòng quanh hai trụ của tựa đầu.

Hệ thống ghế trẻ em có đai giữ trên



Móc khóa đai ghế trẻ em nằm ở phía sau ghế sau. Móc khóa được đánh dấu bằng biểu tượng  cho ghế trẻ em.

Lưu ý

Chỉ sử dụng móc khóa ghế trẻ em với mục đích thiết kế.

■ Lắp ghế trẻ em

Xe được thiết kế để có thể lắp ghế trẻ em trên ghế sau.

Khi sử dụng ghế trẻ em, hãy đọc các hướng dẫn lắp đặt đi kèm với ghế trẻ em và tuân theo các hướng dẫn đối với thiết bị lắp.

Hệ thống ghế trẻ em phải được cố định cùng với dây đai an toàn của xe.

Giữ trẻ em trên ghế theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

Nếu bạn không rõ cách lắp đặt móc khóa đai ghế trẻ em, hãy liên hệ với xưởng lắp đặt ghế trẻ em được chỉ định.

Bộ phận chứa đồ

Khoang chứa đồ..... 37

Khoang chứa đồ.....37

Hộc chứa đồ trên bảng táp lô...

..... 37

Hộp đựng găng tay.....37

Để đặt cốc..... 37

Vị trí chứa đồ/Hành lý..... 38

Khoang chứa đồ.....38

Tính năng chứa đồ bổ sung.....

.....40

Nắp đậy ốp khoang chứa đồ/

Khoang sau..... 40

Hệ thống khung chở đồ..... 41

Hệ thống khung chở đồ.....41

Thông tin về việc chở đồ trên

xe..... 42

Thông tin về việc chở đồ trên

xe..... 42

Khoang chứa đồ

Khoang chứa đồ



CẢNH BÁO

Không đặt vật nặng hoặc sắc nhọn trong khoang chứa đồ. Nếu không, trong trường hợp xe phanh gấp, đổi hướng hoặc gặp tai nạn, nắp ngăn chứa đồ có thể bật mở, đồ vật văng ra có thể làm người ngồi trên xe bị thương.

Hộc chứa đồ trên bảng táp lô



Khoang chứa đồ này dùng để chứa các vật dụng nhỏ, v.v.

Hộp đựng găng tay



Trong hộp đựng găng tay có một khoang để đựng Sách hướng dẫn sử dụng. Kéo vấu để mở khoang chứa đồ. Nên đóng hộp đựng găng tay khi lái xe.

Để đặt cốc



Để đặt cốc nằm ở hộc giữa.

Vị trí chứa đồ/Hành lý

Khoang chứa đồ

■ Khoang chứa đồ mở rộng

⚠ CHÚ Ý

Xoay đệm lưng ghế sau, sau đó gập tấm tựa lưng ghế sau lại. Không thực hiện thao tác này có thể làm hỏng ghế sau.

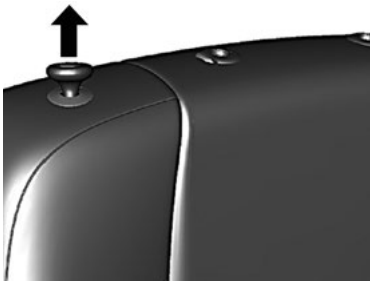
1. Ấn cả hai chốt hãm để nhắc tựa đầu lên trên.

Lưu ý

Để đảm bảo có đủ khoảng trống để thao tác đệm ghế sau, hãy trượt ghế trước lên phía trước và dựng thẳng tấm tựa lưng ghế.



2. Kéo mép trước của đệm ghế sau lên để tháo ra. Nghiêng đệm ghế về phía trước hướng về đầu xe.



3. Kéo nút điều khiển nhả trên phần lưng ghế.



4. Gập tấm tựa lưng xuống về phía trước.



5. Đặt dây đai an toàn cho các ghế phía ngoài vào đúng dẫn hướng dây đai.

Để trả tựa lưng về vị trí ban đầu, nhắc tựa lưng lên và kéo dây đai an toàn ra khỏi dẫn hướng dây đai.

Kéo mạnh tựa lưng vào vị trí.

⚠ CẢNH BÁO

Khi gập lên, đảm bảo tựa lưng đã được khóa vào đúng vị trí trước khi lái. Nếu không, có thể gây ra thương tổn hoặc làm hư hỏng hàng hóa hoặc xe trong trường hợp phanh gấp hoặc va chạm.

Đảm bảo rằng dây đai an toàn không bị thắt chốt cài khóa. Dây đai an toàn ghế giữa phía sau có thể bị khóa khi bạn nâng tấm tựa lưng. Trong trường hợp này, hãy kéo dây đai về lại vị trí và lắp lại thao tác. Nếu dây đai an toàn vẫn bị khóa, hãy xoay đệm ghế xuống và thử lại.

Để lắp lại đệm ghế sau, đặt phần đuôi của đệm ghế sau về vị trí ban đầu, đảm bảo rằng các khóa cài đai an toàn không bị xoắn hoặc bị kẹt trong đệm ghế, sau đó đẩy mạnh phần trước của đệm ghế xuống cho tới khi vào chốt.

⚠ CHÚ Ý

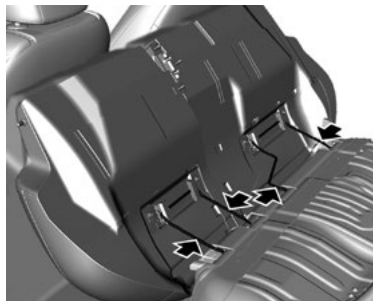
Khi xoay lại tựa lưng ghế sau về vị trí thẳng đứng, đặt dây đai an toàn phía sau và khóa cài vào giữa tựa lưng ghế sau và tấm đệm ghế. Đảm bảo rằng dây đai an toàn ghế sau và khóa cài không bị xoắn dưới đệm ghế.

Đảm bảo rằng các dây đai an toàn không bị xoắn lại hoặc bị kẹt trong tấm tựa lưng và đã được đặt ở đúng vị trí.

Lưu ý

Khoang hành lý bao gồm các phụ tùng được Nhà sản xuất lắp đặt sẵn (bánh xe dự phòng, kích, v.v.). Không bao gồm các phụ tùng tùy chọn như túi cứu thương hoặc bình cứu hỏa. Các tính năng đặc biệt chẳng hạn như tựa lưng ghế sau có thể gập hoặc tháo rời, đã được nhà sản xuất thiết kế để đạt tải trọng tối đa, và các thông số tải sẽ tuân theo giới hạn tải sau đây.

Giới hạn tải trước: tựa lưng ghế sau nằm ngay trước khoang hành lý (khoang được nhà sản xuất lắp đặt tại vị trí đi xe hoặc lái xe bình thường), và/hoặc ghế sau được gập xuống, và/hoặc tấm tựa lưng ghế sau được gập xuống hoặc tháo ra, với giới hạn tải trước phía trên tựa lưng là mặt phẳng đứng tiếp xúc với phía sau của tựa lưng ghế trước và chiều cao tải bị giới hạn bởi trần xe.

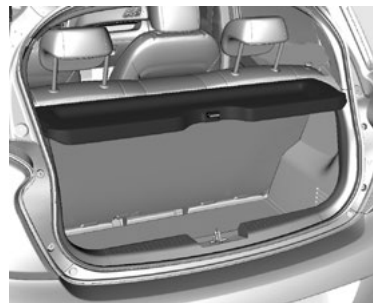


Để tháo đệm ghế sau, đẩy bàn lề theo hướng mũi tên.

Tính năng chứa đồ bổ sung

Nắp đậy ốp khoang chứa đồ/Khoang sau

■ Nắp đậy khoang chứa đồ



Bạn có thể để các vật dụng nhỏ hoặc vật cần bảo quản ở khu chứa đồ.

Để tận dụng tấm ốp, treo móc treo vào hai mẫu neo trên cửa sau thùng xe.

Đặt tấm ốp vào phía sau hàng ghế sau nếu không sử dụng.

Lưu ý

Đặt tấm ốp sai vị trí có thể gây ồn và làm mòn tấm ốp do tiếp xúc với ghế sau.

⚠ CHÚ Ý

Không để vật nặng trên tấm ốp. Do nắp đậy tấm ốp khoang chứa đồ lớn hơn cửa sau thùng xe, khi lắp và tháo, hãy xoay tấm ốp để lắp dễ dàng hơn.

Hệ thống khung chở đồ

Hệ thống khung chở đồ

■ Khung chở đồ

⚠ CẢNH BÁO

Nếu đồ vật chở trên nóc xe dài hoặc rộng hơn so với khung chở đồ — ví dụ như khung nhựa, đồ gỗ dán, hoặc đệm giường — có thể bị gió cản khi lái xe. Đồ vật bạn đang chở có thể bị gãy, rách, gây va chạm và hư hại cho xe của bạn. Không chở đồ vật dài hoặc rộng hơn khung chở đồ trên nóc xe trừ khi sử dụng phụ kiện chính hãng.

Khung chở đồ có rãnh gắn với nóc xe.

Vì lý do an toàn và để tránh làm hư hại nóc xe, chỉ sử dụng hệ

thống khung chở đồ khuyến dùng. Liên hệ đại lý ủy quyền của bạn để biết thêm chi tiết.

⚠ CHÚ Ý

Hàng hóa được chở trên khung xe có khối lượng lớn hơn 50 kg (110 lb) hoặc treo bên ngoài che phủ đuôi xe hoặc hai bên sườn, sẽ làm hỏng xe của bạn. Xếp hàng hóa nằm cân bằng giữa các thanh chắn, đảm bảo siết chặt các thùng hàng cẩn thận.

Để ngăn ngừa hư hại và mất mát hàng hóa khi lái xe, kiểm tra để đảm bảo thanh chắn và hàng hóa đã được siết cẩn thận. Chở hàng hóa trên khung chở đồ sẽ khiến trọng lượng giữa xe nặng hơn. Tránh chạy xe với tốc độ cao, khởi động, rẽ hoặc phanh gấp, hoặc tăng tốc bất chợt; nếu không có thể gây mất

kiểm soát cho người lái. Nếu lái xe đường dài, đường gồ ghề hoặc lái xe tốc độ cao, thỉnh thoảng hãy dừng xe để kiểm tra xem hàng hóa có ở vị trí cũ hay không. Không vượt quá tải trọng của xe khi xếp đồ.

Thông tin về việc chở đồ trên xe

Thông tin về việc chở đồ trên xe

- Những vật nặng trong khoang chứa đồ nên được đặt sát vào tựa lưng ghế. Đảm bảo rằng tựa lưng ghế đã được khớp chắc chắn. Nếu có thể xếp chồng đồ vật lên nhau, hãy xếp thứ nặng hơn ở dưới.
- Cố định đồ trong khoang để tránh bị xô dịch.
- Khi vận chuyển đồ vật trong khoang chứa đồ, không ngả tựa lưng ghế sau về phía trước.
- Không xếp đồ cao hơn mặt trên của tấm tựa lưng.
- Không để vật gì lên nắp khoang chứa đồ hoặc bảng táp lô, và không che khuất cảm biến trên đỉnh bảng táp lô.

- Các đồ vật không được gây cản trở hoạt động của bàn đạp, phanh tay, cần số hoặc cản trở chuyển động của lái xe. Không đặt đồ vật ở trong xe mà không cố định, chằng buộc.
- Không lái xe khi khoang chứa đồ vẫn mở.

CẢNH BÁO

Luôn đảm bảo hàng hóa trên xe được xếp đặt gọn gàng. Nếu không đồ vật có thể bị quăng quật bên trong xe và gây ra thương tích cho người ngồi trên xe hoặc gây hư hại cho hàng hóa hoặc xe.

- Tải trọng là chênh lệch giữa tổng trọng lượng xe cho phép nhận dạng. *Tấm nhận dạng* (► T. 201) và trọng lượng không tải

của xe, tham khảo mục thông số kỹ thuật.

- Trọng lượng không tải bao gồm trọng lượng của lái xe (68 kg), của hành lý (7 kg) và tất cả các loại dung dịch (bình đầy 90%). Các thiết bị và phụ kiện tùy chọn sẽ làm gia tăng trọng lượng không tải.
- Chở hàng hóa trên nóc xe sẽ làm tăng độ ảnh hưởng của gió thổi ngang và gây khó khăn hơn cho việc điều khiển xe do trọng tâm của xe khi đó cao hơn. Chia đều hành lý và cố định bằng dây. Điều chỉnh áp suất lốp và tốc độ của xe tùy theo các điều kiện vận chuyển. Thường xuyên kiểm tra và buộc chặt các dây.

Đồng hồ và bảng điều khiển

Bảng điều khiển.....44

Điều chỉnh vô lăng.....	44
Bảng điều khiển trên vô lăng....	44
Còi	44
Cần gạt nước kính chắn gió/ Rửa kính	45
Cần gạt nước kính sau/ Rửa kính	45
Nhiệt độ ngoài trời.....	46
Đồng hồ	46
Ổ cắm điện.....	47

Đèn cảnh báo, đồng hồ và các đèn báo hiệu 47

Đồng hồ đo tốc độ.....	47
Đồng hồ đo quãng đường	47
Đồng hồ đo hành trình.....	47
Đồng hồ đo số vòng quay động cơ	48
Đồng hồ nhiên liệu.....	48
Đèn báo hiệu điều khiển.....	49
Màn hình bảo dưỡng	52
Đèn báo rẽ.....	52

Hệ thống nhắc cài dây đai an toàn.....	53
Đèn báo túi khí và bộ căng đai khẩn cấp	53
Đèn báo hệ thống sạc.....	53
Đèn báo lỗi.....	54
Đèn báo bảo dưỡng xe	54
Đèn cảnh báo hệ thống phanh và ly hợp	54
Đèn cảnh báo hệ thống chống bó cứng phanh (ABS).....	54
Đèn sang số.....	54
Đèn báo trợ lực lái biến thiên..	55
Đèn báo hệ thống điều khiển cân bằng điện tử (ESC)	55
Đèn báo hệ thống điều khiển cân bằng điện tử (ESC) tắt.....	55
Đèn cảnh báo nhiệt độ nước làm mát động cơ.....	55
Đèn báo áp suất dầu động cơ	55

Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp	56
Đèn báo khóa động cơ	56
Đèn báo công suất động cơ giảm	56
Đèn báo đạp chân phanh.....	56
Đèn báo đèn pha bật.....	56
Đèn sương mù phía trước	57
Đèn nhắc bật đèn	57
Đèn báo nắp capô chưa đóng chặt.....	57
Đèn báo cửa chưa đóng chặt	57

Màn hình hiển thị thông tin.....57

Hệ thống trung tâm thông tin cho người lái (DIC).....	57
--	----

Tin nhắn thông báo 61

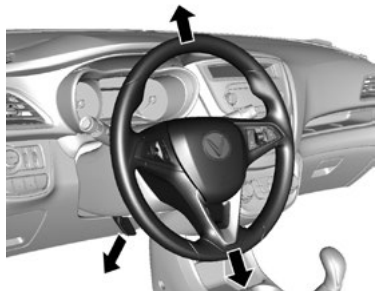
Tin nhắn thông báo	61
Chuông cảnh báo.....	62

Cài đặt riêng của xe..... 63

Cài đặt riêng của xe	63
----------------------------	----

Bảng điều khiển

Điều chỉnh vô lăng



Mở khóa cần điều chỉnh, điều chỉnh vô lăng, sau đó cài cần về vị trí khóa hoàn toàn.

Chỉ điều chỉnh vô lăng khi xe đang đỗ và vô lăng không khóa.

Hệ thống túi khí → T.26.

Vị trí khởi động → T.137.

Bảng điều khiển trên vô lăng



Có thể điều khiển hệ thống thông tin giải trí, kết nối điện thoại di động thông qua bộ điều khiển trên vô lăng.

Tham khảo sách hướng dẫn hệ thống thông tin giải trí để biết thêm thông tin.

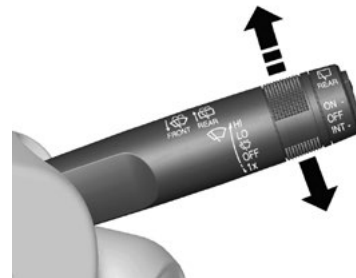
Còi



Bấm .


Cần gạt nước kính chắn gió/Rửa kính

■ Cần gạt nước kính chắn gió



HI: Gạt liên tục, tốc độ nhanh.

LO: Gạt liên tục, tốc độ thấp.

 Hoạt động gián đoạn.

OFF: Tắt hệ thống.

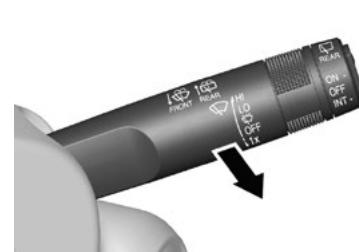
1x: Chức năng sương mù.

Để gạt từng cái một khi tắt gạt nước kính chắn gió, nhấn cần

xuống vị trí 1x.

Không sử dụng chức năng này nếu kính chắn gió bị đóng băng. Tắt chức năng này khi rửa xe.

■ Rửa kính chắn gió



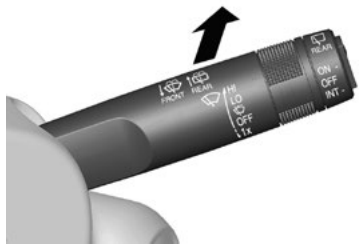
Kéo cần điều khiển. Nước rửa kính được xịt lên kính chắn gió và cần gạt sẽ gạt vài lần.

Cần gạt nước kính sau/Rửa kính



Nhấn công tắc chuyển đổi để kích hoạt cần gạt nước kính sau:

- **Vị trí phía trên:** Khoảng cách gạt ngắn
- **Vị trí phía dưới:** Khoảng cách gạt dài
- **Vị trí ở giữa:** Tắt



Đây là cần điều khiển. Nước rửa kính được xịt lên kính sau và cần gạt sẽ gạt vài lần.

Không sử dụng nếu kính chắn gió bị đóng băng. Tắt chức năng này khi rửa xe.

Cần gạt nước kính sau tự động gạt khi bật cần gạt kính chắn gió và xe gài số lùi.

Bật và tắt chức năng này bằng menu Cài đặt trong Màn hình hiển thị thông tin.

Cài đặt riêng của xe → T.63.

Nhiệt độ ngoài trời



Nhiệt độ ngoài trời hiển thị trong màn hình thông tin giải trí. Hệ thống trung tâm thông tin cho người lái (DIC) → T.57.

Đồng hồ



Ngày và giờ hiển thị trong màn hình thông tin giải trí. Cài đặt riêng của xe → T.63.

Ổ cắm điện



Ổ cắm điện 12 V được đặt ở hộc giữ.

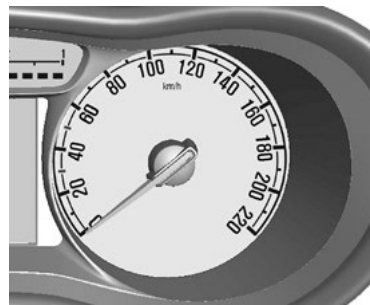
Không sử dụng quá công suất tối đa 120 W.

Khi tắt khóa khởi động, ổ cắm điện cũng tắt. Ngoài ra, ổ cắm điện cũng tắt khi điện áp ắc quy thấp.

Không kết nối với bất kỳ thiết bị mang điện nào, ví dụ: thiết bị đang sạc điện hoặc ắc quy. Sử dụng phích cắm không phù hợp có thể làm hỏng ổ cắm.

Đèn cảnh báo, đồng hồ và các đèn báo hiệu

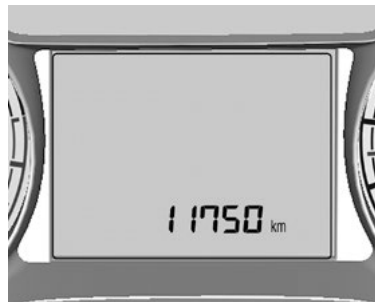
Đồng hồ đo tốc độ



Hiển thị tốc độ xe.

Kim chỉ đồng hồ đo tốc độ có thể rung nhẹ sau khi tắt động cơ. Đây không phải là dấu hiệu hỏng hóc mà là hoạt động bình thường để hiệu chỉnh vị trí kim chỉ trong đồng hồ đo tốc độ và đồng hồ đo số vòng quay động cơ.

Đồng hồ đo quãng đường



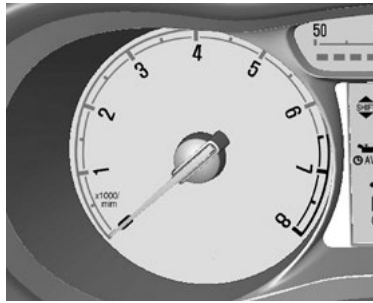
Dòng dưới cùng thể hiện quãng đường đã đi tính bằng km.

Đồng hồ đo hành trình

Dòng trên cùng thể hiện quãng đường đã đi kể từ lần cài đặt cuối.

Để đặt lại, bấm **SET/CLR** trên cần gạt đèn báo rẽ trong vài giây. Hệ thống trung tâm thông tin cho người lái (DIC) → T.57.

Đồng hồ đo số vòng quay động cơ



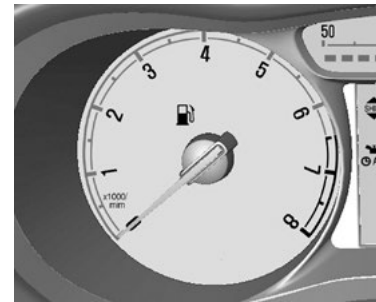
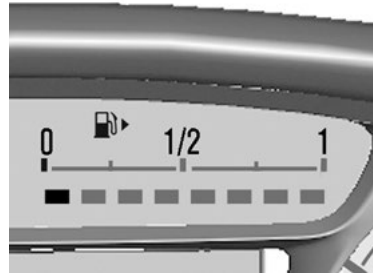
Hiển thị tốc độ vòng quay động cơ. Nên lái xe ở tốc độ vòng quay động cơ thấp nhất có thể đối với mỗi số.

Kim chỉ trên đồng hồ đo số vòng quay động cơ có thể rung nhẹ sau khi động cơ tắt. Đây không phải là dấu hiệu hỏng hóc mà là hoạt động bình thường để hiệu chỉnh vị trí kim chỉ trong đồng hồ đo tốc độ và đồng hồ đo số vòng quay động cơ.


⚠ CHÚ Ý

Nếu kim chỉ vào vùng màu đỏ, động cơ đã vượt quá tốc độ tối đa cho phép. Động cơ có nguy cơ bị hỏng.

Đồng hồ nhiên liệu



Hiển thị mức nhiên liệu trong bình tùy theo chế độ vận hành.

Đèn báo hiệu điều khiển  phát sáng nếu nhiên liệu ở mức thấp. Đỗ xăng ngay nếu đèn nhấp nháy.

Khi xe chạy bằng gas hóa lỏng, hệ thống sẽ tự động chuyển sang vận hành bằng xăng nếu bình gas cạn. Không được để cạn sạch nhiên liệu.

Do nhiên liệu có thể vẫn còn lại trong bình, lượng nhiên liệu đổ thêm có thể sẽ ít hơn dung tích của bình.

Sự chuyển động của nhiên liệu trong bình làm cho kim chỉ của đồng hồ nhiên liệu chuyển động khi bạn phanh, tăng tốc hay rẽ.

⚠ NGUY HIỂM

Dừng xe và tắt động cơ trước khi bơm nhiên liệu.

Đèn báo hiệu điều khiển

Các đèn báo hiệu điều khiển được mô tả có thể không có ở tất cả các xe. Mô tả sau đây dùng cho tất cả các phiên bản có đồng hồ.

Tùy vào thiết bị mà vị trí của đèn báo hiệu điều khiển có thể khác nhau.

Khi khóa khởi động mở, hầu hết các đèn báo hiệu điều khiển sẽ phát sáng một lúc để kiểm tra chức năng.

Ý nghĩa các màu của đèn báo hiệu điều khiển:

- **Đỏ:** Nguy hiểm, nhắc nhở quan trọng
- **Vàng:** Cảnh báo, thông tin, lỗi
- **Xanh lá cây:** Xác nhận kích hoạt
- **Xanh da trời:** Xác nhận kích hoạt
- **Trắng:** Xác nhận kích hoạt

Các đèn báo hiệu điều khiển trên cụm đồng hồ



■ Các đèn báo hiệu điều khiển trên cụm đồng hồ



■ Tổng quan

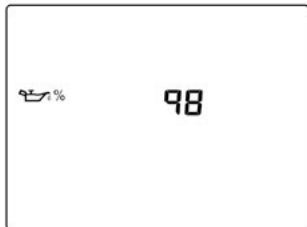
- ☎: Đèn báo rẽ → T.52.
- 🚰: Hệ thống nhắc cài dây đai an toàn → T.53.
- 👤: Đèn báo túi khí và bộ căng đai khẩn cấp → T.53.
- 👤: Đèn báo bật/tắt túi khí → T.53.
- 🧼: Đèn báo hệ thống sạc → T.53.

- 🔧: Đèn báo lỗi → T.54.
- 🚗: Đèn báo bảo dưỡng xe → T.54.
- ⚠️: Đèn cảnh báo hệ thống phanh và ly hợp → T.54.
- 🛑: Đèn cảnh báo hệ thống chống bó cứng phanh ABS → T.54.
- ⬆️: Đèn sang số → T.54.
- 🌀: Đèn báo trợ lực lái biến thiên → T.55.
- ⚖️: Đèn báo hệ thống điều khiển cân bằng điện tử (ESC) → T.55.
- OFF: Đèn báo hệ thống điều khiển cân bằng điện tử (ESC) tắt → T.55.
- 🛑: Đèn báo tắt hệ thống chống trượt (TCS) → T.148.
- 🌡️: Đèn cảnh báo nhiệt độ nước làm mát động cơ → T.55.

- 🚗: Đèn báo áp suất dầu động cơ → T.55.
- 🛢️: Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp → T.56.
- 🔒: Đèn báo khóa động cơ → T.56.
- 🚗: Đèn báo công suất động cơ giảm → T.56.
- 🌀: Đèn báo đèn pha bật → T.56.
- 🌧️: Đèn sương mù phía trước → T.57.
- 🚗: Đèn nhắc bật đèn → T.57.
- 🚗: Đèn báo nắp ca pô chưa đóng chặt → T.57.
- 🚗: Đèn báo cửa chưa đóng chặt → T.57.
- 🚗: Đèn báo đạp chân phanh → T.56.

Màn hình bảo dưỡng

Hệ thống kiểm soát tuổi thọ dầu động cơ cho biết thời điểm thay dầu động cơ và bộ lọc. Dựa vào điều kiện lái xe, thời gian thay dầu động cơ và bộ lọc có thể khác nhau đáng kể.



Có thể chọn menu và chức năng qua các nút trên cần gạt đèn báo rẽ.

Để hiển thị thời gian sử dụng dầu động cơ còn lại:



Ấn **MENU** để chọn menu thông tin xe.

Xoay bánh xe điều chỉnh để chọn thời hạn sử dụng dầu còn lại.

Thiết lập lại hệ thống mỗi khi thay dầu động cơ để có thể vận hành chính xác. Liên hệ ngay xưởng sửa chữa để được hỗ trợ.

Ấn **SET/CLR** để thiết lập lại. Bật khóa khởi động với động cơ không chạy.

Khi hệ thống tính toán thời hạn sử dụng dầu động cơ đã hết, hệ

thống Trung tâm thông tin cho người lái xuất hiện thông báo thay dầu động cơ sớm hoặc mã cảnh báo. Thay dầu động cơ và bộ lọc tại xưởng sửa chữa trong vòng 1000 km tiếp theo.

Hệ thống trung tâm thông tin cho người lái (DIC) → T.57.

Thông tin bảo dưỡng → T.192.

Đèn báo rẽ

☞☜ sáng hoặc nhấp màu lục.

Nháy đèn

Đèn nhấp cảnh báo nguy hiểm hoặc đèn nhấp báo rẽ được kích hoạt.

Nháy nhanh: lỗi đèn báo rẽ hoặc cầu chì liên quan, lỗi đèn báo rẽ trên rơ moóc.

Thay bóng đèn → T.163.

Cầu chì → T.169.

Đèn báo rẽ và chuyển làn → T.69.

Hệ thống nhắc cài dây đai an toàn

■ Hệ thống nhắc cài dây đai an toàn trên ghế trước

☹️ sáng hoặc nhấp màu đỏ.



☹️ 2 ghế phụ phía trước sáng hoặc nhấp màu đỏ trong hộc trên trần khi có người ngồi trên ghế.

Phát sáng

Sau khi mở khóa khởi động cho đến khi đã cài chặt dây an toàn. Khi khởi động xe, đèn sẽ nhấp sáng và phát ra tiếng chuông

nhắc nhở lái xe thắt dây an toàn. Sau đó, đèn sáng liên tục cho đến khi dây an toàn được cài khóa.

Chu trình này có thể lặp lại vài lần nếu lái xe vẫn không cài hoặc mở khóa đai an toàn khi xe đang di chuyển.

Nếu lái xe đã cài dây an toàn, đèn sẽ tắt và không còn chuông báo.

Đèn báo túi khí và bộ căng đai khẩn cấp

☹️ sáng màu đỏ.

Khi khóa khởi động bật, đèn báo điều khiển sẽ phát sáng trong khoảng vài giây. Nếu đèn không phát sáng, không tắt sau vài giây hoặc vẫn tiếp tục sáng khi xe chạy cho biết hệ thống túi khí đang lỗi. Liên hệ ngay xưởng sửa chữa để được hỗ trợ. Túi khí và bộ căng đai khẩn cấp có thể không kích hoạt khi xảy ra tai nạn.

☹️ phát sáng liên tục biểu thị hoạt động của bộ căng đai khẩn cấp hoặc túi khí.

⚠️ CẢNH BÁO

Liên hệ ngay xưởng sửa chữa để khắc phục sự cố.

Dây đai an toàn → T.24.

Hệ thống túi khí → T.26.

Đèn báo hệ thống sạc


☹️ sáng màu đỏ.

Sáng khi bật khóa khởi động và tắt ngay sau khi động cơ khởi động.

Sáng khi động cơ đang chạy

Dừng xe, tắt máy.Ắc quy xe không được nạp. Hệ thống làm mát động cơ tạm dừng. Bộ trợ lực phanh dừng hoạt động. Liên hệ ngay xưởng sửa chữa để được hỗ trợ.

Đèn báo lỗi

 sáng hoặc nháy màu vàng. Sáng khi bật khóa khởi động và tắt ngay sau khi động cơ khởi động.


Sáng khi động cơ đang chạy

Lỗi trong hệ thống kiểm soát khí thải. Có thể vượt mức khí thải cho phép. Liên hệ ngay xưởng sửa chữa để được hỗ trợ.


Nháy khi động cơ đang chạy


Lỗi có thể dẫn tới hư hỏng bộ trung hòa khí xả. Nới lỏng chân ga cho đến khi dừng nháy sáng. Liên hệ ngay tới xưởng sửa chữa để được hỗ trợ.

Đèn báo bảo dưỡng xe

 sáng màu vàng. Màn hình hiển thị mã cảnh báo. Xe cần được bảo dưỡng. Liên hệ ngay xưởng sửa chữa để được hỗ trợ.
Tin nhắn thông báo → T.61.

Đèn cảnh báo hệ thống phanh và ly hợp

Đèn cảnh báo  phát sáng một thời gian ngắn khi khóa khởi động bật cho biết đèn đang hoạt động.


Nếu đèn cảnh báo  không tắt hoặc sáng trong khi lái xe và nhả phanh tay, có vấn đề với phanh xe:

- Dừng xe ngay khi có thể
- Kiểm tra mức dầu phanh.
Dầu phanh → T.161.
Phanh tay → T.147.
- Dừng cho đến khi nhận thấy có thể phanh xe hoặc đã khắc phục được sự cố.
- Liên hệ với đại lý nếu cần.

 CẢNH BÁO


Không lái xe khi đèn cảnh báo hệ thống phanh sáng.

Đèn cảnh báo hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)


 sáng màu vàng
Phát sáng trong vài giây sau khi bật khóa khởi động. Hệ thống sẵn sàng hoạt động khi đèn báo điều khiển tắt.

Nếu đèn báo điều khiển không tắt sau vài giây hoặc phát sáng khi xe chạy, hệ thống ABS đang bị lỗi. Hệ thống phanh vẫn tiếp tục hoạt động nhưng không có chức năng chống bó cứng.
Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) → T.146.


Đèn sang số

 với số cao hơn tiếp theo được chỉ định, khi được khuyến cáo lên số để tiết kiệm nhiên liệu.

Đèn báo trợ lực lái biến thiên



 sáng màu vàng.
Sáng khi bật khóa khởi động và tắt ngay sau khi động cơ khởi động.
Lỗi hệ thống lái trợ lực điện. Tình trạng này có thể khiến người lái phải đánh lái nhiều hoặc ít hơn. Tham khảo ý kiến xưởng sửa chữa.

Đèn báo hệ thống điều khiển cân bằng điện tử (ESC)


Đèn báo  phát sáng một thời gian ngắn khi khóa khởi động bật cho biết đèn đang hoạt động. Nếu đèn nháy sáng khi đang lái xe, hệ thống ESC (điều khiển cân bằng điện tử) đang hỗ trợ duy trì độ bám đường và độ ổn định của xe.

Nếu đèn sáng hoặc không tắt khi đang lái xe, hãy liên hệ ngay với Đại lý ủy quyền.

Đèn báo hệ thống điều khiển cân bằng điện tử (ESC) tắt


Đèn báo  sáng một thời gian ngắn khi khóa khởi động bật cho biết đèn đang hoạt động.
 sáng khi tắt ESC.
Hệ thống điều khiển cân bằng điện tử (ESC) → T.149.

Đèn cảnh báo nhiệt độ nước làm mát động cơ

 sáng màu đỏ.
Sáng khi bật khóa khởi động và tắt ngay sau khi động cơ khởi động. Đèn này cho biết nước làm mát động cơ bị quá nhiệt. Nếu vận hành ô tô trong các điều kiện lái xe bình thường,

dừng xe, tạt vào ven đường và để động cơ nổ cầm chừng trong vài phút.
Nếu đèn không tắt, tắt động cơ và hỏi ý kiến xưởng sửa chữa càng sớm càng tốt. Nên hỏi ý kiến đại lý ủy quyền.

Đèn báo áp suất dầu động cơ

 sáng màu đỏ.
Sáng khi bật khóa khởi động và tắt ngay sau khi động cơ khởi động.

Sáng khi động cơ đang chạy** CHÚ Ý**

Quá trình bôi trơn động cơ bị gián đoạn. Điều này có thể gây hỏng xe và/hoặc khóa bánh xe dẫn động.

Nếu đèn báo áp suất dầu động cơ sáng trong khi lái xe, tạt xe

vào lề đường, dừng động cơ và kiểm tra mức dầu.


1. Nhấn ly hợp.
2. Chọn số trung gian, gạt cần chọn sang N.
3. Nhanh chóng di chuyển xe khỏi làn đường giao thông để tránh gây cản trở cho các phương tiện khác.
4. Tắt khóa khởi động.

CẢNH BÁO

Khi động cơ tắt, cần thêm lực để phanh và đánh lái. Không rút chìa khóa cho đến khi xe đứng yên, nếu không vô lăng có thể bị khóa ngoài ý muốn.

Kiểm tra mức dầu trước khi yêu cầu sự hỗ trợ từ xưởng sửa chữa. *Dầu động cơ* → T.157.

Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp

 sáng hoặc nháy màu vàng. Sáng khi bật khóa khởi động và tắt ngay sau khi động cơ khởi động.


Phát sáng

Mức nhiên liệu trong bình còn quá ít.


Nháy đèn

Đã hết nhiên liệu. Đồ nhiên liệu ngay lập tức. Không bao giờ để cạn sạch nhiên liệu. *Bộ trung hòa khí xả* → T.140.


Đèn báo khóa động cơ

 nháy màu vàng. Sáng khi bật khóa khởi động và tắt ngay sau khi động cơ khởi động. Lỗi hệ thống khóa động cơ. Không thể khởi động động cơ.


Đèn báo công suất động cơ giảm

 sáng màu vàng. Sáng khi bật khóa khởi động và tắt ngay sau khi động cơ khởi động. Công suất động cơ hạn chế. Tham khảo ý kiến xưởng sửa chữa.


Đèn báo đạp chân phanh

 sáng hoặc nháy màu vàng. Vận hành bàn đạp ly hợp hoặc bàn đạp phanh để khởi động động cơ.


Đèn báo đèn pha bật

 sáng màu xanh da trời. Phát sáng khi bật đèn pha và trong khi đèn pha nháy sáng. *Bộ điều khiển đèn ngoài* → T.68.

Đèn sương mù phía trước

 sáng màu lục. *Đèn sương mù phía trước* → T.69.


Đèn nhắc bật đèn

 sáng màu lục. *Bộ điều khiển đèn ngoài* → T.68.

Đèn báo nắp ca pô chưa đóng chặt

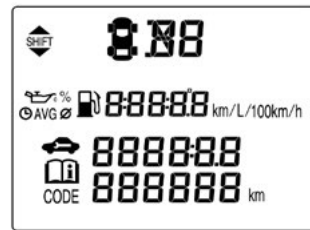
 sáng khi nắp ca pô mở.

Đèn báo cửa chưa đóng chặt

 sáng màu đỏ. Sáng khi bật khóa khởi động và tắt ngay sau khi động cơ khởi động. Cửa hoặc cửa hậu mở.

Màn hình hiển thị thông tin

Hệ thống trung tâm thông tin cho người lái (DIC)



Hệ thống trung tâm thông tin cho người lái (DIC) nằm trong bảng điều khiển. Chọn trang menu bằng cách ấn **MENU** trên cần gạt đèn báo rẽ. Các trang menu có thể chọn trong màn hình hiển thị tâm trung:

- Menu hành trình, xem bên dưới
- Menu xe, xem bên dưới

Một số chức năng hiển thị khác khi chạy xe hoặc đứng yên. Một số chức năng chỉ có sẵn khi xe đứng yên.

■ **Chọn menu và chức năng**
Có thể chọn menu và chức năng qua các nút trên cần gạt đèn báo rẽ.



Ấn **MENU** để chuyển đổi giữa các menu hoặc trở lại từ menu phụ tới menu cao hơn kế tiếp.



Xoay bánh xe điều chỉnh để đánh dấu một tùy chọn menu hoặc thiết lập giá trị số.



Ấn **SET/CLR** để chọn một chức năng hoặc xác nhận tin nhắn thông báo.

Menu hành trình



Đồng hồ đo hành trình nằm trong hệ thống trung tâm thông tin cho người lái (DIC). Đồng hồ cung cấp thông tin lái xe cho người lái như: tốc độ trung bình, quãng đường đi được với lượng nhiên liệu còn lại, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình và thời gian lái xe.

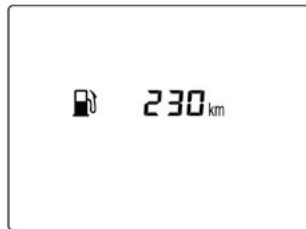
Đồng hồ đo quãng đường



Đồng hồ đo quãng đường hiển thị quãng đường đã ghi kể từ khi cài đặt lại.

Để cài đặt lại, ấn **SET/CLR** hoặc nút điều khiển trong vài giây.

Phạm vi nhiên liệu



Chế độ này cho biết quãng đường dự đoán đi được đối với mức nhiên liệu hiện tại trong bình nhiên liệu.

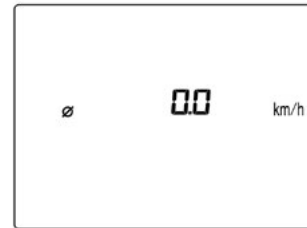
Nếu đỗ xăng khi xe đang xuống dốc hoặc đã ngắt kết nối ắc quy, sẽ không thể đọc được giá trị thực tế của đồng hồ đo hành trình.

Lưu ý

Đồng hồ đo hành trình là thiết bị phụ trợ và có thể có sự khác biệt về quãng đường thực tế tính trên lượng nhiên liệu còn lại tùy từng trường hợp.

Quãng đường xe đi được với lượng nhiên liệu còn lại thay đổi tùy vào người lái, mặt đường và tốc độ của xe, vì giá trị này được tính toán dựa trên mức hiệu quả nhiên liệu thay đổi.

Tốc độ trung bình của xe

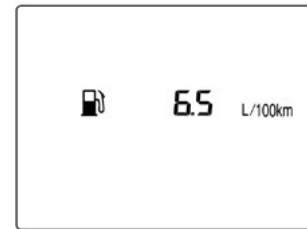


Chế độ này cho biết tốc độ trung bình của xe.

Tốc độ trung bình của xe được tích lũy trong khi động cơ chạy ngay cả khi không điều khiển ô tô.

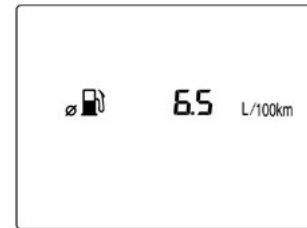
Để cài đặt lại tốc độ trung bình, ấn **SET/CLR**.

Tiết kiệm nhiên liệu tức thời



Màn hình hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu tức thời.

Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình



Chế độ này cho biết lượng tiêu hao nhiên liệu trung bình của xe.

Để thiết lập lại **mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình**, ấn **SET/CLR** trong vài giây.

Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình được tích lũy trong khi động cơ đang chạy ngay cả khi không điều khiển ô tô.

■ Đồng hồ hẹn giờ



Chế độ này cho biết tổng thời gian lái xe.

Thời gian lái xe được tích lũy từ lần cuối thiết lập lại thời gian lái. Để dừng hoặc bắt đầu thời gian

lái xe, ấn **SET/CLR**.

Để thiết lập lại thời gian lái xe, ấn **SET/CLR** trong vài giây.

Lưu ý

Tốc độ trung bình, quãng đường đi được tính trên lượng nhiên liệu còn lại, mức tiêu hao nhiên liệu trung bình có thể khác với khoảng cách thực tế, tùy theo các điều kiện lái xe, kiểu lái hay tốc độ xe.

■ Menu xe

Có thể chọn thứ tự sau:

- Thời hạn sử dụng dầu động cơ
- Thiết lập đơn vị

Có thể chọn từng menu bằng cách xoay bánh xe điều chỉnh trong cần gạt đèn báo rẽ.

■ Thời hạn sử dụng dầu động cơ



Màn hình này hiển thị mức dự đoán về thời gian hữu dụng còn lại của dầu.

Nếu màn hình hiển thị 98, thời gian hữu dụng còn lại của dầu hiện tại là 98%.

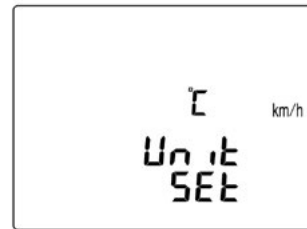
Khi thời hạn sử dụng dầu còn lại thấp, hệ thống trung tâm thông tin cho người lái (DIC) hiển thị tin nhắn thông báo. Thay dầu động cơ càng sớm càng tốt.

Sau khi thay dầu động cơ, phải thiết lập lại hệ thống thời hạn

sử dụng dầu động cơ. Để thiết lập lại, ấn **SET/CLR** hoặc nút điều khiển trong vài giây.

Dầu động cơ → T.157.

■ Thiết lập đơn vị



Ấn **SET/CLR** hoặc nút điều khiển vài giây.

Vặn bánh xe điều chỉnh để chọn một trong các cài đặt.

1. Hệ mét (km/h, °C)
2. Hệ đo Anh (dặm/giờ, °C)
3. Hệ đo Mỹ (dặm/giờ, °F)

Khi thay đổi đơn vị, đơn vị đã chọn sẽ nháy sáng.

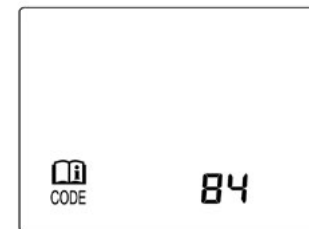
Ấn **SET/CLR** hoặc nút điều khiển để xác nhận.

Tin nhắn thông báo

Tin nhắn thông báo

Tin nhắn thông báo chủ yếu hiển thị trong hệ thống trung tâm thông tin cho người lái (DIC), trong một số trường hợp, thông báo sẽ đi kèm cảnh báo và còi báo.

Ấn **SET/CLR, MENU** hoặc xoay bánh xe điều chỉnh để xác nhận thông báo.



Tin nhắn thông báo hiển thị dưới dạng mã số.

Số thông báo

3. Mức nước làm mát thấp, đổ thêm nước làm mát
4. Tắt điều hòa không khí do nhiệt độ động cơ cao
5. Trụ lái bị khóa
6. Nhấn phanh để nhả phanh tay
7. Xoay vô lăng, tắt sau đó bật khóa điện
8. Tắt sau đó bật khóa điện - lặp lại kiểm tra thông hơi
9. Xoay vô lăng, khởi động lại xe
11. Mòn phanh
12. Xe quá tải
13. Máy nén quá nhiệt
15. Kiểm tra đèn phanh gắn trên cao
16. Kiểm tra đèn phanh
17. Hồng cân bằng đèn pha
18. Lỗi đèn cốt trái
20. Kiểm tra đèn cốt phải
21. Kiểm tra đèn vị trí bên trái

- 22. Kiểm tra đèn vị trí bên phải
- 23. Lỗi đèn lùi xe
- 24. Lỗi đèn soi biển số
- 25. Kiểm tra đèn báo rẽ trước bên trái
- 26. Lỗi đèn báo rẽ sau bên trái
- 27. Kiểm tra đèn báo rẽ trước bên phải
- 28. Kiểm tra đèn báo rẽ sau bên phải
- 35. Thay pin chìa khóa điều khiển từ xa
- 36. Khởi động Stabilitrak
- 39. Chức năng hỗ trợ lái giảm, lái xe thận trọng
- 50. Thiết lập lại nắp capô – xem hướng dẫn sử dụng
- 52. Thay đai dẫn động trực cam
- 53. Siết chặt nắp chụp xăng/ Xe điện
- 59. Mở, rồi đóng cửa kính phía người lái

- 60. Mở, rồi đóng cửa kính phía hành khách
- 61. Mở, rồi đóng cửa kính sau bên trái
- 62. Mở, rồi đóng cửa kính sau bên phải
- 63. Mở, rồi đóng kính cửa thông với thùng xe
- 64. Mở, rồi đóng kính cửa hậu (chỉ phần để đồ)
- 65. Có người cố lấy trộm xe
- 66. Bảo dưỡng hệ thống báo động trộm
- 67. Bảo dưỡng khóa trụ lái
- 68. Bảo dưỡng trợ lực lái, lái xe thận trọng
- 70. Bảo dưỡng hệ thống cân bằng
- 75. Bảo dưỡng hệ thống điều hòa không khí
- 78. Bảo dưỡng hệ thống bảo vệ người đi bộ
- 79. Dầu động cơ ở mức thấp - thêm dầu

- 81. Bảo dưỡng hộp số
- 82. Thay dầu động cơ sớm
- 84. Công suất động cơ giảm
- 89. Bảo dưỡng xe trong thời gian sớm nhất
- 94. Sang số để đỗ xe
- 95. Bảo dưỡng túi khí
- 99. Tắt hệ thống bảo vệ người đi bộ
- 120. Giảm tốc độ để điều khiển xuống dốc
- 145. Nước rửa kính ở mức thấp - thêm nước
- 151. Nhấn ly hợp để khởi động
- 174. Điện ắc quy thấp

Chuông cảnh báo

Mỗi lần chỉ phát một tiếng chuông cảnh báo. Chuông cảnh báo chưa tắt dây an toàn được ưu tiên so với bất kỳ chuông cảnh báo nào khác.

■ Khi khởi động động cơ hoặc khi xe đang chạy

- Nếu chưa thắt dây an toàn.
- Nếu chưa đóng hết cửa xe hoặc cửa hậu khi khởi động.
- Nếu vượt quá tốc độ và dùng phanh tay.
- Nếu vượt quá tốc độ lập trình.
- Nếu hiển thị thông báo cảnh báo hoặc mã cảnh báo trong hệ thống Trung tâm thông tin cho người lái.
- Nếu cảm biến lùi phát hiện ra các vật ở gần.
- Nếu cài số lùi và mở bệ đỡ đuôi xe.
- Nếu phát hiện thấy lỗi trong hệ thống khóa tự động.

■ Khi đỗ xe và/hoặc cửa xe phía người lái mở

- Khi chìa khóa đang tra vào ổ khóa.
- Với đèn chiếu sáng bên ngoài bật.

■ Điện áp ắc quy

Khi điện áp ắc quy yếu, thông

báo cảnh báo hoặc mã cảnh báo 174 sẽ hiển thị trong hệ thống Trung tâm thông tin cho người lái.

1. Tắt ngay mọi thiết bị điện tiêu dùng không cần để lái xe an toàn, ví dụ: sưởi ghế, kính chắn gió phía sau có sấy hoặc bất kỳ thiết bị tiêu dùng khác.
2. Sạc ắc quy xe bằng cách lái xe liên tục trong một thời gian hoặc dùng thiết bị sạc.

Thông báo cảnh báo hoặc mã cảnh báo sẽ biến mất sau khi khởi động động cơ hai lần liên tục mà không gặp tình trạng sụt điện áp.

Nếu không thể sạc lại ắc quy xe, hãy liên hệ xưởng sửa chữa để khắc phục lỗi.

Cài đặt riêng của xe

Cài đặt riêng của xe

Bạn có thể cài đặt riêng cho xe bằng cách thay đổi cài đặt trong màn hình hệ thống thông tin-giải trí.

Tùy thuộc vào loại xe, một trong số các chức năng mô tả dưới đây có thể không có.



Ấn **MENU**, bật khóa khởi động và kích hoạt hệ thống thông tin-giải trí.

Màn hình hiển thị menu cài đặt. Để chuyển menu cài đặt, vặn núm **MENU**.

Để chọn menu cài đặt, ấn **MENU**. Để đóng hoặc trở về mục trước đó, ấn **BACK**.

Chọn "Cài đặt xe".

• Cài đặt tiện nghi

Âm lượng chuông báo: Thay đổi âm lượng chuông cảnh báo.

Tự động gạt kính sau khi cài số lùi: Kích hoạt hoặc ngắt kích hoạt tự động bật gạt kính sau khi cài số lùi.

• Chiếu sáng

Chiếu sáng khi xuống xe: Bật hoặc tắt đèn chiếu sáng khi xuống xe và thay đổi thời gian chiếu sáng.

• Khóa cửa điện

Mở khóa cửa chống khóa lại: Bật hoặc tắt chức năng khóa cửa khi cửa đang mở.

• **Khóa, mở khóa từ xa và đèn phản hồi mở khóa từ xa:** Bật

hoặc tắt đèn nháy phản hồi cảnh báo nguy hiểm khi đang mở khóa.

Phản hồi khóa từ xa: Thay đổi kiểu phản hồi khi khóa xe.

Mở cửa từ xa: Thay đổi cấu hình để chỉ mở khóa cửa phía người lái hoặc toàn bộ các cửa khi đang mở khóa.

Tự động khóa lại các cửa:

Bật hoặc tắt chức năng khóa tự động sau khi mở khóa mà không mở xe.

• **Khôi phục cài đặt gốc:** Tất các cài đặt được khôi phục về thiết lập ban đầu.

• Chế độ nhận diện chủ xe (Valet mode):

Nếu bật chế độ nhận diện chủ xe (Valet mode), toàn bộ màn hình hiển thị sẽ khóa và không thể thực hiện thay đổi nào trong hệ thống.

Lưu ý

Các thông báo liên quan tới xe sẽ vẫn sáng.

• **Khóa hệ thống:** Ấn **MENU** và sau đó chọn menu **SETTINGS** (CÀI ĐẶT).

Cuộn qua danh sách và chọn mục menu chế độ nhận diện chủ xe (Valet mode).


Nhập mã bốn chữ số và chọn **ENTER**.

Để xác nhận lần nhập đầu tiên, nhập lại mã bốn chữ số và chọn **LOCK**. Hệ thống sẽ được khóa lại.

■ Menu cài đặt riêng (Radio màn hình cảm ứng)

Có thể thực hiện cài đặt với khóa khởi động bật và xe không di chuyển.


Dưới đây là toàn bộ các tính năng cài đặt riêng. Tùy vào xe, một số tính năng có thể không có sẵn.

 (**Trang chủ**) : Ấn để truy cập menu trang chủ

▲ hoặc ▼ : Nhấn để cuộn qua các menu hoặc mục thiết lập.

↵ : Nhấn để thoát hoặc trở lại màn hình hoặc menu trước đó.

Để truy cập menu:

1. Ấn .
2. Ấn cài đặt.
3. Ấn cài đặt mong muốn.

Ấn mục menu để chọn menu. Mỗi menu gồm các thông tin dưới đây.

Các menu cài đặt và chức năng có thể khác nhau tùy vào tùy chọn của xe.

Cài đặt

• Chất lượng không khí

Tốc độ quạt tự động: Tự động điều chỉnh mức gió trong cabin.

Chống sương mù tự động: Hỗ trợ khử ẩm kính chắn gió bằng cách tự động chọn các cài đặt

cần thiết và chế độ điều hòa không khí tự động.

Chống sương mù phía sau tự động: Tự động bật kính chắn gió phía sau có sấy.

Ion hóa: Giúp cải thiện chất lượng không khí khi kích hoạt hệ thống kiểm soát ion hóa.

• **Hệ thống phát hiện / Va chạm Hệ thống hỗ trợ đỗ xe:** Bật hoặc tắt hệ thống hỗ trợ đỗ xe bằng sóng siêu âm.

Biểu tượng hỗ trợ đỗ xe bằng camera lùi: Ngắt hoặc bật biểu tượng hỗ trợ đỗ xe bằng camera lùi.

• **Âm lượng chuông báo và tiện nghi:** Thay đổi âm lượng chuông cảnh báo.

Tự gạt nước khi xe cài số lùi: Kích hoạt hoặc ngắt kích hoạt tự động bật gạt kính sau khi cài số lùi.

• Chiếu sáng

Chiếu sáng khi xuống xe: Bật

hoặc tắt và thay đổi thời gian chiếu sáng khi xuống xe.

• Khóa cửa điện

Mở khóa cửa chống khóa lại: Bật hoặc tắt chức năng khóa cửa khi cửa đang mở.

Khóa cửa tự động: Bật hoặc tắt chức năng khóa cửa tự động khi cần số không ở vị trí đỗ.

Chế độ chờ khóa cửa: Bật hoặc tắt chức năng chờ khóa cửa. Chức năng này trì hoãn khóa cửa cho tới khi toàn bộ cửa đóng lại.

• **Khóa từ xa, mở khóa, đèn phản hồi mở khóa từ xa:** Bật hoặc tắt đèn nháy phản hồi cảnh báo nguy hiểm trong khi đang mở khóa.

Phản hồi mở khóa từ xa: Thay đổi dạng mở khóa từ xa khi khóa xe.

Mở cửa từ xa: Thay đổi cấu hình để chỉ mở khóa cửa phía

người lái hoặc toàn bộ các cửa khi đang mở khóa.

Khóa từ xa các cửa đang mở:

Bật hoặc tắt chức năng khóa tự động sau khi mở khóa mà không mở xe.

- **Chế độ nhận diện chủ xe:** Nếu bật chế độ nhận diện chủ xe, (Valet mode), toàn bộ màn hình hiển thị sẽ khóa và không thể thực hiện thay đổi nào trong hệ thống.

Đèn

Đèn ngoài xe 68

Bộ điều khiển đèn ngoài68

Thiết bị chuyển đèn pha/Cốt.....
.....68

Điều chỉnh phạm vi chiếu
sáng của đèn pha68

Đèn pha khi lái xe ở một số
quốc gia69

Đèn nháy cảnh báo nguy hiểm
.....69

Đèn báo rẽ và chuyển làn69

Đèn sương mù phía trước.....69

Đèn lùi xe.....70

Vỏ đèn bị đọng hơi nước70

Đèn trong xe 70

Điều khiển chiếu sáng bảng
táp lô.....70

Đèn trong xe 71

Tính năng chiếu sáng 71

Đèn học giữa71

Đèn chiếu sáng khi lên xe71

Chiếu sáng khi xuống xe.....72

Bảo vệ điện ắc quy72

Đèn ngoài xe

Bộ điều khiển đèn ngoài

■ Công tắc đèn



Bộ điều khiển đèn ngoài nằm phía ngoài trụ lái trên bảng táp lô. Công tắc đèn báo rẽ:

O : Tắt các đèn

: Đèn đỗ xe

: Đèn cốt

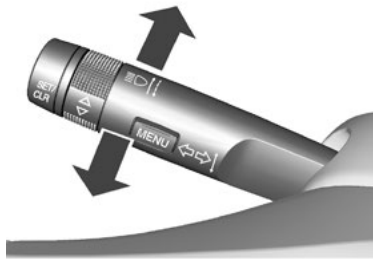
Đèn báo điều khiển

Khi bật đèn cốt, sáng. Đèn báo điều khiển

Đèn hậu

Đèn hậu bật sáng cùng với đèn cốt và đèn đỗ xe.

Thiết bị chuyển đèn pha/Cốt



Đẩy cần gạt để chuyển đèn pha từ chế độ chiếu gần sang chiếu xa. Để chuyển về chế độ chiếu gần, đẩy cần gạt một lần nữa hoặc kéo cần gạt.

■ Nháy đèn pha

Để nháy đèn pha, kéo cần gạt.

Điều chỉnh phạm vi chiếu sáng của đèn pha

■ Điều chỉnh thủ công phạm vi chiếu sáng của đèn pha



Để điều chỉnh phạm vi chiếu sáng của đèn pha theo tải của xe nhằm tránh làm lóa mắt: xoay núm điều chỉnh vận tay về vị trí yêu cầu.

0 : Có người ngồi trên ghế trước.

1 : Có người ngồi trên tất cả các ghế.

2 : Có người ngồi trên tất cả các ghế và khoang chứa đồ được chất đầy.

3 : Có người ngồi trên ghế lái và khoang chứa đồ được chất đầy.

Đèn pha khi lái xe ở một số quốc gia

Hướng chiếu của đèn pha đã được chỉnh sẵn, người dùng không cần điều chỉnh thêm. Không cần điều chỉnh đèn pha khi lái xe ở các quốc gia sử dụng tay lái nghịch.

Đèn nháy cảnh báo nguy hiểm



Bấm và giữ nút này để bật và tắt đèn nháy báo rẽ trước và sau.

Trong trường hợp xảy ra tai nạn và túi khí được kích hoạt, đèn nháy cảnh báo nguy hiểm sẽ tự động bật.

Đèn báo rẽ và chuyển làn



Đẩy cần gạt theo hướng xoay của vô lăng.

Mũi tên xanh trên bảng táp lô nháy sáng khi đèn hoạt động. Nếu đẩy cần gạt quá điểm giới hạn, đèn báo rẽ sẽ bật liên tục. Khi xoay vô lăng trở lại, đèn báo rẽ sẽ tự động tắt.

Để đèn báo rẽ nhấp nháy 3 lần, ví dụ như khi chuyển làn, bấm cần gạt cho đến khi cảm thấy điểm giới hạn và bỏ tay ra.

Đẩy cần gạt đến điểm giới hạn và giữ để đèn nháy lâu hơn.

Tắt đèn báo rẽ bằng tay bằng cách đẩy cần gạt về vị trí ban đầu.

Đèn sương mù phía trước



Vận hành bằng nút

Đèn lùi xe

Đèn lùi xe bật khi mở khóa khởi động và xe cài số lùi.

Vỏ đèn bị đọng hơi nước

Mặt trong của vỏ đèn có thể bị đọng hơi nước trong một khoảng thời gian ngắn do thời tiết xấu, ẩm ướt hay lạnh giá, khi trời mưa to hoặc sau khi rửa xe. Hơi nước sẽ tự biến mất. Có thể đẩy nhanh quá trình này bằng cách bật đèn.


Đèn trong xe

Điều khiển chiếu sáng bảng táp lô



Có thể điều chỉnh độ sáng của các đèn sau đây khi đèn ngoài xe bật:


- Đèn bảng táp lô
- Màn hình hiển thị thông tin
- Các công tắc và các thiết bị vận hành phát sáng

Xoay núm điều chỉnh vận tay  cho đến khi đạt được độ sáng mong muốn.

Đèn trong xe

Trong quá trình vào xe hoặc xuống xe, đèn chiếu sáng cửa trước sẽ tự động bật, sau đó tắt sau một khoảng thời gian.

Lưu ý


Trong trường hợp xảy ra tai nạn và túi khí được kích hoạt, đèn chiếu sáng cửa trước xe sẽ tự động bật khi công tắc ở vị trí .


■ Đèn chiếu sáng cửa trước



Nhấn công tắc chuyển đổi.

 Tự động sáng khi mở cửa.

Bấm : Bật

Bấm : Tắt


Tính năng chiếu sáng

Đèn học giữa

Đèn rọi kết hợp với đèn trong xe bật sáng khi bật đèn cốt.

Đèn chiếu sáng khi lên xe

■ Chiếu sáng khi lên xe

Đèn ngoài xe, đèn trên bảng táp lô và đèn trong xe sẽ bật trong một khoảng thời gian ngắn sau khi bấm nút mở khóa  trên bộ điều khiển từ xa 2 lần. Chức năng này chỉ hoạt động khi trời tối và hỗ trợ tìm vị trí của xe.

Đèn sẽ tắt ngay khi xoay chìa khóa khởi động về vị trí 1.

Vị trí khởi động → T.137.

Có thể thay đổi việc bật hoặc tắt chức năng này trong menu Cài đặt trong màn hình hiển thị thông tin. *Cài đặt riêng của xe* → T.63.

Các đèn sau đây sẽ được bật thêm khi cửa phía lái xe mở:

- Các công tắc
- Hệ thống trung tâm thông tin cho người lái

Chiếu sáng khi xuống xe

Khi trời tối hoặc tại các khu vực thiếu sáng, một số đèn ngoài xe sáng sau khi rút chìa ra khỏi ổ khóa.

Đèn trần xe vẫn sáng sau khi rút chìa khỏi ổ khóa. Đèn ngoài xe và đèn trần xe sáng sau khi đóng cửa xe một khoảng thời gian, sau đó sẽ tự động tắt.
Vị trí khởi động → T.137.

Để tắt đèn ngoài xe, tắt công tắc điều khiển đèn ngoài xe.

Bạn có thể thay đổi tính năng này.
Cài đặt riêng của xe → T.63.

Bảo vệ điện ắc quy

■ Tắt các đèn điện

Sau khi tắt khóa khởi động, một số đèn trong xe sẽ tự động tắt sau một khoảng thời gian để tránh ắc quy xả điện.

Hệ thống thông tin giải trí

Giới thiệu	74	Sử dụng hệ thống.....	104
Giới thiệu chung.....	74	Radio	107
Tính năng chống trộm.....	74	Radio AM-FM.....	107
Tổng quan.....	75	Thu sóng radio	108
Vận hành	80	Cột ăng ten cố định	109
Radio	82	Ăng ten nhiều dải tần	109
Radio AM-FM.....	82	Đầu phát âm thanh	84
Hệ thống dữ liệu radio (RDS) (chỉ dành cho khu vực có dịch vụ RDS)	84	Tránh sử dụng các thiết bị đa phương tiện không đảm bảo	109
Đầu phát âm thanh	84	Cổng USB.....	109
Thiết bị phụ trợ.....	84	Âm thanh qua Bluetooth.....	113
Cài đặt riêng	90	Điện thoại	114
Cài đặt riêng.....	90	Bluetooth (Tổng quan).....	114
Điện thoại	93	Bluetooth (Ghép đôi và sử dụng điện thoại)	115
Bluetooth	93	Ứng dụng Apple CarPlay và Android Auto.....	120
Giới thiệu	102	Cài đặt	122
Giới thiệu	102	Cài đặt	122
Tổng quan.....	102		
Bảng điều khiển trên vô lăng	104		

Giới thiệu

Giới thiệu chung

Hệ thống thông tin giải trí cung cấp các thông tin giải trí trong xe của bạn với các công nghệ mới nhất.

Bạn có thể dễ dàng sử dụng radio bằng cách đăng kí tới 24 kênh AM-FM với các nút - 1 ~ 4 (thiết lập sẵn) trên mỗi 6 trang.

Đầu phát USB có thể phát thiết bị lưu trữ USB hoặc các sản phẩm iPod được kết nối.

Chức năng kết nối điện thoại Bluetooth cho phép người dùng gọi điện không dây và phát nhạc điện thoại.

Kết nối máy nghe nhạc cầm tay với đầu vào của thiết bị âm thanh ngoại vi để thưởng thức âm thanh phong phú của Hệ

thống thông tin giải trí.

Bộ xử lý âm thanh kỹ thuật số với chế độ chỉnh âm cài đặt trước sẽ tối ưu hóa chất lượng âm thanh cho người nghe.

Thông số kỹ thuật

- Công suất đầu ra tối đa: 25 W x 4 kênh
- Điện trở của loa: 4 ohm

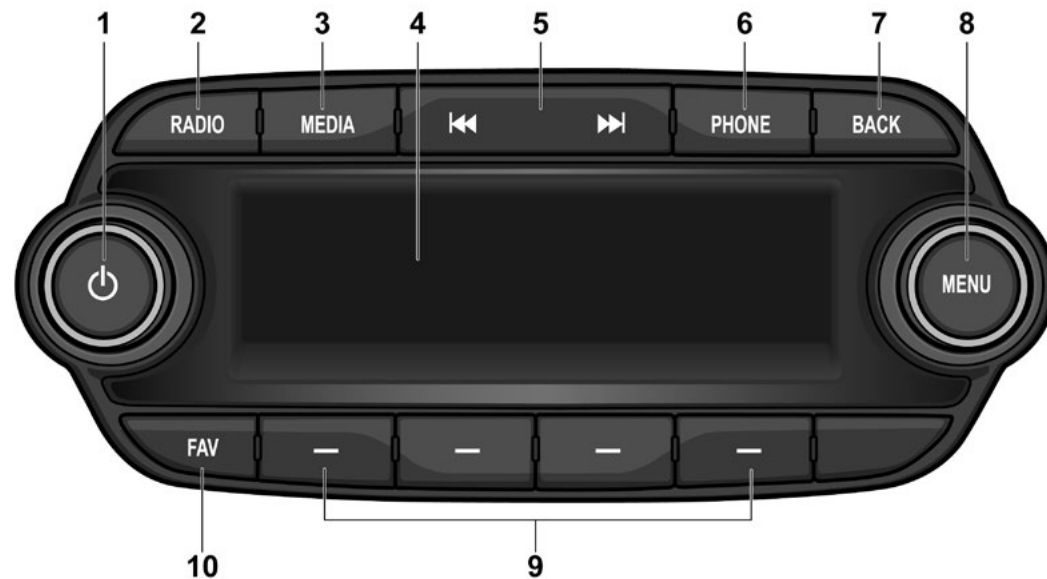
Có thể dễ dàng điều chỉnh hệ thống bằng các thiết bị điều khiển được thiết kế cẩn thận, bộ hiển thị thông minh, và bộ điều chỉnh quay số menu đa chức năng.

- Phần "**Tổng quan**" cung cấp thông tin tổng quan về các chức năng của Hệ thống thông tin giải trí và tóm tắt về các thiết bị điều khiển.
- Phần "**Vận hành**" giải thích các thao tác điều khiển cơ bản đối với Hệ thống thông tin giải trí.

Tính năng chống trộm

Hệ thống thông tin giải trí được trang bị hệ thống an ninh điện tử nhằm mục đích chống trộm. Do đó Hệ thống thông tin giải trí chỉ hoạt động trong xe của bạn và không có giá trị để trộm cắp.

Tổng quan



1. Nguồn

- Bấm để bật khi nguồn tắt.
- Bấm và giữ để tắt khi nguồn bật.
- Bấm nhanh để bật hoặc tắt chức năng tắt tiếng khi nguồn bật.
- Xoay để điều chỉnh âm lượng.

2. RADIO

Chọn chế độ Radio. Mỗi lần bạn bấm **RADIO**, hệ thống sẽ chuyển đổi giữa AM RADIO → FM RADIO → AM RADIO →

3. Đa phương tiện

Bấm **MEDIA** để thay đổi chế độ theo thứ tự USB/ iPod → Bluetooth music → USB/iPod →

4. Hiển thị

Hiển thị thông tin và tình trạng Phát, Thu sóng, Menu.

5. ⏪/⏩ (dò)

- Ở chế độ Radio: Khi bấm nhanh, hệ thống tự động dò đài phát có tín hiệu tốt hơn. Khi bấm và giữ, đài phát thay đổi liên tục cho đến khi ⏪ hoặc ⏩ được thả ra. Khi bạn thả tay ra, hệ thống sẽ dò đài phát tiếp theo.
- Ở chế độ phát USB/iPod/Bluetooth: Khi bấm nhanh, chuyển tới tệp trước hoặc kế tiếp. Khi bấm và giữ, tua lại hoặc tua nhanh tệp đó.

6. ĐIỆN THOẠI

- Bấm **PHONE** để vào chế độ ứng dụng điện thoại.
- Khi kết nối iPhone, ấn và giữ để bật chức năng Siri.

7. QUAY LẠI

Hủy nội dung đầu vào hoặc quay lại nội dung menu trước đó.

8. MENU

- Xoay để tìm đài phát/tệp trên màn hình danh sách hoặc di chuyển/thay đổi nội dung hoặc giá trị cài đặt.
- Bấm **MENU** để hiển thị menu đang hoạt động hoặc chọn/Thực hiện nội dung và giá trị thiết lập.

9. Nút - (thiết lập sẵn)

- Ở chế độ Radio: Khi bấm nhanh, gọi lại trạm phát radio đã lưu. Khi bấm và giữ, lưu trạm phát radio hiện tại vào trang ưa thích.
- Ở chế độ Menu: Bấm bất kỳ nút - nào để chọn chức năng được liên kết với nút đó.

10. FAV (ưa thích)

Bấm **FAV** để chọn trang chứa các kênh ưa thích đã lưu.



1. Nguồn

- Bấm để bật khi nguồn tắt.
- Bấm và giữ để tắt khi nguồn bật.
- Bấm nhanh để bật hoặc tắt chức năng tắt tiếng khi nguồn bật.
- Xoay để điều chỉnh âm lượng.

2. RADIO

Chọn chế độ Radio. Mỗi lần bạn bấm **RADIO**, hệ thống sẽ chuyển đổi giữa AM RADIO → FM RADIO → AM RADIO →

3. Đa phương tiện

Bấm **MEDIA** để vào chế độ AUX

4. Hiển thị

Hiển thị thông tin và tình trạng Phát, Thu sóng, Menu.

5. (dò)

Khi bấm nhanh, hệ thống tự động dò đài phát có tín hiệu tốt hơn.

Khi bấm và giữ, đài phát thay đổi liên tục cho đến khi **◀◀** hoặc **▶▶** được thả ra. Khi bạn thả tay ra, hệ thống sẽ dò đài phát tiếp theo.

6. ÂM BÁO

Bấm **TONE** để vào chế độ Cài đặt Âm báo

7. QUAY LẠI

Hủy nội dung đầu vào hoặc quay lại nội dung menu trước đó.

8. MENU

- Xoay để tìm đài phát/tập trên màn hình danh sách hoặc di chuyển/thay đổi nội dung hoặc giá trị cài đặt.

- Bấm MENU để hiển thị menu đang hoạt động hoặc chọn/Thực hiện nội dung và giá trị thiết lập.

9. Cổng AUX

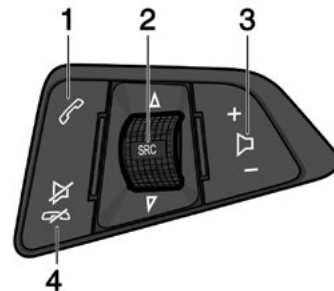
Kết nối thiết bị âm thanh ngoại vi.

10. Các nút -

- Ở chế độ Radio: Khi bấm nhanh, gọi lại trạm phát radio đã lưu. Khi bấm và giữ, lưu trạm phát radio hiện tại vào trang ưa thích.
- Ở chế độ Menu: Bấm bất kỳ nút - nào để chọn chức năng được liên kết với nút đó.

11. FAV (ưa thích)

Bấm **FAV** để chọn trang chứa các kênh ưa thích đã lưu.

■ Điều khiển âm thanh từ xa trên vô lăng (Tùy chọn: nếu có)**1. (gọi): nếu có chức năng Bluetooth**

- Bấm để trả lời cuộc gọi hoặc vào chế độ cuộc gọi gần đây.
- Bấm và giữ để di chuyển tới trước hoặc sau từ chế độ rảnh tay và chế độ cuộc gọi riêng tư trong suốt cuộc gọi.
- Khi kết nối iPhone, ấn và giữ để bật chức năng Siri.

2. SRC (nguồn) / (dò) quay số

- Khi điều chỉnh SRC/ lên hoặc xuống. Ở chế độ Radio, thay đổi tần số phát sóng được lưu vào nút - (thiết lập trước). Ở chế độ âm thanh USB/iPod/Bluetooth, thay đổi các tập.
- Bấm SRC/ để thay đổi nguồn âm thanh.

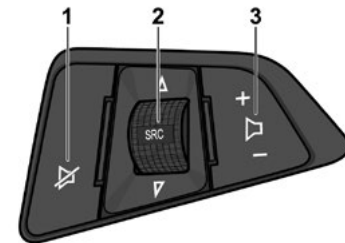
3. + (âm lượng)

- Bấm + để tăng hoặc giảm âm lượng.
- Bấm và giữ + để nhanh chóng tăng hoặc giảm âm lượng.

4. (tắt tiếng) / (tắt máy: nếu được trang bị chức năng Bluetooth)

- Bấm ở bất kỳ chế độ phát nhạc nào để bật hoặc tắt chức năng tắt tiếng.

- Bấm để từ chối hoặc kết thúc cuộc gọi.
- Bấm và giữ để kết thúc cuộc gọi hiện tại.
- Khi chức năng Siri đang mở, bấm để hủy chức năng Siri.

■ Điều khiển âm thanh từ xa trên vô lăng (Tùy chọn: nếu có)**1. (tắt tiếng)**

- Bấm ở bất kỳ chế độ phát nhạc nào để bật hoặc tắt chức năng tắt tiếng.

2. SRC (nguồn) ▽/△ (dò) quay số

- Khi xoay **SRC** ▽/△ lên/xuống
- Ở chế độ Radio, thay đổi tần số phát sóng được lưu vào nút - (thiết lập trước). Ở chế độ âm thanh USB/iPod,
- Bấm **SRC** ▽/△ để thay đổi nguồn âm thanh.

3. +▷- (âm lượng)

- Bấm +▷- để tăng hoặc giảm âm lượng.
- Bấm và giữ +▷- để nhanh chóng tăng hoặc giảm âm lượng.

Vận hành**■ Các nút bấm và thiết bị điều khiển**

Vận hành hệ thống thông tin giải trí bằng các nút chức năng, núm xoay đa năng, và menu được báo hiệu trên màn hình hiển thị.

Hệ thống sử dụng các nút bấm và thiết bị điều khiển sau:

- Các nút bấm và hệ thống quay số của Hệ thống thông tin giải trí.
- Các nút điều khiển âm thanh từ xa trên vô lăng.

■ Bật/tắt hệ thống

Bấm **⏻** để bật nguồn. Khi nguồn tắt, bấm **⏻** để bật nguồn và phát radio.

Tự động bật nguồn

- Khi nhận cuộc gọi hoặc bắt đầu cuộc gọi, nguồn bật và thao tác được tiến hành. Khi kết thúc thao tác, hệ thống sẽ tự động tắt nguồn.
- Khi bấm nút liên quan tới HVAC (Sấy, Thông gió, và Điều hòa

không khí), hệ thống sẽ bật nguồn và thực hiện thao tác. Nếu không có thao tác nào được thực hiện trong vòng 5 giây, hệ thống sẽ tự động tắt.



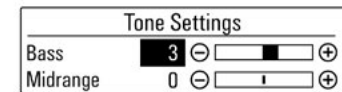
Bấm và giữ **⏻** để tắt nguồn. Khi hệ thống tắt, thời gian và ngày sẽ hiển thị.

■ Điều khiển âm lượng

Xoay **⏻** để điều chỉnh âm lượng.

- Sử dụng bộ điều khiển trên vô lăng, bấm +▷- để điều khiển âm lượng.
- Phạm vi âm lượng khả dụng: 0 ~ 63.

vào màn hình Cài đặt âm báo.



- Âm lượng được giảm xuống mức 0 không tương đương với chế độ tắt tiếng.
- Khi bật Hệ thống thông tin giải trí, âm lượng phát sẽ ở mức được lựa chọn trước đó (nếu thấp hơn âm lượng tối đa khi khởi động).

■ Điều khiển tắt tiếng

- Bấm **⏻** để bật tắt tiếng.
- Biểu tượng tắt tiếng "🔇" sẽ hiển thị ở vùng trạng thái và âm thanh sẽ bị tắt
- Bấm **⏻** lần nữa hoặc xoay **⏻** để khôi phục âm thanh.
- Ở chế độ USB/iPod, nhạc Bluetooth và MTP, khi hệ thống bị tắt tiếng, chế độ phát lại sẽ dừng.

■ Cài đặt âm báo

Bấm **TONE** để vào màn hình Cài đặt âm báo. Hoặc bấm **MENU** > chọn Settings > chọn Tone Settings để

- Xoay **MENU** để chọn chế độ Cài đặt âm báo. Sử dụng **MENU** để thay đổi giữa Bass (âm trầm) ↔ Midrange (đải trung) ↔ Treble (âm bổng) ↔ Fade (mờ âm) ↔ Balance (cân bằng) ↔ EQ.
- Đánh dấu lựa chọn tùy chỉnh âm thanh mong muốn và bấm **MENU** để có thể thay đổi giá trị hiện tại.
- Xoay **MENU** sẽ thay đổi giá trị điều chỉnh âm thanh và thay đổi đó sẽ được hiển thị trên thanh đồ họa trên màn hình. Bấm **MENU** để lưu cài đặt mới và quay trở lại màn hình cài đặt âm báo.

Menu cài đặt âm báo

- **Âm trầm (Bass):** Cài đặt mức độ âm trầm.
- **Âm trung (Midrange):** Cài đặt mức độ âm trung.
- **Âm bổng (Treble):** Cài đặt mức độ âm bổng.
- **Mờ âm (Fade)** (nếu có loa mờ âm): Cài đặt hiệu ứng mờ âm giữa loa trước và loa sau.
- **Cân bằng (Balance):** Cài đặt cân bằng âm thanh giữa loa phải và loa trái.
- **EQ:** Cài đặt một trong 7 phong cách EQ (Custom (tùy chỉnh), Pop (nhạc Pop), Rock (nhạc Rock), Country (nhạc đồng quê), Jazz (nhạc Jazz), Talk (Đàm thoại), Classical (nhạc cổ điển)).
- Phạm vi giá trị cài đặt âm báo nằm trong khoảng -12 và +12. Cài đặt cho Bass, Midrange, Treble, và EQ có thể sẽ khác nhau ở mỗi chế độ (FM/AM/USB/MTP/

iPod/Bluetooth nhạc/AUX). Tuy nhiên, cài đặt Fade và Balance là giống nhau cho tất cả các chế độ.

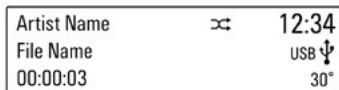
Chọn chức năng Radio AM-FM



Bấm **RADIO** để chọn chức năng AM hoặc FM.

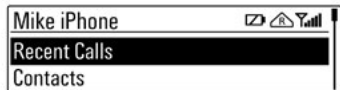
Bấm **MENU** để mở menu AM hoặc FM có chứa các tùy chọn để chọn các đài phát thanh.

Phát nhạc qua USB/iPod/ Bluetooth hoặc âm thanh ngoại vi (AUX: nếu có)



Bấm **MEDIA** để chọn các chức năng của đầu phát âm thanh. Bấm **MENU** để mở menu với các tùy chọn cho chức năng có liên quan hoặc menu của thiết bị có liên quan.

Thiết bị gọi điện rảnh tay Bluetooth



Bấm **PHONE** để mở chức năng gọi điện rảnh tay Bluetooth.

Radio

Radio AM-FM

Nghe đài phát radio Chọn chế độ radio



Bấm **RADIO** liên tục để chuyển giữa AM RADIO → FM RADIO → AM RADIO → ...

- Đài phát đã được chọn từ trước sẽ nhận được.
- Khi thay đổi bằng tần/chế độ radio bằng cách bấm **RADIO**, hệ thống sẽ hiển thị màn hình giới thiệu radio.
- Màn hình phát có chứa các dữ liệu liên quan đến nguồn âm thanh truyền phát.

Tìm kiếm đài phát

Bấm **◀◀** hoặc **▶▶** để tự động tìm kiếm các đài phát radio có tín hiệu tốt.

Bấm và giữ **◀◀** hoặc **▶▶** sẽ liên tục thay đổi đài phát cho tới khi **◀◀** hoặc **▶▶** được thả ra. Sau khi thả ra, hệ thống sẽ tìm kiếm đài phát tiếp theo.

Dò đài radio thủ công

Xoay **MENU** để dò thủ công tần số phát sóng mong muốn.

Lưu trữ mục ưa thích

Bấm **FAV** liên tục để chọn trang chứa mục ưa thích đã lưu. Bấm và giữ bất kỳ nút - nào để lưu đài phát radio hiện tại vào nút đó trên trang Ưa thích được chọn.

- Bạn có thể lưu tối đa 6 trang Ưa thích và mỗi trang có thể lưu tới 4 đài phát radio.
- Có thể cài đặt số lượng trang Ưa thích đang được sử dụng

trong Menu → Set Number of Favorite Pages (Thiết lập số lượng trang ưa thích).

- Nếu lưu đài phát radio mới vào nút - (thiết lập sẵn), nội dung trước sẽ bị xóa và thay bằng đài phát radio mới được lưu.
- Số mục Ưa thích tối đa mà người dùng có thể lưu là 24.

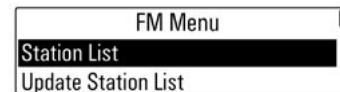
Chọn thiết lập sẵn

Bấm **FAV** liên tục để chọn trang **FAV** thiết lập sẵn mong muốn.

- Thông tin phát sóng của trang **FAV** thiết lập sẵn sẽ được hiển thị.

Bấm nút - để nghe trực tiếp trạm phát radio đã lưu vào nút đó.

Menu băng tần



Trong khi đang nghe radio, bấm **MENU** để vào menu AM hoặc FM. Xoay **MENU** để chuyển tới mục menu mong muốn, sau đó bấm **MENU** để chọn mục thích hợp hoặc để vào menu chi tiết của mục đó.

Menu AM-FM

- **Danh sách đài phát:** Chọn 1 đài phát trong danh sách đài phát có tín hiệu mạnh.
- **Cập nhật danh sách đài phát:** Tự động tìm kiếm và lưu các tần số có thể nhận được vào Danh sách đài phát.
- **Dò bằng tay:** Xoay núm để chuyển tới tần số trước/tiếp theo.
- **Thiết lập số lượng trang ưa thích:** Thiết lập số lượng trang ưa thích.

Hệ thống dữ liệu radio (RDS) (chỉ dành cho khu vực có dịch vụ RDS)

Hệ thống dữ liệu radio (RDS) là một dịch vụ được các đài phát FM cung cấp nhằm giúp bạn dễ dàng tìm được những đài phát radio có tín hiệu sóng không bị lỗi.



Đài phát RDS được hiển thị bằng tên dịch vụ chương trình thay vì tần số phát sóng. Thao tác cơ bản như dò đài/tìm kiếm và lưu/chọn thiết lập sẵn giống với AM hoặc FM. Vui lòng tham khảo phần AM hoặc FM để biết thêm thông tin.

Đầu phát âm thanh

Thiết bị phụ trợ

■ Đầu phát USB

Chú ý khi sử dụng thiết bị USB

- Chúng tôi không đảm bảo nếu thiết bị lưu trữ USB có tích hợp HDD hoặc thẻ nhớ SD hoặc CF được kết nối bằng bộ chia USB. Sử dụng USB hay thiết bị lưu trữ loại thẻ nhớ flash.
- Chú ý hiện tượng tĩnh điện khi cắm hoặc rút USB. Rút ra và cắm vào liên tục có thể gây trục trặc thiết bị.
- Chúng tôi không đảm bảo hoạt động nếu đầu cắm của thiết bị USB không phải là kim loại.
- Kết nối với các thiết bị lưu trữ USB dạng i-Stick có thể bị lỗi do rung chấn của xe, do đó chúng tôi không đảm bảo

hoạt động của các thiết bị đó.

- Chú ý không để đầu cắm của thiết bị USB chạm vào bất kỳ vật hay phần nào trên cơ thể bạn.
- Thiết bị lưu trữ USB có thể chỉ được nhận dạng nếu được định dạng ở dạng tệp FAT16/32. Chỉ có thể sử dụng các thiết bị với dung lượng 512 byte/sector hoặc 2,048 byte/sector. Có thể không nhận dạng được NTFS và các hệ thống tệp khác.
- Tùy theo loại và dung lượng của thiết bị lưu trữ USB và loại của tệp được lưu, thời gian nhận dạng tệp có thể khác nhau. Đây không phải là lỗi trong trường hợp này, vì vậy hãy vui lòng chờ trong lúc các tệp khác được xử lý.
- Tệp tin trong một số thiết bị lưu trữ USB có thể không nhận dạng được do không tương

thích, và do kết nối với đầu đọc bộ nhớ hoặc bộ chia cổng USB không được hỗ trợ. Vui lòng kiểm tra hoạt động của thiết bị trong xe trước khi sử dụng.

- Khi kết nối các thiết bị như đầu phát nhạc MP3 hoặc máy ảnh kỹ thuật số qua ổ di động, thiết bị có thể không hoạt động bình thường.
- Không rút thiết bị lưu trữ USB khi đang phát dữ liệu.
- Làm vậy có thể làm hư hại hoặc ảnh hưởng tới hiệu suất của thiết bị.
- Ngắt kết nối thiết bị lưu trữ USB khi khóa điện của xe tắt. Nếu khóa điện mở trong khi thiết bị lưu trữ USB vẫn đang kết nối, thiết bị có thể bị hư hại hoặc không hoạt động bình thường.



CHÚ Ý

Chỉ cắm thiết bị lưu trữ USB vào xe để phát nhạc. Bạn không nên dùng đầu cắm USB của xe để sạc thiết bị có ổ cắm USB vì nhiệt lượng phát ra khi sử dụng đầu cắm USB có thể gây hư hại hoặc ảnh hưởng tới hoạt động của sản phẩm.

- Khi thiết bị USB được chia thành nhiều phân vùng, chỉ những tệp tin ở phân vùng đầu tiên mới có thể được phát dưới dạng tệp nhạc. Đây là lí do nên lưu các tệp nhạc muốn phát trong phân vùng đầu tiên của thiết bị. Các tệp nhạc trên một số thiết bị lưu trữ USB nhất định cũng có thể không phát được như bình thường nếu USB đó được chia thành nhiều phân vùng ổ đĩa khác

nhau bên trong.

- Không thể phát được các tệp nhạc áp dụng DRM (Quản lý quyền kỹ thuật số).
- Sản phẩm này có thể hỗ trợ thiết bị lưu trữ USB có dung lượng lên tới 16 GB với giới hạn là 6.000 tệp, 100 thư mục và 8 cấu trúc cấp thư mục. Chúng tôi không thể đảm bảo hoạt động bình thường của các thiết bị lưu trữ vượt quá giới hạn này.
- Nếu thời gian tải thiết bị lâu hơn bình thường, hãy định dạng USB thành dạng FAT 16/32 rồi mới sử dụng.

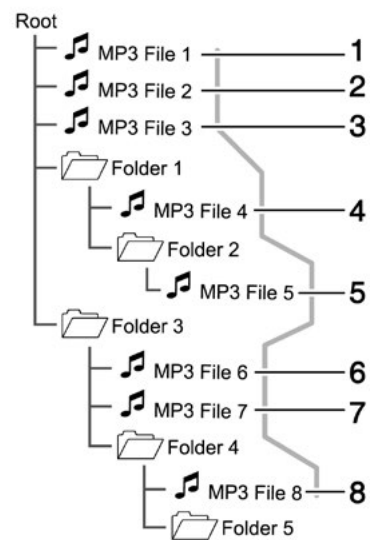
Chú ý khi sử dụng các tệp nhạc USB

- Các tệp nhạc bị hỏng có thể bị ngắt trong khi phát lại hoặc có thể không phát được.

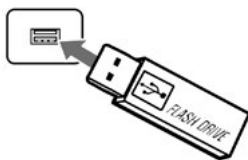
Giới thiệu về tệp nhạc MP3 (WMA)

- Các tệp MP3 có thể được phát như sau:
 - Tốc độ bit: 8 kbps ~ 320 kbps
 - Tần số lấy mẫu::
 - 48 kHz, 44.1 kHz, 32 kHz (đối với MPEG-1)
 - 24 kHz, 22.05 kHz, 16 kHz (đối với MPEG-2)
- Sản phẩm này hiển thị các tệp MP3 (WMA), với phần mở rộng là các đuôi mp3, .wma (chữ in thường) hoặc .MP3 hoặc WMA (chữ in hoa).
- Sản phẩm này có thể hiển thị thông tin về ca sỹ, tên bài hát hoặc tên tệp đối với các tệp MP3.
- Sản phẩm này có thể phát các tệp MP3 sử dụng VBR. Khi phát một tệp MP3 loại VBR, thời gian còn lại được hiển thị có thể khác với thời gian còn lại trong thực tế.

Trình tự phát các tệp nhạc



Kết nối thiết bị lưu trữ USB



Kết nối thiết bị lưu trữ USB chứa nhạc vào đầu cắm USB.

Artist Name	⌂	12:34
File Name		USB ⬇
00:00:03		30°

Nhạc sẽ tự động phát sau khi sản phẩm hoàn tất việc đọc thông tin trên thiết bị lưu trữ USB.

Nếu bạn cắm một thiết bị lưu trữ USB không đọc được, tin nhắn báo lỗi sẽ xuất hiện và sản phẩm sẽ tự động chuyển sang

chức năng đã sử dụng trước đó hoặc phát radio FM.

Bấm nhiều lần **MEDIA** để chọn đầu phát USB sau khi kết nối thiết bị lưu trữ USB.

- Hệ thống tự động phát từ điểm đang phát trước đó.
- Nếu không có thiết bị nào được kết nối, thông báo “**No Media Available**” (không có đa phương tiện nào khả dụng) sẽ hiển thị với tùy chọn DISMISS (Loại bỏ) và PAIR (ghép đôi) trên màn hình hiển thị.
- Thông tin hiển thị bao gồm tên tệp, tên thư mục và thông tin thẻ ID3 được lưu cùng bài hát. Nếu thêm thông tin thẻ ID3 (ví dụ như tên ca sỹ, tên bài hát) không chính xác vào các tệp MP3 (WMA) trước khi được đưa vào đĩa, hệ thống thông tin giải trí sẽ hiển thị thông tin này.

Không thể sửa hoặc thay đổi các thông tin không chính xác này trên Hệ thống thông tin giải trí (Chỉ có thể sửa thẻ ID3 trên máy tính).

Thông tin về các bài hát được thể hiện bằng các kí hiệu đặc biệt hoặc các ngôn ngữ không khả dụng có thể xuất hiện dưới dạng “****” hoặc không được hiển thị.

Kết thúc phát lại các tệp nhạc trên USB

Bấm **RADIO** hoặc **MEDIA** để chọn các chức năng khác.

Chọn tệp phát

Trong khi phát, bấm **⏮** hoặc **⏭** để chọn tệp trước hoặc tệp tiếp theo.

Bạn có thể dễ dàng thay đổi tệp bằng cách bấm **⏮** hoặc **⏭** trong bộ điều khiển âm thanh từ xa trên vô lăng.

Xoay **MENU** để chuyển tới tệp

mong muốn trong danh sách các tệp, sau đó bấm **MENU** để đổi ngay mục đó.

Tua đi và tua lại tệp

Trong khi phát, bấm và giữ **⏮** hoặc **⏭** để tua đi hoặc tua lại nhanh trong bài hát cho tới khi thả tay ra.

Sau khi thả tay ra, tệp sẽ phát ở tốc độ bình thường.

Sử dụng menu USB

Trong khi phát tệp, bấm **MENU** để vào menu USB.

Xoay **MENU** để chuyển tới mục menu mong muốn, sau đó bấm **MENU** để chọn mục thích hợp hoặc để vào menu chi tiết của mục đó.

• Xem thư mục (Folder view):

Truy nhập vào chế độ Xem thư mục, và chuyển sang thư mục trước hoặc tiếp theo.

• **Trộn (Shuffle):** Xoay để bật hoặc tắt tính năng xáo trộn bài.

Duyệt/lập chỉ mục thiết bị

- Chức năng duyệt không được hỗ trợ cho tới khi hoàn thành việc lập chỉ mục cho thiết bị được kết nối.
- Nếu chức năng duyệt được chọn trong quá trình lập chỉ mục, màn hình sẽ hiển thị cửa sổ thông báo **“Feature not supported during indexing Use folder view to browse contents”** (tính năng không được hỗ trợ trong khi lập chỉ mục. Hãy sử dụng dạng xem thư mục để duyệt nội dung).
- Nếu kết nối thiết bị độc lập có hơn 6.000 bài hát, màn hình sẽ hiển thị cửa sổ thông báo **“Media indexing memory full Use folder view or remove other device”** (bộ nhớ lập chỉ mục đa phương tiện đầy. Hãy sử dụng dạng xem thư mục hoặc tháo thiết bị).

Sử dụng giao thức truyền đa phương tiện (MTP)

Chỉ sạc: Chọn tùy chọn sạc dành cho thiết bị MTP. Thiết bị MTP sẽ được sạc, và hệ thống sẽ hiển thị cửa sổ thông báo khi thiết bị được kết nối.

- Khi chọn tùy chọn Charge Only (chỉ sạc) trong menu Media Transfer Protocol (MTP) Setting (Cài đặt giao thức truyền đa phương tiện), nguồn âm thanh không thay đổi, thiết bị kết nối sẽ ở chế độ sạc.
- Nếu bạn đổi về chế độ USB trong khi sạc thiết bị, thông báo Charge (sạc) với đèn báo hoạt động sạc được hiển thị trên màn hình hiển thị. Trong trường hợp này, hệ thống sẽ không tiến hành lập chỉ mục các tệp trên thiết bị.
- Một số thiết bị MTP có thể không hỗ trợ sạc.

Chế độ chỉ quét thư mục nhạc:

Chọn tùy chọn Music Folder Scan (**chỉ quét thư mục nhạc**) cho thiết bị MTP.

Hệ thống có thể hiển thị Tên ca sỹ/Tên bài hát/Thời gian đã phát liên quan đến bài hát hiện tại và truy cập danh sách nhạc trên thiết bị MTP.

Quét tất cả các thư mục:

Chọn tùy chọn All Folders scan (**quét tất cả các thư mục**) cho thiết bị MTP.

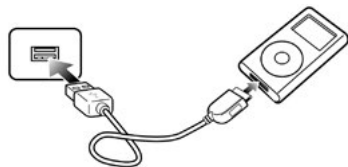
- Lập chỉ mục thiết bị cần thời gian lâu hơn cài đặt Music Folder Only. Việc này tùy thuộc vào điện thoại thông minh và tệp/thư mục trên điện thoại thông minh.
- Với một số điện thoại có Giao thức truyền đa phương tiện (MTP), việc tìm kiếm nhạc có thể tốn thời gian lâu hơn.
- Nếu màn hình điện thoại bị

khóa, bạn không thể tìm kiếm nhạc. Để truy cập nhạc trên điện thoại, mở khóa màn hình điện thoại.

- Nếu bạn kết nối với một thiết bị không bình thường, hệ thống có thể không hoạt động.

■ Đầu phát iPod

Kết nối đầu phát iPod



Kết nối thiết bị iPod có lưu các tệp nhạc vào đầu cắm thiết bị USB.

Một số sản phẩm iPod/iPhone có thể không được hỗ trợ.

Nếu bạn kết nối thiết bị bất thường, hệ thống có thể không hoạt động chính xác.

Chỉ kết nối iPod với sản phẩm này bằng cáp kết nối được các sản phẩm iPod hỗ trợ. Bạn không thể sử dụng các dây cáp kết nối khác.



- Sau khi sản phẩm hoàn tất việc đọc thông tin trên thiết bị iPod, nhạc sẽ tự động phát.
- Nếu cắm thiết bị iPod không đọc được, thông báo lỗi tương ứng sẽ hiển thị và sản phẩm sẽ tự chuyển sang chức năng đã sử dụng trước đó hoặc chức năng radio FM.

Sau khi kết nối thiết bị iPod, bấm nhiều lần **MEDIA** để chọn đầu phát iPod.

- Hệ thống sẽ tự động phát từ điểm đã phát trước đó.
- Chức năng phát lại và các mục hiển thị của đầu phát iPod được dùng với sản phẩm này có thể khác với iPod về trình tự, phương pháp và thông tin hiển thị.

Sau đó, các chức năng để phát iPod được vận hành tương tự như phát lại USB.

Kết thúc phát lại iPod

Để kết thúc phát lại, bấm **RADIO** hoặc **MEDIA** để chọn các chức năng khác.

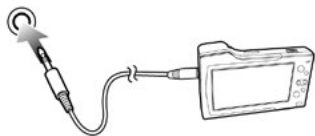
Sử dụng menu iPod

Trong khi phát tệp, bấm **MENU** để vào menu iPod.

Xoay **MENU** để chuyển tới mục menu mong muốn, sau đó bấm **MENU** để chọn mục thích hợp hoặc để vào menu chi tiết của mục đó.

- **Duyệt “Tên thiết bị”:** Chọn một mục danh sách của các tên duyệt như Playlists (danh sách nhạc), Artists (nghệ sỹ), Albums, Tracks (bài hát), Genres (thể loại), Audio Books (sách audio), và Composers (soạn nhạc).
- **Trộn:** Xoay để bật hoặc tắt tính năng trộn bài.


■ Đầu vào AUX (nếu có) Kết nối với thiết bị âm thanh ngoài



Kết nối đầu ra âm thanh của thiết bị âm thanh ngoài với đầu vào AUX.

- Hệ thống thông tin giải trí sẽ tự chuyển sang chế độ đầu vào âm thanh ngoài (AUX) sau khi kết nối thiết bị âm thanh ngoài.



Bấm **MEDIA** để chuyển tới chế độ đầu vào âm thanh ngoài (AUX) sau khi kết nối thiết bị âm thanh ngoài.
Xoay  để điều chỉnh âm lượng.

Cài đặt riêng

Cài đặt riêng

Cách sử dụng menu Cài đặt riêng

- Các menu cài đặt và các chức năng có thể khác nhau tùy theo model xe.
- Menu cài đặt hiển thị danh sách chi tiết dành cho menu cài đặt hoặc trạng thái chức năng liên quan.
- Bạn có thể lặp lại thao tác này nếu có danh sách chi tiết khác từ danh sách chi tiết liên quan.

Chọn Settings (cài đặt) trong Menu > xoay **MENU** để chuyển tới mục menu mong muốn > bấm **MENU** để vào menu chi tiết của mục.

Thiết lập thời gian và ngày tháng

Thiết lập thời gian: Đặt giờ và phút cho thời gian hiện tại bằng tay.

- Chọn Set Time (thiết lập thời gian) trong menu Time and Date (giờ và ngày) để truy cập menu phụ tương ứng.
- Bấm – để chọn định dạng thời gian 12 giờ hoặc 24 giờ.
- Xoay **MENU** để đổi giờ, sau đó bấm **MENU** để chuyển tới Minute Setting (cài đặt phút).
- Xoay **MENU** để đổi phút, sau đó bấm **MENU** để chuyển tới cài đặt AM hoặc PM.
- Xoay **MENU** để chọn AM hoặc PM, sau đó bấm **MENU** để kết thúc thiết lập thời gian. Khi bấm **MENU**, menu Time and Date (ngày và giờ) sẽ tự động hiển thị.

Thiết lập ngày tháng: Thiết lập thủ công năm, tháng hoặc ngày hiện tại.

Chọn Set Date (thiết lập ngày tháng) trong menu Time and Date (thời gian và ngày tháng) để truy cập menu phụ tương ứng.

Bấm – để chọn định dạng ngày Định dạng hiển thị:

DD/MM/YYYY : 15. Oct. 2016

MM/DD/YYYY : Oct. 15. 2016

YYYY/MM/DD : 2016. Oct. 15

- Xoay **MENU** để thay đổi Month (tháng), sau đó bấm **MENU** để chuyển sang Day Setting (cài đặt ngày).
- Xoay **MENU** để thay đổi Day (ngày), sau đó bấm **MENU** để chuyển sang Year Setting (cài đặt năm).
- Xoay **MENU** để thay đổi Year (năm), sau đó bấm **MENU** để hoàn tất thiết lập ngày. Khi bấm **MENU**, menu Time and

Date (ngày và giờ) sẽ tự động hiển thị.

Thiết lập thời gian và ngày tháng tự động.

Bấm – để chọn chế độ cài đặt thời gian trong menu Set Time (cài đặt thời gian).

- **Tắt (thủ công):** Bật chế độ thủ công.
- **Trên mạng di động:** Bật hoặc tắt tính năng đồng bộ đồng hồ mạng di động.
- **Bật-RDS:** Đặt bật hoặc tắt tính năng đồng bộ đồng hồ RDS.

Cài đặt âm báo

- Để biết chi tiết → T.87.

Cài đặt âm lượng tự động

Chế độ tự động điều chỉnh âm lượng (Auto volume) dựa trên tốc độ hoặc tiếng ồn xung quanh xe.

- **Off (Tắt):** Chế độ Auto volume không hoạt động.
- **Low (Thấp):** Điều chỉnh âm

lượng ở dải âm lượng thấp, tương ứng với sự thay đổi tốc độ xe

- **Medium-Low (Trung bình-thấp):** Điều chỉnh âm lượng ở dải âm lượng Trung bình -Thấp
- **Medium (Trung bình):** Điều chỉnh âm lượng ở dải âm lượng trung bình, tương ứng với sự thay đổi tốc độ xe.
- **Medium-High (Trung bình-cao):** Điều chỉnh âm lượng ở dải âm lượng Trung bình - cao
- **High (Cao):** Điều chỉnh âm lượng ở dải âm lượng cao hơn, tương ứng với sự thay đổi tốc độ xe

Cài đặt âm lượng tối đa lúc khởi động

Cài đặt thủ công để giới hạn mức âm lượng tối đa khi khởi động.

Cài đặt ngôn ngữ

Xoay **MENU** để chọn Cài đặt

xe trong menu Cài đặt > bấm **MENU**

> xoay **MENU** để chọn Ngôn ngữ > bấm **MENU** để vào menu chi tiết của mục.

Chọn ngôn ngữ bạn muốn hiển thị.

Khôi phục cài đặt gốc

Xoay **MENU** để chọn Cài đặt xe trong menu Cài đặt > bấm **MENU** > xoay **MENU** để chọn Khôi phục cài đặt gốc > bấm **MENU** để vào menu chi tiết của mục.

Khôi phục tất cả cài đặt trở lại thành cài đặt mặc định.

Thông tin về phần mềm

Xoay **MENU** để chọn Cài đặt xe trong menu Cài đặt > bấm **MENU** > xoay **MENU** để chọn Thông tin về phần mềm > bấm **MENU** để vào menu chi tiết của mục.

Hiển thị phiên bản phần mềm hiện tại.

Chế độ nhận diện chủ xe (Valet mode)

Chế độ này sẽ khóa hệ thống thông tin giải trí và bộ điều khiển trên vô lăng. Đồng thời, hạn chế truy cập vào các vị trí lưu trữ của xe (nếu có).

Để bật chế độ nhận diện chủ xe, nhập mã gồm 4 chữ số và chọn Enter bằng cách sử dụng nút xoay **TUNE** > nhập lại mã 4 chữ số ở trên.

Chọn **Lock (khóa)** hoặc **Unlock (mở khóa)** để khóa hoặc mở khóa hệ thống.

Điện thoại

Bluetooth

■ Giới thiệu về Bluetooth Giới thiệu về công nghệ không dây Bluetooth

- Công nghệ không dây Bluetooth® là công nghệ kết nối không dây quang ngắn, sử dụng tần số 2.45Ghz để kết nối nhiều thiết bị khác nhau trong một khoảng cách ngắn.
- Công nghệ không dây Bluetooth® truyền dữ liệu ở tốc độ cao mà không cần dùng cáp kết nối, công nghệ này được hỗ trợ trên máy tính, thiết bị ngoài, điện thoại có Bluetooth®, PDA, thiết bị điện tử và môi trường ô tô.
- Bluetooth® rảnh tay là thuật ngữ mô tả thiết bị cho phép người dùng thực hiện cuộc gọi một cách tiện lợi với điện thoại

di động có Bluetooth® thông qua hệ thống đa phương tiện.

Trước khi kết nối bộ phận Bluetooth

- Trước khi kết nối hệ thống với điện thoại di động, kiểm tra xem điện thoại di động đó có hỗ trợ tính năng Bluetooth không.
- Ngay cả khi điện thoại có hỗ trợ Công nghệ không dây Bluetooth, bạn cũng có thể không tìm thấy điện thoại khi tìm kiếm nếu điện thoại chuyển sang chế độ ẩn hoặc tắt Bluetooth.
- Tắt chế độ ẩn hoặc bật Bluetooth trước khi tìm kiếm hoặc kết nối với hệ thống.
- Nếu sử dụng chế độ Auto Connection (Kết nối tự động), điện thoại có Bluetooth sẽ tự động kết nối với hệ thống khi mở khóa điện.
- Nếu bạn không muốn kết nối tự động với Bluetooth, hãy tắt tính năng Bluetooth trên thiết bị Bluetooth.
- Để xe khi kết nối điện thoại di động với hệ thống.
- Kết nối Bluetooth có thể thỉnh thoảng bị ngắt tùy vào điện thoại. Thực hiện các bước sau để thử lại.
 - BẬT/TẮT chức năng Bluetooth® trong điện thoại di động và thử lại.
 - BẬT/TẮT nguồn điện thoại di động và thử lại.
 - Tháo hẳn pin điện thoại di động ra, khởi động lại và thử lại.
 - Khởi động lại thiết bị và thử lại.
 - Xóa tất cả các thiết bị đã ghép đôi, ghép đôi và thử lại.
- Chất lượng và âm lượng cuộc gọi rảnh tay có thể khác nhau tùy thuộc vào điện thoại.

- Hệ thống không hỗ trợ ghép đôi thiết bị Bluetooth và sử dụng các tính năng Bluetooth khi xe đang chuyển động. Do đó, xin vui lòng đỗ xe trước.
- Quá trình tải về danh bạ có thể khác nhau tùy thuộc vào điện thoại.

Tham khảo hướng dẫn của nhà sản xuất điện thoại di động, để tìm hiểu thêm về các trường hợp không được miêu tả trong sách hướng dẫn này.

- Vì kết nối không dây Bluetooth có phạm vi phủ sóng lên tới 10m, thiết bị Bluetooth của bạn có thể sẽ tự động kết nối ngay cả khi thiết bị không ở trong xe. Vui lòng cân nhắc điều này, đặc biệt khi ghép đôi thiết bị Bluetooth với Hệ thống thông tin giải trí khi các thiết bị Bluetooth khác ở trong vùng phủ sóng.
- Thiết bị này sử dụng hệ thống

giảm ồn và tiếng dội kỹ thuật số để mang lại âm thanh rõ nét, mà ít hoặc không bị méo tiếng, trong một vài trường hợp, có thể vẫn có tiếng dội và tiếng ồn bên trong xe. Chúng tôi khuyên người dùng đóng kín cửa ô tô khi thực hiện cuộc gọi để có kết quả tối ưu.

- Thiết bị này sử dụng các cấu hình Bluetooth sau:
 - Cấu hình truy cập danh bạ (PBAP)
 - Cấu hình rảnh tay (HFP)
 - Cấu hình phân phối âm thanh nâng cao (A2DP)
 - Cấu hình điều khiển từ xa video âm thanh (AVRCP)
- Nếu cấu hình Bluetooth không phù hợp, hệ thống sẽ hiển thị thông báo **“Thiết bị này không hỗ trợ thao tác”** trên màn hình hiển thị (ví dụ như thiết bị không thể kiểm soát **MENU**).

- Hệ thống có thể vận hành không chính xác nếu kết nối với thiết bị lạ.

Trước khi sử dụng chế độ phát nhạc Bluetooth

- Chỉ có thể sử dụng chế độ phát nhạc qua Bluetooth sau khi kết nối thiết bị âm thanh có Bluetooth.
- Nếu sau khi chuyển sang chế độ truyền phát âm thanh (Âm thanh qua Bluetooth) hoặc sau khi bấm Play trên thiết bị di động, hệ thống vẫn không thể phát nhạc từ thiết bị di động, hãy thử tiến hành lại bằng cách bấm nút Play (Phát) lần nữa.
- Kiểm tra xem nhạc có được phát từ thiết bị Bluetooth không sau khi chuyển sang chế độ truyền phát âm thanh. Một số điện thoại di động không hỗ trợ chức năng Truyền phát âm thanh.

- Nếu điện thoại Bluetooth bị ngắt kết nối khi chế độ phát Âm thanh qua Bluetooth đang hoạt động, nhạc cũng sẽ dừng lại.
- Một số điện thoại di động không hỗ trợ âm thanh truyền phát qua Bluetooth.
- Nếu đèn báo Bluetooth không hiển thị, tức là không có thiết bị Bluetooth nào được kết nối hoặc kết nối không đủ chất lượng.
- Hệ thống này có thể ghép đôi với tối đa 10 thiết bị Bluetooth.

■ Kết nối Bluetooth

Đăng ký thiết bị Bluetooth

Đăng ký thiết bị Bluetooth sẽ kết nối với hệ thống Thông tin giải trí.

Trước tiên, cài đặt thiết bị Bluetooth từ menu cài đặt Bluetooth để cho phép các thiết bị khác tìm kiếm Bluetooth.

Bấm **PHONE** để vào chế độ ứng dụng điện thoại.

Để chọn ghép đôi, bấm -.

Thông tin **“Name: Tên thiết bị/**

PIN: 0000” sẽ xuất hiện trên

màn hình, sau đó quá trình ghép đôi sẽ bắt đầu.

- Nếu không có thiết bị nào được kết nối, sẽ hiển thị trạng thái **“No Device Paired”** (Không có thiết bị nào được ghép đôi).

- Để đổi mã PIN, bấm - và chọn New Pin (Mã PIN mới) trong menu ghép đôi. Bật và bấm **MENU** để đổi mã PIN.

Từ thiết bị Bluetooth, tìm kiếm hệ thống và ghép đôi với thiết bị.

1. Bật Bluetooth trên điện thoại của bạn.
2. Tìm và chọn thiết bị **“Device name” (Tên thiết bị)** trên menu Bluetooth.
3. Nhập mục này trên điện thoại của bạn.

Để tìm hiểu thêm về cách tìm kiếm từ thiết bị Bluetooth và ghép đôi, tham khảo sách hướng dẫn sử dụng thiết bị Bluetooth của bạn.

Sau đó, thiết bị Bluetooth sẽ tự động được đăng ký.

- Nếu đăng ký thiết bị kết nối với hệ thống thành công, thông báo **“Bluetooth Connected”** (Đã kết nối Bluetooth) sẽ xuất hiện trên màn hình hiển thị.
- Sau khi quá trình ghép đôi hoàn tất, yêu cầu tải về danh bạ sẽ được gửi tới điện thoại của bạn. Vui lòng kiểm tra điện thoại và chấp nhận yêu cầu tải về nếu cần.

Khi ghép đôi thiết bị thứ hai, hãy lặp lại các bước trên.

- Không thể ghép đôi với thiết bị khác sau khi kết nối thiết bị Bluetooth. Nếu muốn ghép đôi với điện thoại khác, trước

tiên hãy ngắt kết nối thiết bị Bluetooth đang có.

- Thiết bị này có thể ghép đôi với tối đa 10 thiết bị Bluetooth.

Thêm/Kết nối/Ngắt kết nối/Xóa thiết bị Bluetooth

Trước tiên, cài đặt thiết bị Bluetooth từ menu cài đặt để cho phép các thiết bị khác tìm kiếm thiết bị Bluetooth.

Bấm **PHONE** > bấm **MENU** để chọn thiết bị Bluetooth > xoay **MENU** để chuyển tới mục danh sách thiết bị > bấm – để chọn mục menu mong muốn.

- **Chọn Add (Thêm):** Thông tin “**Name: Tên thiết bị / PIN: 0000**” sẽ xuất hiện trên màn hình và sau đó quá trình ghép đôi sẽ bắt đầu.

- **Chọn Connect (Kết nối):** Sau khoảng thời gian ngắn, thiết bị Bluetooth sẽ tự động kết nối, và thông báo “**Bluetooth**

Connected” (Đã kết nối Bluetooth) sẽ xuất hiện trên màn hình hiển thị.

- **Chọn Disconnect (Ngắt kết nối):** Ngắt kết nối với thiết bị Bluetooth từ menu Phone List (Danh sách điện thoại).
- **Chọn Delete (Xóa):** Xóa thiết bị Bluetooth đã đăng ký từ menu Phone List (Danh sách điện thoại).

■ Đầu phát nhạc qua Bluetooth

Kết nối đầu phát nhạc qua Bluetooth

Kết nối với thiết bị Bluetooth có lưu tệp nhạc.



Bấm liên tục **MEDIA** để chọn chế độ Nhạc qua Bluetooth.

- Tệp âm thanh trong thiết bị Bluetooth sẽ tự động phát sau khi thông báo “**Bluetooth Music**” (Nhạc qua Bluetooth) xuất hiện trên màn hình hiển thị.
- Nếu sau khi chuyển sang chế độ truyền phát âm thanh (Âm thanh qua Bluetooth) hoặc sau khi bấm Play trên thiết bị di động, hệ thống vẫn không thể phát nhạc từ thiết bị di động, hãy thử tiến hành lại bằng cách bấm nút Play (Phát) lần nữa. Trong khi phát, bấm◀◀hoặc▶▶ để chuyển tới bài tiếp theo hoặc bài trước.
- Chức năng này chỉ hoạt động với các thiết bị Bluetooth hỗ trợ Cấu hình điều khiển từ xa video âm thanh (AVRCP) phiên bản 1.0 hoặc cao hơn. Tùy vào tùy chọn của thiết bị Bluetooth, một vài thiết bị có thể hiển thị Cấu hình điều khiển từ xa video

âm thanh (AVRCP) được kết nối cho thiết bị ban đầu.

- Nếu thiết bị Bluetooth bị ngắt kết nối trong quá trình phát nhạc qua Bluetooth, nhạc cũng sẽ dừng lại.

Sau đó, các chức năng phát Nhạc qua Bluetooth được thao tác tương tự như phát lại qua USB.

Sử dụng menu Bluetooth music

Trong khi đang phát, bấm **MENU** để vào menu Bluetooth. Xoay **MENU** để chuyển tới mục menu mong muốn, và sau đó bấm **MENU** để chọn mục thích hợp hoặc để vào menu chi tiết của mục đó.

- **Duyệt “Device name”:** Chọn một danh sách trong danh sách các tên để duyệt. Nếu cấu hình Bluetooth không khớp, hệ thống sẽ hiển thị thông báo “**Action not supported by devices**” (thiết bị không hỗ

trợ hoạt động đó). Phiên bản cấu hình hỗ trợ: Audio Video Remote Control Profile (AVRCP) trên 1.4

- **Trộn:** Xoay để bật hoặc tắt tính năng trộn.
- **Quản lý thiết bị Bluetooth:** Vào menu Phone List

■ Cuộc gọi khẩn cấp



CẢNH BÁO

Không đảm bảo kết nối trong mọi tình huống. Do đó, bạn không nên chỉ dựa vào điện thoại khi cần trao đổi thông tin quan trọng (như gọi cấp cứu). Với một số nhà mạng, có thể cần lắp thẻ SIM hợp lệ đúng cách vào điện thoại di động.



CẢNH BÁO

Xin ghi nhớ rằng bạn chỉ có thể thực hiện và nhận cuộc gọi qua điện thoại di động nếu ở trong khu vực có tín hiệu đủ mạnh. Trong một số trường hợp, không phải mọi cuộc gọi khẩn cấp đều được thực hiện trên tất cả các mạng điện thoại di động, bạn có thể không thực hiện được cuộc gọi khẩn cấp khi một số dịch vụ mạng và/hoặc chức năng điện thoại đang hoạt động. Bạn nên trao đổi vấn đề này với nhà mạng tại địa phương.

Số điện thoại khẩn cấp có thể thay đổi tùy theo khu vực và quốc gia. Vui lòng hỏi trước số điện thoại khẩn cấp của khu vực.

■ **Thực hiện cuộc gọi khẩn cấp**
Quay số điện thoại khẩn cấp (ví dụ: 112).

Kết nối điện thoại đến trung tâm nhận cuộc gọi khẩn cấp được thiết lập.


Trả lời khi nhân viên tổng đài hỏi bạn về tình huống khẩn cấp.

⚠ CẢNH BÁO

Không kết thúc cuộc gọi cho đến khi trung tâm khẩn cấp đề nghị.

■ Sử dụng chức năng Siri (nếu có)

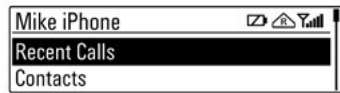
Để sử dụng chức năng Siri, iPhone phải kết nối với Hệ thống thông tin giải trí qua Bluetooth.

Khi iPhone đã được kết nối, bấm và giữ **PHONE** hoặc  trên bảng điều khiển âm thanh trên vô lăng để kích hoạt chức năng Siri.

- Tương thích với thiết bị iPhone iOS 4.0 hoặc cao hơn.



- Các lệnh cho Siri dùng cùng với sản phẩm này có hỗ trợ lệnh quay số qua iPhone, lệnh chọn bài hát và phát lại trong Trình phát nhạc trên iPhone.



■ Vận hành



Cuộc gọi đến


Khi có cuộc gọi đến điện thoại di động đã kết nối Bluetooth, bản nhạc đang phát sẽ tạm dừng, điện thoại sẽ đổ chuông và hiển thị các thông tin liên quan.

Để nhận cuộc gọi, bấm  trên bảng điều khiển âm thanh trên vô lăng để chuyển sang chế độ màn hình Cuộc gọi đang hoạt động hoặc bấm  để chọn Trả lời và chuyển sang màn hình Cuộc gọi đang hoạt động.

Để từ chối cuộc gọi, bấm và giữ  trên Bảng điều khiển âm thanh trên vô lăng hoặc bấm  để bỏ qua.


- Cuộc gọi bị bỏ qua sẽ chuyển đến hộp thư thoại, nhạc chuông dừng kêu, thông báo tắt đi và màn hình trở lại như trước khi có cảnh báo.
- Nếu bạn không chọn bỏ qua hay trả lời trước khi cuộc gọi chuyển tới hộp thư thoại, thông báo sẽ tắt đi, màn hình hiển thị trở lại và nhạc chuông dừng kêu.

Chế độ chờ

Nếu có người khác gọi tới khi bạn đang nói chuyện trên điện thoại, hệ thống sẽ hiển thị một thông báo có cuộc gọi thứ hai. Bấm **PHONE** hoặc  trên bảng điều khiển trên vô lăng để chuyển đổi giữa cuộc gọi thứ nhất và cuộc gọi thứ hai.

Nếu cả hai cuộc gọi đều đang hoạt động (chế độ chờ cuộc gọi), hệ thống sẽ không hiển thị thông báo chờ cuộc gọi.

Điều chỉnh âm lượng điện thoại

Xoay  để điều chỉnh âm lượng điện thoại trong khi đang thực hiện cuộc gọi (ví dụ mức âm lượng 0 ~ 63).

⚠ CHÚ Ý

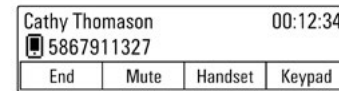
Có thể đổi nhạc chuông tùy vào điện thoại di động. Điều chỉnh âm lượng của điện thoại nếu âm lượng quá nhỏ.

Bạn có thể sử dụng điều khiển âm lượng để điều chỉnh Âm lượng nhạc chuông khi nhạc chuông phát ra ở mức âm lượng tối thiểu.

Phạm vi âm lượng từ mức 3 cho tới cực đại.

Trong khi gọi

Trong cuộc gọi đang thực hiện, màn hình Cuộc gọi hiện tại sẽ hiển thị thông tin liên quan tới cuộc gọi đang thực hiện.



End (Kết thúc): Kết thúc cuộc gọi hiện tại.

Khi kết thúc cuộc gọi, hệ thống trở về màn hình trước cuộc gọi.

Mute/Unmute (Tắt tiếng/Bật tiếng): Tắt micro của xe trong khi đang có cuộc gọi bằng cách bấm nút.

Nếu micro đã tắt, nhãn thông báo sẽ chuyển thành Unmute (Bật tiếng). Bấm lại nút để bật micro.

Handset/hands-free (Cầm tay/rảnh tay): chuyển từ chế độ rảnh tay sang chế độ cầm tay

bằng cách bấm trực tiếp .

- Nếu cuộc gọi hiện tại đang ở chế độ cầm tay, nhấn thông báo sẽ chuyển thành chế độ rảnh tay.
- Bấm nút để chuyển cuộc gọi sang chế độ rảnh tay.
- Chế độ rảnh tay là mặc định khi bắt đầu khởi tạo cuộc gọi.
- Nếu xảy ra sự cố và cuộc gọi không được chuyển sang chế độ rảnh tay hoặc cầm tay theo yêu cầu của người dùng, hệ thống sẽ hiển thị thông báo để báo cho người dùng biết rằng việc chuyển đổi không thể thực hiện được. Vui lòng thử lại.

Keypad (Bàn phím số): Vào màn hình bàn phím số.

Kết thúc cuộc gọi

Nếu kết thúc cuộc gọi khi hệ thống đang không hiển thị màn hình Cuộc gọi đang thực hiện,

thông báo Call Ended (Kết thúc cuộc gọi) sẽ hiển thị.

- Cuộc gọi có thể kết thúc do người ở đầu dây bên kia ngắt thiết bị Bluetooth hoặc bấm **↵** trên bảng điều khiển âm thanh trên vô lăng.
- Sau 5 giây, màn hình trở về màn hình trước đó.

Quay lại số máy vừa gọi

Nếu cuộc gọi bị dừng, bạn có thể quay lại số máy đó trước khi hết thời gian bằng cách bấm – bên dưới màn hình có nhãn Redial (Gọi lại).

Gọi một số trong nhật ký cuộc gọi

Bấm **PHONE** để vào menu Phone List (Danh sách điện thoại) > xoay **MENU** để chọn Recent Calls (cuộc gọi gần đây) > bấm **MENU** > xoay **MENU** để chọn Missed Calls (Cuộc gọi nhỡ), Received Calls (Cuộc gọi

đã nhận) hoặc Sent Calls (Cuộc gọi đi), sau đó bấm **MENU**.

Danh sách cuộc gọi gần đây hiển thị menu trung gian bao gồm các cuộc gọi nhỡ, cuộc gọi đã nhận, cuộc gọi đi. Xoay **MENU** để chọn tên hoặc số điện thoại, sau đó bấm **MENU** để thực hiện cuộc gọi.

Gọi một số trong danh bạ

Bấm **PHONE** để vào menu Phone List (Danh sách điện thoại) > xoay **MENU** để chọn Contacts (Danh bạ) > bấm **MENU** > xoay **MENU** để chọn tên hoặc số điện thoại, sau đó bấm **MENU** để thực hiện cuộc gọi.

Nguồn điện thoại gọi đi cuối cùng được giữ lại tại chu kỳ khởi động xe tiếp theo nếu người dùng kết nối lại điện thoại đã gọi.

Tải về danh bạ

Nếu thiết bị Bluetooth hỗ trợ chức năng đồng bộ hóa danh

bạ, danh bạ được tự động tải về sau khi kết nối.

- Bạn có thể tải về danh sách lịch sử cuộc gọi từ thiết bị Bluetooth được kết nối.
- Không hỗ trợ tính năng sắp xếp lịch sử cuộc gọi theo thời gian.
- Bạn có thể tải về lịch sử cuộc gọi ngay cả khi đang tiến hành thao tác khác.
- Bạn không thể bắt đầu quá trình tải về khi tắt tính năng tải về lịch sử cuộc gọi trong thiết bị Bluetooth.
- Sau khi ghép đôi hoàn tất, yêu cầu tải về danh bạ sẽ được gửi tới điện thoại của bạn. Một số điện thoại yêu cầu xác nhận bổ sung. Vui lòng kiểm tra điện thoại và chấp nhận yêu cầu tải về nếu cần.
- Nếu xóa điện thoại đã ghép đôi, danh sách lịch sử cuộc gọi cũng sẽ bị xóa khỏi hệ thống.

- Hệ thống chỉ sử dụng thông tin đã mã hóa ở dạng UTF-8.

Quay số bằng bàn phím số

Bấm **PHONE** để vào menu Phone List (Danh sách điện thoại) > xoay **MENU** để chọn Bàn phím số và bấm **MENU** để vào màn hình Bàn phím số.

• Khi người dùng chọn Bàn phím số từ màn hình chính của điện thoại, bàn phím quay số điện thoại sẽ hiển thị.

• Người dùng xoay núm để chọn tô sáng số muốn bấm và bấm núm để chọn số đó.

Xoay **MENU** để tô sáng số muốn quay và bấm **MENU** để chọn số đó.

Bạn có thể nhập tối đa 24 số.

- Nếu người dùng tiếp tục xoay núm sau khi đã hết bàn phím số, hệ thống sẽ hiện phía bên kia của bàn phím số.
- Các chữ số được hiển thị trên

màn hình chữ số khi được nhập.

- Nút Call (Gọi) không hoạt động cho đến khi người dùng nhập một chữ số.
- Sau khi người dùng đã nhập số điện thoại mong muốn, bấm – để bắt đầu gọi số đó.
- Khi kết nối đã được thiết lập, hệ thống sẽ hiển thị màn hình Cuộc gọi đang thực hiện.
- Nếu người dùng nhập sai số điện thoại, xoay **MENU** để tô sáng Delete (xóa) và bấm núm để xóa số cuối cùng được nhập.
- Bấm và giữ núm trong thời gian nhất định trong khi nút Delete (xóa) hiện để xóa toàn bộ các chữ số đã nhập.

Xem thiết bị Bluetooth

Bấm **PHONE** để vào menu Phone (Điện thoại) > xoay **MENU** để chọn Bluetooth Devices (Các thiết bị Bluetooth) > bấm **MENU**

để vào menu Phone List (Danh sách điện thoại).

- Danh sách có chứa tên thiết bị của toàn bộ các thiết bị Bluetooth đã ghép đôi với hệ thống.
- Nếu tên thiết bị nhận để trống, bạn sẽ thấy một chuỗi trống.
- Từ menu Bluetooth Device List (Danh sách thiết bị Bluetooth), người dùng có thể thêm (ghép đôi) thiết bị, xóa một thiết bị, và kết nối một thiết bị.

Giới thiệu

Giới thiệu

Tham khảo các mục sau để nắm được các tính năng của Hệ thống thông tin giải trí.

! CẢNH BÁO

Không chú ý vào đường đi khi sử dụng tính năng thông tin giải trí có thể gây ra tai nạn. Bạn hoặc người khác có thể bị thương tích hoặc tử vong. Không tập trung quá mức vào các chức năng thông tin giải trí khi đang lái xe. Hạn chế nhìn vào các màn hình hiển thị trong xe và tập trung lái xe. Sử dụng chức năng ra lệnh qua giọng nói nếu có thể.

Hệ thống thông tin giải trí có tính năng tích hợp sẵn giúp

tránh mất tập trung bằng cách tắt một vài tính năng khi đang lái xe. Những tính năng này có thể chuyển thành màu xám khi không khả dụng. Rất nhiều tính năng thông tin giải trí khả dụng trong cụm tập lò và bộ điều khiển trên vô lăng.

Trước khi lái xe:

- Hiểu rõ hệ thống vận hành, điều khiển trên cụm trung tâm, và các màn hình hiển thị thông tin giải trí.
- Cài đặt trước các đài phát ưa thích, cài chuông báo, và điều chỉnh loa.
- Cài đặt điện thoại và chuẩn bị trước số cần gọi để dễ dàng thực hiện chỉ bằng một thao tác điều khiển hoặc ra lệnh bằng giọng nói.

Tổng quan

■ Hỗ trợ khách hàng

- Trung tâm hỗ trợ khách hàng luôn sẵn sàng hỗ trợ việc ghép đôi Bluetooth, giao diện điện thoại, và hỗ trợ các thao tác trên hệ thống thông tin giải trí.
- Các chuyên viên luôn sẵn sàng giúp đỡ khi bạn gọi Tổng đài hỗ trợ khách hàng.

■ Hệ thống thông tin giải trí

- Sử dụng màn hình hiển thị thông tin giải trí, nút điều khiển trên cụm điều khiển trung tâm, trên vô lăng để điều khiển hệ thống.



1. 🏠

- Bấm để tới trang chủ.

2. ⏪

- Radio: Bấm và thả tay để tìm kiếm nhanh đài phát sóng mạnh nhất trước đó. Bấm và giữ để chuyển tới kênh hoặc đài phát trước đó.
- USB/Âm nhạc/Hình ảnh: Bấm để tới nội dung trước đó. Bấm và giữ để tua lại nhanh.

3. 🔇

- Khi hệ thống tắt, bấm 🔇 để bật. Bấm và giữ để tắt.
- Khi hệ thống bật, bấm 🔇 để tắt tiếng hệ thống và hiển thị thanh trạng thái. Bấm 🔇 lần nữa để bật tiếng hệ thống.
- Xoay để tăng hoặc giảm âm lượng.

4. ▶▶

- Radio: Bấm và thả tay để tìm kiếm nhanh đài phát sóng mạnh nhất sau đó. Bấm và giữ để chuyển tới kênh hoặc đài phát sau đó.
- USB/Âm nhạc/Hình ảnh: Bấm để tới nội dung trước đó. Bấm và giữ để tua đi nhanh.

5. 📞

- Bấm và thả tay để truy cập màn hình điện thoại, nhận cuộc gọi tới, hoặc truy cập màn hình chủ của thiết bị.

Bảng điều khiển trên vô lăng

- 📶: Đối với xe có Bluetooth, bấm để tương tác với hệ thống.
- 🔊: Bấm để chỉ tắt tiếng của loa trong xe. Bấm lần nữa để bật tiếng. Đối với xe có hệ thống Bluetooth, bấm để từ chối cuộc gọi tới, hoặc để kết thúc cuộc gọi hiện tại.
- 📻: Bấm để chọn nguồn hoặc chạm nhiều lần để đổi đài phát ưa thích
- 🔊: Bấm + để tăng âm lượng.

Bấm - để giảm âm lượng.

Sử dụng hệ thống**■ Biểu tượng trên màn hiển thị thông tin giải trí**

Các biểu tượng thông tin giải trí hiển thị khi khả dụng. Khi chức năng nào đó không khả dụng, biểu tượng của chức năng đó có thể chuyển thành màu xám. Khi chọn chức năng nào đó, biểu tượng của chức năng đó có thể bật sáng.

■ Âm thanh

Chạm vào biểu tượng âm thanh để hiển thị trang nguồn âm thanh đang hoạt động. Ví dụ cho các nguồn khả dụng là AM, FM, MyMedia, USB và Bluetooth.

■ Điện thoại

Biểu tượng điện thoại hiển thị trên màn hình chính của điện

thoại. Xem *Bluetooth (Tổng quan)* → T.114. *Bluetooth (Ghép đôi và sử dụng điện thoại)* → T.115.

■ Cài đặt

Chạm vào biểu tượng cài đặt để hiển thị menu Cài đặt. Xem *Cài đặt* → T.122.

■ Apple CarPlay

Chạm vào biểu tượng Apple CarPlay để kích hoạt Apple CarPlay (nếu có) sau khi kết nối với thiết bị tương thích. Xem *Ứng dụng Apple CarPlay và Android Auto* → T.120.

■ Android Auto

Chạm vào biểu tượng Android Auto để kích hoạt Android Auto (nếu có) sau khi kết nối với thiết bị tương thích. Xem *Ứng dụng Apple CarPlay và Android Auto* → T.120.

■ Hệ thống điều hòa không khí

Nếu xe được trang bị tính năng này, chạm biểu tượng Điều hòa không khí để hiển thị trang chủ.

■ Thanh shortcut (phím tắt)

Thanh shortcut nằm ở gần phần cuối của màn hình hiển thị. Nó hiển thị hai ứng dụng.

■ Ra hiệu cho hệ thống thông tin giải trí

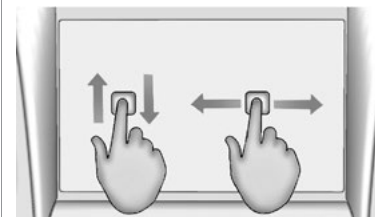
Sử dụng các động tác tay sau đây để điều khiển hệ thống tin giải trí.

Chạm/Gõ

Có thể chạm/gõ để chọn một biểu tượng hoặc tùy chọn, kích hoạt ứng dụng hoặc thay đổi vị trí bên trong bản đồ.

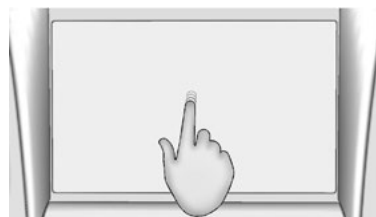
Chạm và giữ

Có thể dùng chạm và giữ để bắt đầu một động tác khác, hoặc để di chuyển hoặc xóa một ứng dụng.

Kéo

Kéo được dùng để di chuyển các ứng dụng trên màn hình chính, hoặc để xoay bản đồ. Để kéo một mục, cần phải giữ và di chuyển dọc theo màn hình tới vị trí mới. Có thể thực hiện theo các hướng trên, dưới, phải hoặc trái.

Nhích



Nhích được dùng để di chuyển các mục trong một khoảng ngắn trên danh sách hoặc bản đồ. Để nhích, giữ và di chuyển mục được chọn lên hoặc xuống vị trí mới.

Lướt hoặc Trượt



Lướt hoặc trượt dùng để kéo một danh sách, xoay bản đồ hoặc thay đổi cách xem trang. Thực hiện thao tác này bằng cách đặt ngón tay lên màn hình và di chuyển nhanh về hướng trên và dưới, phải và trái.

Vệ sinh bề mặt bóng và thông tin về xe và màn hình hiển thị radio

Đối với xe có bề mặt bóng hoặc các màn hình hiển thị, dùng vải mềm để lau bề mặt. Trước khi lau bề mặt bằng vải mềm, dùng chổi lông mềm để quét sạch bụi bẩn. Sau đó lau nhẹ nhàng

bằng vải. Không sử dụng chất tẩy rửa hoặc dung môi. Vệ sinh định kỳ vải mềm bằng nước giặt. Không sử dụng thuốc tẩy hoặc nước xả vải. Vò kỹ và sấy khô trước khi tiếp tục sử dụng.

Radio

Radio AM-FM

Phát radio

Từ trang chủ, chạm vào biểu tượng Audio để hiển thị trang chủ âm thanh hoạt động. Chọn 3 nguồn được liệt kê sử dụng gần đây nhất ở bên trái màn hình hoặc chạm vào biểu tượng More để hiển thị danh sách các nguồn khả dụng. Ví dụ cho các nguồn khả dụng là AM, FM, MyMedia, USB, AUX và Bluetooth.

Menu âm thanh của hệ thống thông tin giải trí

Từ trang chủ nguồn âm thanh, chạm vào để hiển thị:

Bộ cân bằng: Chạm vào để điều chỉnh Bass (Âm trầm), Midrange (Âm trung), Treble (Âm bổng), và Surround (Âm vòng) (nếu có)

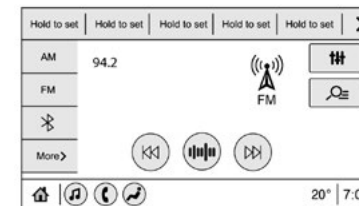
sử dụng các tùy chọn trên màn hình thông tin giải trí.

Fade (Mờ âm)/Balance (Cân bằng)

Chạm vào để điều chỉnh bằng cách sử dụng các nút điều khiển trên màn hình thông tin giải trí bằng cách gõ/kéo phần chữ thập.

Tìm kiếm đài phát

Tìm kiếm đài phát



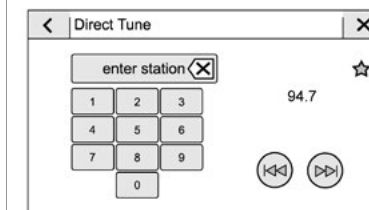
Từ tùy chọn AM, FM, chạm vào hoặc trên màn hình thông tin giải trí để tìm kiếm đài hoặc kênh phát trước đó hoặc tiếp theo.


Duyệt đài




Từ màn hình hiển thị AM, FM, chạm vào để mở danh sách tất cả các đài phát hoặc các kênh khả dụng. Duyệt lên xuống tất cả các đài phát bằng cách cuộn danh sách. Chạm vào đài phát hoặc kênh bạn muốn nghe. Chạm vào để lưu đài phát hoặc kênh đó vào mục ưa thích.

Nếu có, chạm vào Update Station List (Danh sách cập nhật đài phát) để cập nhật các đài phát đang hoạt động trong khu vực của bạn.

Direct Tune (Âm báo trực tiếp)



Truy cập Direct Tune bằng cách chạm vào  trên màn hình hiển thị thông tin giải trí tới nguồn AM, FM và hiển thị bàn phím số.

Duyệt lên xuống tất cả các tần số bằng cách sử dụng  hoặc . Trực tiếp nhập đài phát hoặc kênh bằng cách dùng bàn phím số. Khi nhập đài phát hoặc kênh mới, thông tin về đài phát hoặc kênh đó sẽ hiển thị ở phía bên phải. Thông tin này sẽ được cập nhật với mỗi tần số mới. Chạm vào  để lưu đài phát vào mục ưa thích.

Bàn phím số sẽ chuyển màu xám và không giúp tìm kiếm tần số hợp lệ và sẽ tự động hiển thị dấu phẩy giữa số tần số.

Chạm vào (X) để xóa từng số một lần. Chạm vào và giữ (X) để xóa tất cả các số.


Đài phát AM hoặc FM khả dụng sẽ tự động phát âm báo tới tần số mới nhưng không đóng lại cửa sổ hiển thị Direct Tune. Chạm vào biểu tượng Back (trở lại) hoặc X trên màn hình thông tin giải trí để thoát Direct Tune.

Mũi tên dò đài ở phía bên phải của màn hình Direct Tune sẽ dò từng đài phát cho mỗi lần chạm trong tổng số danh sách các đài phát. Thao tác chạm và giữ sẽ giúp dò các đài nhanh chóng.

■ Lưu đài phát radio ưa thích
Mục ưa thích hiển thị ở vùng trên của màn hình.

Đài phát radio AM, FM: Chạm vào và giữ đài phát hoặc kênh cài đặt sẵn để lưu vào mục ưa thích. Chạm vào một mục đã lưu trong Ưu thích để mở lại đài phát ưa thích.

Có thể lưu vào mục ưa thích

bằng cách chạm vào  ở danh sách đài phát. Thông báo đã lưu vào mục ưa thích sẽ hiện sáng.

Số mục ưa thích hiển thị được điều chỉnh mặc định, người dùng có thể điều chỉnh bằng tay trong phần Settings (Cài đặt) ở tab System (Hệ thống) bên dưới mục Ưu thích, sau đó là Set Number of Audio Favorites (Cài đặt số cho Audio ưa thích). Cũng có thể điều chỉnh trong Settings (Cài đặt) trong tab Apps (Ứng dụng) bên dưới Audio, sau đó là Set Number of Audio Favorites (Cài đặt số cho Audio ưa thích).

Thu sóng radio

Rút các thiết bị điện tử từ phụ kiện ổ cắm điện nếu radio bị nhiễu sóng hoặc nhiễu âm.

■ FM

Tín hiệu FM chỉ đạt khoảng 16

đến 65 km. Dù radio có mạch điện tử tích hợp dùng để giảm nhiễu sóng, hiện tượng nhiễu âm vẫn có thể xảy ra, đặc biệt ở khu vực có nhà cao tầng hoặc đồi núi, làm âm thanh bị mờ đi.

■ AM

Dài tần của phần lớn các đài phát AM thường rộng hơn FM, đặc biệt là vào ban đêm. Phạm vi rộng hơn có thể làm các tần số của đài phát nhiễu lẫn nhau. Nhiễu âm có thể xảy ra khi bão hoặc đường dây điện xung đột với trạm thu sóng radio. Khi xảy ra hiện tượng này, thử giảm cao độ của radio.

■ Sử dụng thiết bị điện thoại

Sử dụng điện thoại, chẳng hạn như thực hiện hoặc nhận cuộc gọi, sạc, hoặc bật điện thoại có thể gây nhiễu sóng radio. Rút thiết bị điện thoại hoặc tắt nguồn nếu xảy ra hiện tượng này.

Cột ăng ten cố định

Cột ăng ten cố định (nếu có) có khả năng chịu nước chịu lực khi rửa xe miễn là được gắn chắc chắn vào. Dùng tay uốn thẳng khi ăng ten bị cong và thay thế khi bị cong nặng.

Thường xuyên kiểm tra xem ăng ten có được gắn chặt vào để không. Nếu cần siết lại, chú ý bảo vệ lớp sơn không bị hư hại.

Ăng ten nhiễu dài tần

Nếu được trang bị, ăng ten được lắp trên trần xe dành cho AM, FM và GPS (Hệ thống định vị toàn cầu). Giữ ăng ten sạch sẽ và không có vật cản để thu sóng tốt. Nếu xe được trang bị cửa sổ trời, khi mở có thể làm ảnh hưởng tới việc thu sóng.

Đầu phát âm thanh

Tránh sử dụng các thiết bị đa phương tiện không đảm bảo

Lưu ý khi sử dụng các nguồn phát đa phương tiện như thiết bị USB, thiết bị điện thoại. Các thiết bị đa phương tiện không tin tưởng có thể chứa những tệp tin làm ảnh hưởng đến vận hành hoặc hoạt động của hệ thống. Không sử dụng nếu nội dung và nguồn của các thiết bị không đáng tin cậy.

Cổng USB

Có thể nghe âm thanh lưu trong thiết bị USB. Xe này được trang bị một cổng USB ở học trước. Cổng này dùng để truyền dữ liệu và sạc.

Phát từ USB

Thiết bị lưu trữ USB có thể được nối với cổng USB.

USB hỗ trợ các định dạng âm thanh:

- MP3
- MP4
- M4A
- M4B
- AAC
- 3GP
- WAV

My Media Library (Thư viện đa phương tiện của tôi)

MyMedia chỉ khả dụng khi có nhiều hơn một thiết bị được biểu thị kết nối. Tính năng này cho phép truy cập nội dung từ nguồn đa phương tiện. MyMedia sẽ hiển thị nguồn khả dụng ở trang Nguồn.

Bộ phát USB MP3 và thiết bị USB

Bộ phát USB MP3 và thiết bị

USB kết nối phải tuân thủ thông số kỹ thuật lớp lưu trữ dung lượng lớn USB (USB MSC).

Để phát thiết bị USB:

1. Kết nối USB.
2. Chạm vào Audio trên trang chủ.
3. Chạm vào More và sau đó chạm vào thiết bị USB.

Sử dụng các nút sau khi phát nguồn USB hoạt động:

▷: Chạm để phát nguồn đa phương tiện hiện tại.

⏸ Chạm để tạm ngưng phát lại nguồn đa phương tiện hiện tại.

⏹

- Chạm để tìm kiếm phần đầu của bài hát hiện tại hoặc trước đó.
- Chạm và giữ để tua ngược nhanh trong khi phát lại. Thả tay ra để trở lại tốc độ phát bình thường. Thời gian đã phát sẽ hiển thị.

⏮

- Chạm để tìm kiếm bài hát tiếp theo.
- Chạm và giữ để tua nhanh trong khi phát lại. Thả tay ra để trở lại tốc độ phát bình thường. Thời gian đã phát sẽ hiển thị.


Trộn: Chạm vào biểu tượng trộn để phát nhạc theo thứ tự ngẫu nhiên.

Menu âm thanh USB

Xem “Menu âm thanh hệ thống thông tin giải trí” bên dưới *Radio AM-FM* → *T.107*.

Menu trình duyệt USB

Khi màn hình hiển thị danh sách các bài hát, album, nghệ sỹ hoặc các loại đa phương tiện khác, mũi tên lên và xuống và A-Z xuất hiện ở bên trái. Chọn A-Z để xem màn hình chữ cái alphabet và chọn kí tự muốn chuyển tới. Chạm vào mũi tên lên hoặc

xuống để di chuyển danh sách lên hoặc xuống. Chạm vào  và có thể xuất hiện những hiển thị sau:

Playlists (Danh sách phát):

1. Chạm vào để xem danh sách phát lưu trong USB.
2. Chạm vào danh sách phát để xem danh sách các bài hát trong đó.
3. Chạm vào một bài hát trong danh sách để bắt đầu phát lại.

Các phần mở rộng hỗ trợ danh sách phát là m3u, pls.

Artists (Nghệ sỹ):

1. Chạm vào để xem danh sách các nghệ sỹ được lưu trong USB.
2. Chạm vào vào tên nghệ sỹ để xem danh sách các album của nghệ sỹ đó.
3. Để chọn một bài hát, chạm vào All Songs (tất cả các bài

hát) hoặc chạm vào một album sau đó chạm vào bài hát trong danh sách.

Songs (Các bài hát):

1. Chạm vào để hiển thị danh sách tất cả các bài hát trong USB.
2. Để bắt đầu phát lại, chạm vào một bài hát trong danh sách.

Albums:

1. Chạm vào để xem các album trong USB.
2. Chạm vào album để xem danh sách tất cả các bài hát trong album.
3. Chạm vào bài hát trong danh sách để bắt đầu phát lại.

Genres (Thể loại):

1. Chạm vào để xem các thể loại trong USB.
2. Chạm vào mục thể loại để xem danh sách các nghệ sỹ.
3. Chạm vào một nghệ sỹ để

xem các album của nghệ sỹ đó.

4. Chạm vào một album để xem các bài hát trong album đó.
5. Chạm vào một bài hát để bắt đầu phát lại.

Radio iTunes: Chạm để xem Radio iTunes trên iPhone để thấy danh sách các trạm phát.

Biên soạn: Chạm để xem Biên soạn trên USB.

Tác giả:

1. Chạm để xem tác giả trên USB.
2. Chạm vào một tác giả để xem một danh sách các album của tác giả đó.
3. Chạm vào một album hoặc All Songs (tất cả bài hát) để xem danh sách các bài hát.
4. Chạm vào một bài hát trong danh sách để bắt đầu phát lại.

Thư mục:

1. Chạm để xem thư mục trên USB.
2. Chạm vào một thư mục để xem danh sách tất cả các tệp.
3. Chạm vào một tệp trong danh sách để bắt đầu phát lại.

Podcast:

Chạm để xem các podcast trên USB và xem danh sách các tập của podcast đó.

Sách âm thanh:

1. Chạm để xem các sách âm thanh trên USB.
2. Chạm vào một cuốn sách âm thanh để xem danh sách các chương.
3. Chạm vào một chương trong danh sách để bắt đầu phát.

Đặt tên và Hệ thống tệp

Các hệ thống tệp được USB hỗ trợ:

- FAT32
- HFS+

Các bài hát, nghệ sỹ, album và thể loại lấy từ thông tin các tệp bài hát và chỉ hiển thị nếu có. Radio hiển thị tên tệp là tên bài hát nếu không có thông tin về bài hát đó.

■ Lưu trữ và mở lại đa phương tiện ưa thích

Để lưu trữ đa phương tiện ưa thích, chạm vào Trình duyệt để hiển thị danh sách đa phương tiện.

Chọn một trong các tùy chọn Trình duyệt sau đây để lưu ưa thích:

Playlists (Danh sách phát):

Chạm vào ☆ bên cạnh bất cứ danh sách phát nào để lưu danh sách phát đó vào mục ưa thích. Chạm vào mục ưa thích đã lưu để mở lại danh sách phát ưa thích. Bài hát đầu tiên trong danh sách phát sẽ bắt đầu phát.

Artists (Nghệ sỹ): Chạm vào ☆ bên cạnh bất cứ nghệ sỹ nào để lưu nghệ sỹ đó vào mục ưa thích. Chạm mục ưa thích đã lưu để mở lại một nghệ sỹ ưa thích. Bài hát đầu tiên trong danh sách của nghệ sỹ đó sẽ bắt đầu phát.

Songs (Bài hát): Chạm vào ☆ bên cạnh bất cứ bài hát nào để lưu bài hát đó vào mục ưa thích. Chạm vào mục ưa thích đã lưu để mở lại bài hát ưa thích.

Albums: Chạm vào ☆ bên cạnh bất cứ album nào để lưu album đó vào mục ưa thích. Chạm vào mục ưa thích đã lưu để mở lại album ưa thích. Bài hát đầu tiên trong danh sách album sẽ bắt đầu phát.

Genres (Thể loại): Chạm vào ☆ bên cạnh bất cứ thể loại nào để lưu thể loại đó vào mục ưa thích. Chạm vào mục ưa thích đã lưu

để mở lại thể loại ưa thích. Bài hát đầu tiên của thể loại đó bắt đầu phát.

Podcast: Chạm ☆ bên cạnh bất cứ podcast nào để lưu podcast đó vào mục ưa thích. Chạm vào mục ưa thích đã lưu để mở lại một podcast ưa thích. Podcast bắt đầu phát.

Audiobooks (Sách âm thanh): Chạm vào ☆ bên cạnh bất cứ cuốn sách audio nào để lưu sách audio đó vào mục ưa thích. Chạm vào mục ưa thích đã lưu để mở lại sách âm thanh ưa thích. Chương đầu tiên trong sách âm thanh bắt đầu phát.

■ Phát lại và tắt tiếng đa phương tiện

Ngưng phát lại USB nếu hệ thống bị tắt tiếng. Nếu ấn lại điều khiển tắt tiếng trên vô lăng, khôi phục phát lại. Nếu thay đổi nguồn trong khi

tắt tiếng, khi khôi phục phát lại, âm thanh sẽ không có tiếng.

Âm thanh qua Bluetooth

Có thể phát nhạc từ thiết bị Bluetooth ghép đôi. Xem *Bluetooth (Tổng quan)* → T.114 *Bluetooth (Ghép đôi và sử dụng điện thoại)* → T.115 để biết cách ghép đôi thiết bị.

Sử dụng bảng điều khiển hệ thống thông tin giải trí hoặc thiết bị di động để điều khiển âm lượng và chọn bài hát. Nếu chọn Bluetooth và không có âm thanh, kiểm tra cài đặt âm lượng trên thiết bị di động và hệ thống thông tin giải trí.

Có thể phát nhạc bằng cách chạm vào Bluetooth từ danh sách các nguồn gần đây phía bên trái màn hình hoặc chạm vào More sau đó chạm vào thiết

bị Bluetooth.

Để phát nhạc qua Bluetooth:

1. Bật nguồn thiết bị, và ghép đôi thiết bị.
2. Khi đã ghép đôi, chạm vào Audio trên trang chủ, sau đó chạm vào Bluetooth trên danh sách các nguồn gần đây bên trái màn hình hiển thị.

Menu âm thanh Bluetooth

Xem “Menu âm thanh hệ thống thông tin giải trí” bên dưới *Radio AM-FM* → T.107.

Quản lý thiết bị Bluetooth

Từ trang chủ:

1. Chạm vào Audio.
2. Chạm vào More.
3. Chạm vào Bluetooth.
4. Chạm vào Devices để thêm hoặc xóa thiết bị.

Khi chạm vào Bluetooth, hệ thống có thể không khởi động được âm thanh trên thiết bị đã kết nối để bắt đầu phát. Khi xe

không di chuyển, sử dụng thiết bị di động để bắt đầu phát lại.

Các thiết bị phát âm thanh không giống nhau. Khi chọn Bluetooth làm nguồn, màn hình hiển thị tạm dừng hệ thống. Bấm vào phát trên thiết bị hoặc chạm vào > trên màn hình để bắt đầu phát lại.

Chức năng Trình duyệt hoạt động khi có thiết bị Bluetooth hỗ trợ. Nội dung đa phương tiện này không phải là một phần của chế độ nguồn MyMedia.

Một số điện thoại thông minh hỗ trợ gửi thông tin nhạc Bluetooth để hiển thị trên hệ thống. Khi hệ thống nhận thông tin này, hệ thống sẽ kiểm tra và hiển thị nếu có.

Điện thoại

Bluetooth (Tổng quan)

Hệ thống hỗ trợ Bluetooth có thể tương tác với nhiều thiết bị điện thoại, cho phép:

- Thực hiện và nhận cuộc gọi ở chế độ rảnh tay.
- Chia sẻ sách địa chỉ thiết bị hoặc danh bạ với xe.

Để giúp lái xe nâng cao tập trung, trước khi lái xe, và khi xe đỗ:

- Làm quen với các tính năng của thiết bị di động. Sắp xếp sổ tay điện thoại và danh bạ rõ ràng, xóa các mục trùng lặp hoặc ít sử dụng. Nếu có thể, lập trình tốc độ quay số và các phím tắt khác.
- Kiểm tra lại bảng điều khiển và vận hành của hệ thống thông tin giải trí.
- Ghép đôi thiết bị di động với

xe. Hệ thống có thể không hoạt động với tất cả các thiết bị di động. Xem phần “Ghép đôi” bên dưới.

Xe được trang bị hệ thống Bluetooth có thể sử dụng thiết bị di động hỗ trợ Bluetooth rảnh tay để thực hiện hoặc nhận cuộc gọi. Hệ thống sử dụng hệ thống thông tin giải trí và nhận dạng giọng nói để điều khiển. Có thể sử dụng hệ thống này khi khóa khởi động mở hoặc ở ACC/ACCESSORY. Phạm vi hoạt động của hệ thống Bluetooth có thể lên tới 9,1 m.

Không phải tất cả các thiết bị điện thoại đều hỗ trợ tất cả chức năng và không phải tất cả các thiết bị điện thoại đều hoạt động với hệ thống Bluetooth.

■ Bảng điều khiển

Sử dụng bảng điều khiển trên cụm trung tâm và vô lăng để

vận hành hệ thống Bluetooth.

Bảng điều khiển vô lăng

☎ Bấm để nhận cuộc gọi đến và bắt đầu nhận dạng giọng nói trên thiết bị điện thoại Bluetooth đã kết nối.

⏏ Bấm để kết thúc cuộc gọi, từ chối một cuộc gọi, hoặc hủy thao tác. Bấm để tắt tiếng hoặc bật tiếng hệ thống thông tin giải trí khi không trong cuộc gọi.

Điều khiển hệ thống thông tin giải trí

Để biết thêm thông tin về cách điều hướng hệ thống menu sử dụng điều khiển thông tin giải trí, xem *Tổng quan* → T.102.

PHONE (ĐIỆN THOẠI): Chạm vào biểu tượng điện thoại trên trang chủ để vào menu điện thoại chính.

■ Hệ thống âm thanh

Khi sử dụng hệ thống thiết bị

di động Bluetooth, âm thanh đi qua loa hệ thống âm thanh phía trước và phát đề hệ thống âm thanh. Có thể điều chỉnh âm lượng khi đang trên thiết bị di động bằng cách bấm điều khiển vô lăng hoặc điều khiển âm lượng trên bảng điều khiển trung tâm. Âm lượng đã điều chỉnh sẽ lưu lại trong bộ nhớ cho các cuộc gọi sau. Không thể giảm âm lượng xuống dưới mức quy định.

Bluetooth (Ghép đôi và sử dụng điện thoại)

■ Ghép đôi

Phải ghép đôi thiết bị di động đã bật Bluetooth với hệ thống Bluetooth và sau đó kết nối với xe trước khi sử dụng. Xem hướng dẫn sử dụng thiết bị điện thoại của nhà sản xuất để biết

thông tin chức năng Bluetooth trước khi ghép đôi điện thoại.

Thông tin ghép đôi

- Nếu không có thiết bị điện thoại nào được kết nối, trang chủ Điện thoại trên màn hình thông tin giải trí sẽ hiển thị tùy chọn Kết nối Điện thoại. Chạm vào tùy chọn này để kết nối. Cũng có thể kết nối bằng cách chạm vào tab Phones (điện thoại) trên cùng bên phải màn hình và sau đó chạm vào Add Phone (thêm điện thoại).
- Có thể ghép đôi điện thoại Bluetooth có chức năng nghe nhạc với xe giống như điện thoại thông minh và máy phát nhạc cùng lúc.
- Có thể ghép đôi lên tới 10 thiết bị với hệ thống Bluetooth.

- Quá trình ghép đôi tắt khi xe chuyển động.
- Chỉ cần thực hiện ghép đôi một lần, trừ khi thông tin ghép đôi trên điện thoại thay đổi hoặc xóa điện thoại ra khỏi hệ thống.
- Nếu có nhiều điện thoại ghép đôi trong hệ thống, hệ thống sẽ kết nối với điện thoại được cài đặt First to Connect (kết nối trước). Nếu không có điện thoại nào được cài đặt Kết nối trước, hệ thống sẽ liên kết với điện thoại đã kết nối gần nhất. Để kết nối với điện thoại ghép đôi khác, xem “Kết nối với điện thoại khác” ở phần sau.

Chép đôi với điện thoại

1. Đảm bảo đã bật Bluetooth trên điện thoại trước khi bắt đầu ghép đôi.

2. Chạm vào biểu tượng Phone (Điện thoại) trên trang chủ hoặc biểu tượng điện thoại trên khay phím tắt ở cuối màn hình.
3. Chạm vào Phones (điện thoại) trên cùng màn hình hiển thị thông tin giải trí. Giữa màn hình hiển thị Điện thoại sẽ có tùy chọn Kết nối điện thoại tạo phím tắt vào menu Phone List (Danh sách điện thoại).
4. Chạm vào Add Phone (Thêm điện thoại).
5. Chọn tên xe xuất hiện trên danh sách cài đặt Bluetooth trên điện thoại.
6. Thực hiện theo hướng dẫn trên điện thoại để xác nhận mã 6 chữ số xuất hiện trên màn hình hiển thị thông tin giải trí và chạm vào Pair (ghép đôi). Cần xác nhận mã trên điện thoại và màn

hình thông tin giải trí để ghép đôi thành công.

7. Bắt đầu quá trình ghép đôi trên điện thoại với xe. Xem hướng dẫn sử dụng điện thoại để biết thêm thông tin về quá trình này. Khi điện thoại đã ghép đôi, điện thoại hiển thị dạng Connected (Đã kết nối).
8. Nếu xe không hiển thị trên điện thoại, bắt đầu lại quá trình ghép đôi.
 - Tắt điện thoại và mở lại.
 - Quay lại phần đầu của menu Phone (Điện thoại) trên màn hình thông tin giải trí và khởi động lại quá trình ghép đôi.
 - Khởi động lại điện thoại, nhưng chỉ thực hiện khi không còn cách nào khác.
9. Nếu điện thoại yêu cầu chấp nhận kết nối hoặc cho phép tải xuống sổ tay điện thoại,

chạm vào Always Accept and Allow (Luôn chấp nhận và cho phép). Sổ tay điện thoại có thể không khả dụng nếu không được chấp nhận.

10. Lặp lại các bước 1–8 để ghép đôi thêm điện thoại.

Điện thoại kết nối trước

Nếu có nhiều điện thoại ghép đôi trong hệ thống, hệ thống sẽ ghép đôi với điện thoại được cài đặt First to Connect (Kết nối trước). Để cài đặt điện thoại ghép đôi làm điện thoại Kết nối trước:

1. Đảm bảo điện thoại bật.
2. Chạm vào Settings (Cài đặt), sau đó chạm vào System (Hệ thống).
3. Chạm vào Phones (Điện thoại) để truy cập tất cả các thiết bị điện thoại đã ghép đôi và kết nối.
4. Chạm vào biểu tượng thông

tin bên phải điện thoại để mở menu cài đặt điện thoại.

5. Chạm vào tùy chọn kết nối trước để kích hoạt cài đặt cho thiết bị đó.

Có thể thêm, xóa, kết nối và ngắt kết nối điện thoại di động và thiết bị di động. Màn hình sẽ hiển thị menu phụ bất cứ khi nào yêu cầu thêm hoặc quản lý điện thoại di động và thiết bị di động.

Điện thoại thứ hai

- Có thể cài đặt điện thoại ghép đôi thứ hai bằng cách chạm vào biểu tượng thông tin bên phải tên điện thoại đã ghép đôi để mở menu cài đặt điện thoại. Nếu trở thành Điện thoại thứ hai, điện thoại có thể kết nối đồng thời với thiết bị điện thoại Bluetooth khác. Điện thoại thứ hai sẽ được dán nhãn Incoming Calls (Cuộc

gọi đến). Điều này có nghĩa thiết bị di động chỉ có thể nhận cuộc gọi. Sách địa chỉ của Điện thoại thứ hai sẽ không khả dụng và không thể thực hiện gọi rảnh tay khi sử dụng điện thoại này.

- Nếu cần thiết, chạm vào Điện thoại thứ hai khi đang trong danh sách Phones (Điện thoại) để hoán đổi vai trò Outgoing (Cuộc gọi đi) và Incoming (Cuộc gọi đến). Làm vậy giúp thực hiện cuộc gọi đi từ Danh bạ và Các cuộc gọi gần đây.

Liệt kê tất cả các điện thoại đã ghép đôi và kết nối

1. Chạm vào biểu tượng Phone (Điện thoại) trên trang chủ hoặc biểu tượng điện thoại trên thanh phím tắt dưới cùng màn hình.
2. Chọn Phones (Điện thoại).

Ngắt kết nối điện thoại.

1. Chạm vào biểu tượng điện thoại trên trang chủ.
2. Chọn Phones (Điện thoại).
3. Chạm vào biểu tượng thông tin bên cạnh điện thoại đã kết nối hoặc thiết bị di động để hiển thị thông tin của điện thoại hoặc thiết bị di động đó.
4. Chạm vào Disconnect (Ngắt kết nối).

Xóa điện thoại đã ghép đôi

1. Chạm vào biểu tượng Phone (Điện thoại) trên trang chủ hoặc biểu tượng điện thoại trên thanh phím tắt dưới cùng màn hình.
2. Chọn Phones (Điện thoại).
3. Chạm vào biểu tượng thông tin bên cạnh điện thoại đã kết nối hoặc thiết bị di động để hiển thị thông tin của điện thoại hoặc thiết bị điện

thoại đó.

4. Chạm vào Forget Device (Quên thiết bị).

Kết nối với điện thoại khác

Để kết nối với điện thoại khác, điện thoại mới này phải ở trong xe và kết nối Bluetooth.

1. Chạm vào biểu tượng Phone (Điện thoại) trên trang chủ hoặc biểu tượng điện thoại trên thanh phím tắt dưới cùng màn hình.
2. Chọn Phones (Điện thoại).
3. Chạm vào điện thoại mới cần kết nối từ danh sách các điện thoại chưa kết nối. Xem *Cài đặt* → *T.122* để biết thêm thông tin về cài đặt thiết bị Kết nối trước hoặc Điện thoại kết nối thứ hai.

Chuyển sang chế độ cầm tay hoặc rảnh tay

Để chuyển sang chế độ cầm tay hoặc rảnh tay:

- Khi cuộc gọi hiện tại đang ở chế độ rảnh tay, chạm vào tùy chọn Handset (Cầm tay) để đổi thành chế độ cầm tay. Biểu tượng tắt tiếng sẽ không khả dụng hoặc không hoạt động khi kích hoạt chế độ Cầm tay.
- Khi cuộc gọi hiện tại đang ở chế độ cầm tay, chạm vào tùy chọn Handset (Cầm tay) để đổi thành chế độ rảnh tay.

Thực hiện cuộc gọi bằng danh bạ và các cuộc gọi gần đây

Có thể thực hiện cuộc gọi dùng thông tin liên lạc điện thoại thông qua hệ thống Bluetooth cho tất cả các điện thoại hỗ trợ tính năng danh bạ. Hiểu rõ các cài đặt và vận hành của điện thoại di động. Xác nhận điện thoại di động hỗ trợ tính năng này.

Menu Contact (danh bạ) truy cập

vào danh bạ lưu trong điện thoại di động.

Menu Recents (cuộc gọi gần đây) truy cập danh sách cuộc gọi gần đây trên điện thoại di động.

Để thực hiện cuộc gọi bằng menu Danh bạ:


1. Chạm vào biểu tượng Điện thoại trên Trang chủ.
2. Chạm vào Danh bạ.
3. Dùng ký tự đầu tiên để tìm kiếm danh sách danh bạ. Chạm A-Z trên màn hình hệ thống thông tin giải trí để cuộn qua danh mục tên. Chạm vào tên cần gọi.
4. Chọn số liên lạc cần gọi.

Để thực hiện cuộc gọi bằng menu Cuộc gọi gần đây:

1. Chạm vào biểu tượng Điện thoại trên Trang chủ.
2. Chạm vào Cuộc gọi gần đây.
3. Chọn tên hoặc số liên lạc cần gọi.

Thực hiện cuộc gọi bằng bàn phím

Gọi bằng cách quay số:

1. Chạm vào biểu tượng Điện thoại trên Trang chủ.
2. Chạm vào Bàn phím và nhập số điện thoại.
3. Chạm  trên màn hình hệ thống thông tin giải trí để bắt đầu quay số.

Tìm kiếm danh bạ bằng bàn phím

Dùng bàn phím để tìm kiếm danh bạ:


1. Chạm vào biểu tượng Điện thoại trên Trang chủ.
2. Chạm vào các số trên Bàn phím và nhập số điện thoại hoặc tên liên lạc để tìm kiếm. Kết quả tìm kiếm hiển thị phía bên phải màn hình. Chạm một lần để gọi.

Nhận hoặc từ chối cuộc gọi

Khi nhận cuộc gọi đến, hệ thống thông tin giải trí tắt tiếng và phát nhạc chuông.


Nhận cuộc gọi

Có hai cách nhận cuộc gọi:

- Ấn  trên điều khiển vô lăng.
- Chạm biểu tượng Trả lời trên màn hình hệ thống thông tin giải trí.
- Chọn biểu tượng Trả lời trên bảng điều khiển.

Từ chối cuộc gọi

Có hai cách từ chối cuộc gọi:


- Ấn  trên điều khiển vô lăng.
- Chạm biểu tượng Từ chối trên màn hình hệ thống thông tin giải trí.
- Chọn biểu tượng Từ chối trên bảng điều khiển.

Cuộc gọi chờ


Tính năng này được hỗ trợ trên

điện thoại Bluetooth và nhà cung cấp dịch vụ di động.

Nhận cuộc gọi

- Ấn  trên điều khiển vô lăng.
- Chạm biểu tượng Chuyển trên màn hình hệ thống thông tin giải trí.
- Chọn biểu tượng Chuyển trên bảng điều khiển.

Từ chối cuộc gọi

- Ấn  trên điều khiển vô lăng.
- Chạm biểu tượng Từ chối trên màn hình hệ thống thông tin giải trí.
- Chọn biểu tượng Từ chối trên bảng điều khiển.

Chuyển cuộc gọi (Chỉ đối với cuộc gọi chờ)

Để chuyển cuộc gọi, chạm biểu tượng Điện thoại trên Trang chủ để xem cuộc gọi. Khi xem cuộc gọi, chạm thông tin cuộc gọi



đang giữ để chuyển cuộc gọi.

■ Cuộc gọi ba chiều

Tính năng này được hỗ trợ trên điện thoại Bluetooth và nhà cung cấp dịch vụ di động. Để bắt đầu cuộc gọi ba chiều khi đang thực hiện cuộc gọi:

1. Trong màn hình Xem cuộc gọi, chạm Thêm cuộc gọi để thêm cuộc gọi khác.
2. Chọn Cuộc gọi gần đây, Danh bạ, hoặc Bàn phím để bắt đầu cuộc gọi thứ hai.
3. Khi kích hoạt cuộc gọi thứ hai, chạm biểu tượng sáp nhập để thực hiện cuộc gọi ba chiều.

■ Kết thúc cuộc gọi

- Ấn  trên điều khiển vô lăng.
- Chạm  trên màn hình hệ thống thông tin giải trí, cạnh cuộc gọi để chỉ kết thúc cuộc gọi đó.

- Chọn biểu tượng Kết thúc trên bảng điều khiển.

■ Âm đa tần (DTMF)

Hệ thống Bluetooth trên xe có thể gửi số khi đang gọi. Sử dụng chức năng này khi gọi hệ thống điện thoại điều khiển menu. Sử dụng Bàn phím để nhập số.

Ứng dụng Apple CarPlay và Android Auto

Có thể sử dụng ứng dụng Android Auto và/hoặc Apple CarPlay thông qua điện thoại thông minh tương thích nếu xe được trang bị ứng dụng này. Biểu tượng Android Auto và Apple CarPlay xuất hiện trên Trang chủ của màn hình hệ thống thông tin giải trí.

Để sử dụng Android Auto và/hoặc Apple CarPlay:


1. Tải ứng dụng Android Auto

trên Google Play Store về điện thoại thông minh. Không cần có ứng dụng khi tải Apple CarPlay.

2. Dùng cáp USB tương thích để kết nối điện thoại Android hoặc Apple iPhone và cắm vào cổng USB. Sử dụng cáp USB đi kèm để đạt hiệu quả tốt nhất. Cáp không chính hãng hoặc cáp mua ngoài có thể không hoạt động.
3. Khi lần đầu kết nối điện thoại với ứng dụng Apple CarPlay hoặc Android Auto, màn hình hiển thị tin nhắn “Chấp nhận chính sách bảo mật thiết bị”.
 - Chạm vào Continue (Tiếp tục) để khởi chạy ứng dụng Apple CarPlay hoặc Android Auto.
 - Chạm vào Disable (Tắt) để xóa ứng dụng Apple CarPlay và Android Auto

khỏi menu Thiết lập của xe. Các chức năng khác có thể vẫn hoạt động.

Biểu tượng Android Auto và Apple CarPlay trên Trang chủ phát sáng tùy theo điện thoại. Android Auto và/hoặc Apple CarPlay có thể tự động khởi chạy khi kết nối USB. Nếu không, hãy chạm vào biểu tượng Android Auto hoặc Apple Carplay trên Trang chủ để khởi chạy.



Nhấn vào  trên bộ điều khiển trung tâm để trở về Trang chủ.

Hỏi cửa hàng đại lý để biết thêm thông tin chi tiết về cách thiết lập Android Auto và Apple CarPlay trong xe.

Android Auto do Google cung cấp và tuân theo chính sách về quyền riêng tư và các điều khoản của Google. Apple CarPlay do Apple cung cấp và tuân theo

chính sách về quyền riêng tư và các điều khoản của Apple.

Chi phí gói dữ liệu có thể được áp dụng. Xem phần hỗ trợ Android Auto tại <https://support.google.com/androidauto>. Xem phần hỗ trợ Apple CarPlay tại www.apple.com/ios/carplay/. Apple hoặc Google có thể thay đổi hoặc ngừng cung cấp dịch vụ bất kỳ lúc nào. Android Auto, Android, Google, Google Play, và các biểu tượng khác là thương hiệu của Google Inc.; Apple CarPlay là thương hiệu của Apple Inc.

Nhấn vào  trên bộ điều khiển trung tâm để thoát ứng dụng Android Auto hoặc Apple CarPlay. Nhấn và giữ  trên bộ điều khiển trung tâm để trở lại ứng dụng Android Auto hoặc Apple CarPlay. Có thể tắt ứng dụng Apple CarPlay và Android Auto từ hệ thống

thông tin giải trí. Để thực hiện, chạm vào biểu tượng Home, thiết lập, và chạm vào nút Apps dọc phía trên màn hình. Sử dụng nút Bật/Tắt để tắt Apple CarPlay hoặc Android Auto.

Cài đặt

Cài đặt

Menu Cài đặt có thể được chia thành 3 mục.

Chạm vào System (Hệ thống), Apps (Ứng dụng) hoặc Vehicle (Xe) để chọn mục mong muốn. Để vào các menu:

1. Chạm biểu tượng Thiết lập trên màn hình Trang chủ của hệ thống thông tin giải trí.
2. Chạm vào mục mong muốn để hiển thị danh sách các tùy chọn có sẵn.
3. Chạm để chọn cài đặt tính năng mong muốn.
4. Chạm **O** hoặc **I** để tắt hoặc bật một tính năng.
5. Chạm **X** để chuyển đến mục trên cùng của menu Thiết lập.

■ Hệ thống

Menu có thể gồm:

Ngày / Giờ

Sử dụng các tính năng sau để cài đặt đồng hồ:

- Ngày giờ tự động: Chạm vào Bật để tự động cài đặt ngày và giờ. Khi tắt tính năng này, có thể cài đặt ngày và giờ thủ công.
- Đặt giờ: Chạm để đặt giờ thủ công bằng các nút điều khiển trên màn hình hệ thống thông tin giải trí.
- Đặt ngày: Chạm để đặt ngày thủ công bằng các nút điều khiển trên màn hình hệ thống thông tin giải trí.
- Sử dụng định dạng 24 giờ: Chạm để chọn chế độ hiển thị đồng hồ. Chạm Tắt hoặc Bật.

Ngôn ngữ

Tính năng này sẽ cài đặt ngôn

ngữ hiển thị trên màn hình hệ thống thông tin giải trí.

Chạm vào Ngôn ngữ để chọn ngôn ngữ phù hợp.

Điện thoại

Chạm để kết nối với điện thoại hoặc thiết bị di động khác, ngắt kết nối điện thoại hoặc thiết bị đa phương tiện, hoặc xóa điện thoại hoặc thiết bị đa phương tiện.

Hiển thị

Chạm và màn hình có thể hiển thị:

- Chạm và Tắt màn hình. Chạm để tắt màn hình. Chạm vào bất kỳ đâu trên khu vực màn hình hệ thống thông tin giải trí hoặc bất kỳ nút điều khiển nào trên bộ điều khiển trung tâm để bật màn hình.

Âm thanh

Chạm và màn hình có thể hiển thị:

- Âm lượng tối đa lúc bật lên: Tính năng này điều

chỉnh âm lượng tối đa của hệ thống thông tin giải trí khi khởi động xe. Để đặt âm lượng tối đa lúc bật lên, chạm vào các nút điều khiển trên màn hình hệ thống thông tin giải trí để tăng hoặc giảm âm lượng.

- Phản hồi cảm ứng bằng tiếng: Thiết lập này cài đặt phát âm thanh khi chạm vào màn hình hệ thống thông tin giải trí hoặc các nút điều khiển radio. Có thể bật hoặc tắt tính năng này.

Ưu thích

Chạm và màn hình có thể hiển thị:

- Quản lý mục ưa thích: Chạm vào để hiển thị danh sách âm thanh, các thiết bị di động. Có thể di chuyển, đổi tên hoặc xóa các mục ưa thích. Để di chuyển, chạm và giữ

vào mục ưa thích sau đó kéo lên hoặc xuống để xếp lại vị trí.

- Đặt số mục âm thanh ưa thích: Chạm để chọn số lượng trang ưa thích có thể xem từ ứng dụng âm thanh. Tính năng Đặt tự động sẽ tự động điều chỉnh số lượng này dựa trên số trang ưa thích đã lưu. Chạm vào Tự động, 5, 10, 15, 20, 25, 30, 35, hoặc 40.

Thông tin giới thiệu

Chạm để xem thông tin phần mềm hệ thống thông tin giải trí.

Trở về Thiết lập gốc

Chạm và màn hình có thể hiển thị:

- Đặt lại thiết lập xe: Đặt lại toàn bộ các thiết lập xe cho người dùng hiện tại. Chạm Đặt lại hoặc Hủy.
- Xóa Thiết lập và dữ liệu cá nhân: Xóa cài đặt dữ liệu

ứng dụng, thông tin người dùng và dữ liệu cá nhân bao gồm dữ liệu của thiết bị di động. Chạm Xóa hoặc Hủy.

■ Ứng dụng

Menu có thể gồm:

Android Auto

Tính năng này cho phép tương tác trực tiếp với thiết bị di động trên màn hình hệ thống thông tin giải trí. Xem *Ứng dụng Apple CarPlay và Android Auto* → T.120.

Chạm Tắt hoặc Bật.

Apple CarPlay

Tính năng này cho phép tương tác trực tiếp với thiết bị di động trên màn hình hệ thống thông tin giải trí. Xem *Ứng dụng Apple CarPlay và Android Auto* → T.120.

Chạm Tắt hoặc Bật.

Âm thanh

Tùy thuộc vào nguồn âm thanh hiện tại sẽ có các tùy chọn khác nhau.

Chạm và màn hình có thể hiển thị:

- Thiết lập âm thanh: Chạm để điều chỉnh bộ chỉnh âm, Mờ âm/Cân bằng, hoặc Chế độ âm thanh. Xem “Menu âm thanh hệ thống thông tin giải trí” trong phần *Radio AM-FM* → T.107.
- Âm lượng tự động: Tính năng này điều chỉnh âm lượng dựa trên tốc độ của xe. Chạm vào Tắt, Thấp, Trung bình-thấp, Trung bình, Trung bình-cao, hoặc Cao.
- Quản lý mục ưa thích: Chạm vào để hiển thị danh sách âm thanh, các thiết bị di động. Có thể di chuyển, đổi tên hoặc xóa các mục ưa thích. Để di chuyển, chạm và giữ vào mục ưa thích sau đó

kéo lên hoặc xuống để xếp lại vị trí.

Đặt số mục âm thanh ưa thích: Chạm để chọn số lượng trang ưa thích có thể xem từ ứng dụng âm thanh. Tính năng Đặt tự động sẽ tự động điều chỉnh số lượng này dựa trên số trang ưa thích đã lưu. Chạm vào Tự động, 5, 10, 15, 20, 25, 30, 35, hoặc 40.

- RDS: Tính năng này cho phép bật hoặc tắt Hệ thống dữ liệu radio (RDS). Chạm vào các nút điều khiển trên màn hình hệ thống thông tin giải trí để kích hoạt hoặc vô hiệu hóa.
- Quản lý thiết bị: Chọn để kết nối với nguồn điện thoại khác, ngắt kết nối hoặc xóa điện thoại.
- Đặt lại danh mục nhạc: Tính năng này cho phép đặt lại

danh mục nhạc nếu thấy khó mở các nội dung đa phương tiện trên thiết bị. Chạm Có hoặc Không.

Điện thoại

Chạm và màn hình có thể hiển thị:

- Số của tôi: Hiển thị số điện thoại của thiết bị kết nối qua Bluetooth.
- Xem cuộc gọi đang gọi: Hiển thị cuộc gọi đang gọi khi nhận cuộc gọi.
- Chạm vào các nút điều khiển trên màn hình hệ thống thông tin giải trí để kích hoạt hoặc vô hiệu hóa.
- Sắp xếp danh bạ: Chạm để sắp xếp theo tên hoặc họ.
- Đồng bộ lại danh bạ điện thoại: Tính năng này cho phép đồng bộ lại danh bạ thiết bị nếu thấy khó truy cập danh bạ trên điện thoại di động.

Xe

Mục này cho phép điều chỉnh các tính năng khác nhau của xe. Xem phần “Cài đặt riêng của xe” trong sách hướng dẫn sử dụng.

Hệ thống điều hòa không khí

Điều khiển hệ thống điều hòa không khí 127

Hệ thống điều hòa không khí.
..... 127

Hệ thống điều khiển điều hòa không khí tự động 129

Cửa gió 132

Cửa gió có chớp chỉnh hướng.
.....132

Cửa gió cố định133

Bảo dưỡng..... 133

Cửa lấy gió133
Bộ lọc gió khoang hành khách
.....133

Hoạt động điều hòa không khí thông thường133

Dịch vụ 134

Điều khiển hệ thống điều hòa không khí

Hệ thống điều hòa không khí



Hệ thống điều hòa không khí điều khiển:

- Nhiệt độ
- Phân phối gió
- Tốc độ quạt
- Làm tan hơi nước đọng và làm tan băng
- Tuần hoàn không khí
- Điều hòa không khí

■ Nhiệt độ


Xoay núm để điều chỉnh nhiệt độ.


Đỏ : Sưởi


Xanh : Làm mát


Chế độ sưởi sẽ không đạt hiệu quả tối đa cho đến khi động cơ đạt tới nhiệt độ vận hành thông thường.


Phân phối gió

 Tới vùng đầu qua cửa gió có chớp chỉnh hướng

 Tới vùng đầu và sàn để chân

 Tới sàn để chân, với một lượng gió nhỏ hướng lên kính chắn gió, cửa sổ cửa trước và cửa gió bên cạnh.

 Tới kính chắn gió và sàn để chân, với một lượng gió nhỏ hướng lên cửa sổ cửa trước và cửa gió bên cạnh.

 Tới kính chắn gió và cửa sổ cửa trước, với một lượng gió nhỏ hướng sang các cửa gió bên cạnh.

■ Tốc độ quạt

Xoay núm điều chỉnh quạt đến tốc độ mong muốn để điều chỉnh lưu lượng gió.



■ Chế độ làm mát

Nhấn **A/C** để bật chế độ làm mát. Đèn LED báo kích hoạt. Chế độ làm mát chỉ hoạt động khi động cơ chạy và quạt điều hòa không khí bật. Ấn lại **A/C** để tắt chế độ làm mát. Hệ thống điều hòa không khí sẽ làm mát và khử ẩm không khí (sấy khô) ngay khi nhiệt độ bên ngoài cao hơn một chút so với điểm đóng băng. Vì vậy có thể có nước nhỏ giọt do ngưng tụ từ khu vực gầm xe. Nếu không cần làm mát hoặc sấy khô, tắt chế độ làm mát để tiết kiệm nhiên liệu.

CẢNH BÁO


Chỉ để người có chuyên môn bảo trì hệ thống điều hòa không khí. Bảo trì không đúng cách có thể gây thương tích cá nhân.

Hệ thống tuần hoàn không khí

Kích hoạt chế độ tuần hoàn gió trong bằng  Xoay núm tuần hoàn không khí sang .



CẢNH BÁO

Định kỳ chuyển sang chế độ gió ngoài để lấy không khí trong lành. Quá trình trao đổi không khí trong lành giảm đi khi sử dụng chế độ tuần hoàn gió trong. Khi hoạt động mà không làm lạnh, độ ẩm không khí tăng có thể gây mờ kính xe. Chất lượng không khí trong khoang hành khách giảm đi và có thể khiến người ngồi trên xe cảm thấy uể oải.

Trong điều kiện không khí ẩm và rất ẩm bao quanh, kính chắn gió có thể tích tụ sương ở bên ngoài khi có khí lạnh hướng vào. Nếu kính chắn gió tích tụ sương ở bên ngoài, bật cần gạt nước kính chắn gió và tắt .



Chế độ làm mát tối đa

Mở cửa sổ trong chốc lát để khí nóng có thể thoát ra nhanh.


- Bật chế độ làm mát
- Bật hệ thống tuần hoàn không khí 
- Ấn công tắc phân phối gió 
- Đặt điều khiển nhiệt độ ở mức lạnh nhất
- Đặt tốc độ quạt ở mức cao nhất
- Mở tất cả cửa gió

Làm tan sương và tan băng trên cửa sổ

- Xoay núm phân phối gió đến DEFROST  (khử băng)

- Đặt điều khiển nhiệt độ ở mức ấm nhất
- Điều chỉnh núm điều khiển quạt lên tốc độ cao nhất để làm tan băng nhanh
- Bật kính chắn gió phía sau có sấy R 
- Mở cửa gió bên cạnh khi cần và hướng các cửa gió vào cửa sổ cửa xe.
- Vào mùa đông, xoay núm tuần hoàn không khí tới 

Lưu ý

Nếu đặt núm ở chế độ tan băng  điều hòa không khí có thể tự động hoạt động và cố định làm tan sương hoặc tan băng nhanh nhất có thể dù ở bất kỳ trạng thái chỉ báo nào.

Hệ thống điều khiển điều hòa không khí tự động

Điều khiển:

- Nhiệt độ
- Phân phối gió
- Tốc độ quạt
- Chế độ tự động
- Tuần hoàn không khí
- Làm tan sương và tan băng
- Điều hòa không khí

Nhiệt độ


Xoay núm để điều chỉnh nhiệt độ

Màu đỏ: Sưởi


Màu xanh: Làm mát


Chế độ sưởi sẽ không đạt hiệu quả tối đa khi động cơ chưa đạt nhiệt độ hoạt động thông thường.


Phân phối gió

 Tới vùng đầu, qua cửa gió có chớp chỉnh hướng

 Tới vùng đầu và sàn để chân


 Tới sàn để chân, với một lượng nhỏ gió hướng lên kính chắn gió, cửa sổ trước và các cửa gió bên cạnh.

 Tới kính chắn gió và sàn để chân, với một lượng nhỏ gió hướng lên cửa sổ trước và các cửa gió bên cạnh.

 Tới kính chắn gió và cửa sổ trước, với một lượng nhỏ gió hướng sang các cửa gió bên cạnh.



Tốc độ quạt

Xoay núm điều chỉnh quạt đến tốc độ mong muốn để điều chỉnh lưu lượng gió.

Ấn  hoặc điều chỉnh núm quạt

để tắt hoặc bật quạt.

Chế độ tự động

Hệ thống tự động điều chỉnh tốc độ quạt, lượng gió thổi, nhiệt độ không khí và tuần hoàn không khí để sưởi ấm hoặc làm mát xe theo nhiệt độ mong muốn. Khi đèn báo chế độ AUTO sáng, hệ thống ở chế độ vận hành tự động. Nếu người dùng điều chỉnh chế độ phân phối gió, tốc độ quạt, hệ thống tuần hoàn không khí, đèn báo TỰ ĐỘNG tắt. Xe tự động chọn hệ thống tuần hoàn không khí khi thời tiết ấm áp để tiết kiệm nhiên liệu và làm mát xe nhanh hơn. Đèn hệ thống tuần hoàn không khí không sáng. Ấn  để chọn hệ thống tuần hoàn không khí; ấn lại để chọn lấy gió ngoài. Để tắt hệ thống, ấn nguồn .


Cài đặt cơ bản để cảm thấy thoải mái nhất:


- Ấn **AUTO**
- Mở toàn bộ cửa gió để có thể phân phối gió nhiều nhất trong chế độ tự động.
- Ấn A/C để bật chế độ làm mát và tan sương. Đèn LED báo kích hoạt.
- Cài đặt nhiệt độ mong muốn

■ Chọn trước nhiệt độ

Có thể cài đặt nhiệt độ về giá trị mong muốn. Nếu cài đặt ở nhiệt độ nhỏ nhất Lo, hệ thống điều hòa không khí sẽ làm mát tối đa công suất, nếu bật chế độ làm mát. Nếu cài đặt ở nhiệt độ cao nhất Hi, hệ thống điều hòa không khí sẽ sưởi ấm tối đa. Nhiệt độ lý tưởng là 22 °C.

■ Hệ thống tuần hoàn không khí

Kích hoạt chế độ tuần hoàn gió trong bằng . Đèn báo sáng


cho biết đang bật chế độ tuần hoàn gió trong. Ấn lại  để tắt chế độ tuần hoàn gió trong.

⚠ CẢNH BÁO



Hãy định kỳ chuyển sang chế độ gió ngoài để lấy không khí trong lành.

Quá trình trao đổi không khí trong lành giảm đi khi sử dụng chế độ tuần hoàn gió trong. Khi hoạt động mà không làm lạnh, độ ẩm không khí tăng có thể gây mờ kính xe. Chất lượng không khí trong khoang hành khách giảm đi và có thể khiến người ngồi trên xe cảm thấy uể oải.

■ Làm tan sương và tan băng trên cửa sổ

- Ấn . Đèn LED báo kích hoạt. Và chế độ tuần hoàn gió trong

được thiết lập và tự động cố định ở chế độ lấy gió ngoài. Hệ thống điều hòa không khí hoạt động nhưng đèn báo không thay đổi.

- Tự động cài đặt nhiệt độ và phân phối gió và quạt chạy ở tốc độ cao.
- Bật kính chắn gió phía sau có sấy R .
- Để quay lại chế độ trước đó: Ấn , để quay lại chế độ tự động: ấn **AUTO**

■ Cài đặt thủ công

Có thể thay đổi các cài đặt hệ thống điều hòa không khí bằng cách ấn nút bấm và núm xoay như sau. Thay đổi cài đặt sẽ tắt chế độ tự động.

■ Tốc độ quạt





Thay đổi lưu lượng gió bằng cách điều chỉnh quạt ở tốc độ mong muốn. Tốc độ quạt đã chọn được biểu thị bằng số trên màn hình hiển thị. Nếu tắt quạt, hệ thống điều hòa không khí cũng tắt. Để quay lại chế độ tự động, ấn **AUTO**

■ Phân phối gió



Ấn nút thích hợp để điều chỉnh theo ý muốn. Đèn LED báo kích hoạt.

- : Tới vùng đầu, qua cửa gió có chớp chỉnh hướng
- : Tới vùng đầu và sàn để chân
- : Tới sàn để chân, với một lượng nhỏ gió hướng lên kính chắn gió, cửa sổ trước và các cửa gió bên cạnh.
- : Tới kính chắn gió và sàn để chân, với một lượng nhỏ gió hướng lên cửa sổ trước và các cửa gió bên cạnh.

: Tới kính chắn gió và cửa sổ trước, với một lượng nhỏ gió hướng sang các cửa gió bên cạnh. Quay lại chế độ phân phối gió tự động: Ấn **AUTO**

■ Chế độ làm mát




Đèn LED báo kích hoạt. Chế độ làm mát chỉ hoạt động khi động cơ chạy và quạt điều hòa không khí bật.


Ấn lại A/C để tắt chế độ làm mát. Hệ thống điều hòa không khí làm mát và khử ẩm (sấy khô) khi nhiệt độ bên ngoài cao hơn

mức quy định. Vì vậy có thể có nước nhỏ giọt do ngưng tụ từ khu vực gầm xe.

Nếu không cần làm mát hoặc sấy khô, tắt chế độ làm mát để tiết kiệm nhiên liệu.

■ Hệ thống tuần hoàn không khí

Ấn  để bật chế độ tuần hoàn gió trong. Đèn LED báo kích hoạt.

Ấn lại  để tắt chế độ tuần hoàn gió trong.



CẢNH BÁO

Quá trình trao đổi không khí trong lành giảm đi khi sử dụng chế độ lấy gió trong. Khi hoạt động mà không làm lạnh, độ ẩm không khí tăng có thể gây mờ bên trong kính xe. Chất lượng không khí trong khoang hành khách giảm đi và có thể khiến người ngồi trên xe cảm thấy uể oải.

Trong điều kiện không khí ẩm và rất ẩm bao quanh, kính chắn gió có thể tích tụ sương ở bên ngoài khi có khí lạnh hướng vào kính. Nếu kính chắn gió tích tụ sương ở bên ngoài, bật cần gạt nước kính chắn gió.

■ Chế độ làm mát tối đa

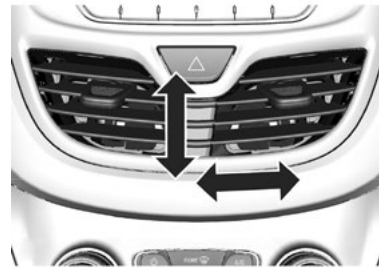
Mở cửa sổ trong chốc lát để khí nóng thoát ra nhanh.

- Bật chế độ làm mát
- Bật hệ thống tuần hoàn không khí 
- Ấn công tắc phân phối gió 
- Đặt điều khiển nhiệt độ ở mức lạnh nhất
- Đặt tốc độ quạt ở mức cao nhất
- Mở tất cả cửa gió

Cửa gió

Cửa gió có chớp chỉnh hướng

Phải có ít nhất một cửa gió mở khi bật chế độ làm mát để giúp dàn lạnh không bị đóng băng do không có sự dịch chuyển không khí.



Điều chỉnh hướng gió bằng cách nghiêng các tấm cánh gió. Nếu không muốn có luồng gió, di chuyển tấm cánh gió vào bên trong để thông gió trung tâm và

ra ngoài để thông gió bên cạnh xe. Cửa gió có chút rò rỉ không khí ở vị trí đóng.

CẢNH BÁO

Không gắn bất kỳ vật gì lên tấm cánh gió của cửa gió. Có thể gây ra thương tích hoặc hư hỏng xe nếu xảy ra tai nạn.

Cửa gió cố định

Các cửa gió bổ sung được lắp ở phía dưới kính chắn gió, cửa sổ và khu vực để chân. Các cửa gió này là cố định và không thể điều chỉnh.

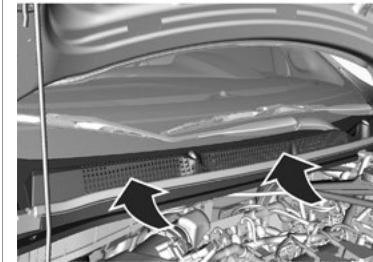
có trong không khí giúp làm sạch cabin. Nên thay bộ lọc khi bảo dưỡng định kỳ.

CHÚ Ý

Cần bảo dưỡng bộ lọc không khí thường xuyên nếu lái xe ở đường xá nhiều bụi bặm, các khu vực bị ô nhiễm và các đoạn đường không trải nhựa. Điều này làm giảm hiệu suất bộ lọc và ảnh hưởng không tốt tới phế quản.

Bảo dưỡng

Cửa lấy gió



Giữ khoang động cơ sạch sẽ để không khí có thể đi vào. Dọn sạch hết lá cây, bụi bẩn hoặc tuyết.

Bộ lọc gió khoang hành khách

■ Lọc không khí trong cabin

Bộ lọc tạp chất loại bỏ các hạt cứng như phấn hoa, bụi, muối

Hoạt động điều hòa không khí thông thường

Để đảm bảo hiệu quả liên tục của hệ thống điều hòa, bật hệ thống làm mát trong vòng vài phút mỗi tháng, trong mọi thời tiết và thời điểm trong năm. Không thể vận hành chế độ làm mát khi nhiệt độ bên ngoài quá thấp.

CHÚ Ý

Chỉ sử dụng đúng dầu máy nén điều hòa không khí và môi chất lạnh.

Dịch vụ

Để đạt hiệu suất làm mát tối ưu, nên kiểm tra hệ thống điều hòa không khí định kỳ hàng năm.

- Kiểm tra chức năng và áp suất
- Chức năng sưởi
- Kiểm tra rò rỉ
- Kiểm tra các đai truyền động
- Vệ sinh dàn nóng và đường thoát nước ở dàn lạnh
- Kiểm tra công suất

Vận hành và lái xe**Thông tin lái xe.....136**

Điều khiển xe.....	136
Đánh lái.....	136

Khởi động và vận hành137

Chạy rà xe mới.....	137
Vị trí khởi động.....	137
Khởi động động cơ.....	138
Nguồn lưu điện cho phụ kiện (RAP).....	139
Đỗ xe.....	139

Khí xả động cơ..... 140

Khí xả động cơ.....	140
Bộ trung hòa khí xả.....	140

Hộp số tự động.....141

Hộp số tự động.....	141
Màn hình hộp số.....	141
Cần chọn số.....	142
Lỗi.....	143
Nguồn điện bị ngắt.....	143

Hộp số sàn.....145

Hộp số sàn.....	145
-----------------	-----

Phanh146

Phanh.....	146
Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS).....	146
Phanh tay.....	147
Hỗ trợ phanh.....	147
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HSA).....	147

Hệ thống kiểm soát lái xe... 148

Hệ thống chống trượt (TCS).....	148
Hệ thống điều khiển cân bằng điện tử (ESC).....	149

Hệ thống hỗ trợ lái xe150

Hệ thống hỗ trợ đỗ xe (nếu có).....	150
-------------------------------------	-----

Nhiên liệu 151

Nhiên liệu (dùng cho động cơ xăng).....	151
Nạp nhiên liệu.....	152

Thông tin lái xe

Điều khiển xe

■ Không được lao xuống dốc khi động cơ không chạy

Nhiều hệ thống không hoạt động trong trạng thái này (ví dụ: hệ thống trợ lực phanh, trợ lực lái). Cách lái xe này gây nguy hiểm cho chính người lái và người khác.

■ Tăng áp không tải

Nếu cần sạc ắc quy xe do điều kiện ắc quy xe, phải tăng đầu ra công suất máy phát điện. Có thể thực hiện bằng cách tăng áp không tải và bạn có thể nghe thấy khi xe tăng áp không tải.

■ Bàn đạp

Để đảm bảo hành trình tự do cho bàn đạp, không để thảm trải sàn ở khu vực bàn đạp.

Đánh lái


■ Hệ thống lái trợ lực điện

Xe này được trang bị hệ thống lái trợ lực điện. Tính năng này không sử dụng dầu trợ lực lái. Không yêu cầu bảo dưỡng thường xuyên.

Nếu trợ lực lái điện không hoạt động do hư hỏng hệ thống, bạn vẫn có thể lái xe, nhưng cần dùng nhiều lực hơn. Mang xe tới cửa hàng đại lý khi gặp sự cố.

Nếu xoay vô lăng hết chu trình và giữ ở vị trí đó trong thời gian dài, khả năng trợ lực lái có thể bị giảm đi.

Có thể sử dụng tính năng trợ lực lái như bình thường sau khi hệ thống nguội đi.

Đèn báo điều khiển ! Đèn báo trợ lực lái biến thiên → T.55.

CHÚ Ý

Xe được trang bị hệ thống lái trợ lực điện:
Nếu xoay vô lăng hết chu trình và giữ ở vị trí đó trong thời gian dài, khả năng trợ lực lái có thể giảm đi.
Nếu sử dụng hệ thống lái trợ lực điện trong thời gian dài, lực hỗ trợ có thể giảm đi.
Có thể sử dụng tính năng trợ lực lái như bình thường sau khi hệ thống nguội đi.

Khởi động và vận hành

Chạy rà xe mới

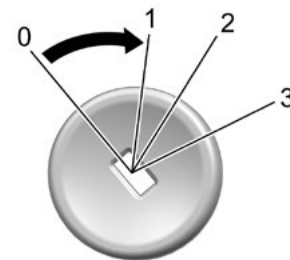
Không phanh gấp khi không cần thiết trong vài chuyến đi đầu tiên.

Trong lần lái xe đầu tiên, bạn có thể thấy khói do sập và dầu bay hơi từ hệ thống khí xả. Để xe ở nơi thông thoáng một lúc sau lần lái xe đầu tiên và tránh hít phải khói bụi từ xe.

Trong thời gian chạy rà, mức tiêu thụ nhiên liệu và dầu động cơ có thể cao hơn.

Vị trí khởi động

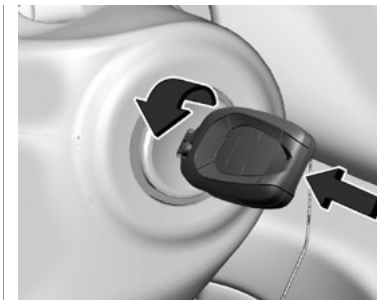
■ Xe có ổ khóa khởi động



O (KHÓA): Một số thiết bị điện và động cơ tắt khi chìa khóa ở vị trí này.

Chỉ có thể cắm và rút chìa khóa ở vị trí này.

Động cơ tự động tắt ngay sau khi rút chìa khóa ra khỏi khóa khởi động.



Để tắt máy xe:

1. Hãy đảm bảo rằng xe đã dừng.
2. Cài số P (Đỗ xe) với xe có hộp số tự động hoặc số N (Số trung gian) với xe có hộp số sàn.
3. Đẩy chìa khóa hết cỡ về phía trợ lái, và xoay sang vị trí tắt khóa khởi động.
4. Rút chìa khóa.
5. Cài phanh tay.

Vô lăng tự động khóa khi rút chìa khóa.

Để mở khóa vô lăng, cắm lại chìa khóa vào và xoay chìa về phía trước xe. Nếu vẫn chưa mở được, xoay nhẹ vô lăng về bên trái hoặc phải khi chìa khóa vẫn đang xoay về phía trước xe.

1. (ACC): Khi chìa khóa ở vị trí này, hệ thống âm thanh sẽ hoạt động.

2. (ON): Đèn cảnh báo phát sáng.

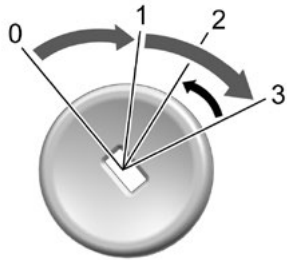
Không để khóa khởi động ở vị trí ON trong thời gian dài, trừ khi động cơ đang chạy, nếu không ắc quy xe sẽ xả điện.

3. (START): Xoay chìa khóa sang vị trí này và thả tay ra khi động cơ chạy.

CẢNH BÁO

Không tắt động cơ khi xe đang chuyển động vì sẽ mất trợ lực điện của hệ thống phanh và hệ thống lái. Không được rút chìa khóa khi xe đang chuyển động, nếu không vô lăng sẽ bị khóa.

Khởi động động cơ



Hộp số sàn: Vận hành ly hợp. Không đạp chân ga.

Xoay nhanh chìa khóa tới vị trí số 3 và thả ra: Quy trình tự động

kích hoạt hệ thống khởi động với độ trễ ngắn khi động cơ đang chạy, tham khảo hệ thống khởi động tự động.

Trước khi khởi động lại hoặc tắt động cơ, đẩy chìa khóa hết cỡ về phía trụ lái, sau đó xoay chìa khóa trở lại vị trí **0**.

■ Khởi động xe trong điều kiện nhiệt độ thấp

Có thể khởi động động cơ mà không cần máy sưởi ở nhiệt độ $-25\text{ }^{\circ}\text{C}$ đối với động cơ diesel và $-30\text{ }^{\circ}\text{C}$ đối với động cơ xăng.

Động cơ xăng:

Có thể khởi động động cơ ở nhiệt độ $-30\text{ }^{\circ}\text{C}$ mà không cần máy sưởi.

Cần có dầu động cơ có độ nhớt phù hợp, đúng loại nhiên liệu, xe có bảo dưỡng và ắc quy xe sạc đầy.

Khi nhiệt độ dưới $-30\text{ }^{\circ}\text{C}$, cần

làm ấm hộp số tự động trong khoảng 5 phút. Cần số phải ở vị trí P.

■ Điều khiển hệ thống khởi động tự động

Chức năng này kiểm soát quá trình khởi động động cơ. Người lái không cần giữ chìa khóa ở vị trí 3.

Sau khi vận hành chức năng, hệ thống sẽ tiếp tục tự động khởi động cho tới khi động cơ chạy. Do phải thực hiện quy trình kiểm tra, động cơ sẽ bắt đầu chạy sau khoảng trễ ngắn.

Nguyên nhân khiến động cơ không khởi động:

- Không vận hành bàn đạp ly hợp (hộp số sàn)
- Hết thời gian chờ

■ Cắt nhiên liệu khi giảm tốc

Hệ thống sẽ tự động cắt nhiên liệu trong quá trình giảm tốc,

nghĩa là khi xe đang cài số chạy nhưng người lái nhả bàn đạp ga.

Nguồn lưu điện cho phụ kiện (RAP)

■ Tắt nguồn lưu điện

Các hệ thống điện tử sau có thể hoạt động cho đến khi mở cửa phía người lái hoặc ít nhất 10 phút sau khi tắt khóa khởi động:

- Cửa sổ điện
- Ổ cắm điện

Nguồn điện cho hệ thống thông tin giải trí sẽ tiếp tục vận hành trong 30 phút hoặc cho tới khi rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa, ngay cả khi cửa xe mở.

Đỗ xe

CẢNH BÁO

- Không đỗ xe trên bề mặt dễ cháy. Nhiệt độ cao của hệ thống xả có thể làm bén lửa bề mặt đường xe đang đỗ.
- Luôn cài phanh tay. Không nhấn nút nhả phanh khi kéo phanh tay hết cỡ khi xe lên dốc hoặc xuống dốc. Nhấn phanh chân cùng lúc để giảm lực kéo phanh.
- Tắt động cơ và khóa khởi động. Xoay vô lăng cho tới khi vô lăng khóa lại.

⚠ CẢNH BÁO

- Nếu đỗ xe trên đường bằng hoặc dốc lên, cài số P trước khi tắt khóa khởi động. Khi đang trên dốc lên, xoay bánh trước ra xa lề đường. Nếu xe đỗ trên dốc xuống, cài số lùi trước khi tắt khóa khởi động. Xoay bánh trước về phía lề đường.
- Khóa xe và bật hệ thống chống trộm.

Lưu ý

Trong trường hợp xảy ra tai nạn và túi khí được kích hoạt, động cơ tự động tắt nếu xe đứng yên trong một khoảng thời gian nhất định.

Khí xả động cơ**Khí xả động cơ****⚠ NGUY HIỂM**

Khí xả động cơ chứa cacbon monoxit độc hại, không màu không mùi và có thể gây tử vong nếu hít phải. Mở tất cả cửa sổ nếu khí xả bay vào trong xe. Mang xe đến xưởng sửa chữa để khắc phục sự cố.

Tránh lái xe khi khoang chứa đồ mở vì khí xả có thể bay vào trong xe.

Bộ trung hòa khí xả

Bộ trung hòa khí xả giảm hàm lượng chất độc hại trong khí xả.

⚠ CHÚ Ý

Nhiên liệu khác với các mục liệt kê trong trang Nhiên liệu (cho động cơ xăng), dữ liệu động cơ có thể gây hư hại bộ trung hòa khí xả và các bộ phận điện tử. *Nhiên liệu (dùng cho động cơ xăng)* → T.151, *Thông số động cơ* → T.202.

Xăng chưa cháy hết sẽ gây quá nhiệt và làm hư hại bộ trung hòa khí xả.

Do đó, tránh dùng hệ thống khởi động quá nhiều, dùng hết nhiên liệu trong bình chứa hay khởi động động cơ bằng cách đẩy hoặc kéo xe.

Trong trường hợp động cơ nổ sớm, nổ không đều, gây giảm hiệu suất động cơ hoặc những vấn đề bất thường khác, mang xe tới xưởng sửa chữa để khắc phục sự cố càng sớm càng tốt.

Trong trường hợp khẩn cấp, bạn vẫn có thể lái xe trong một khoảng thời gian ngắn, hãy giữ tốc độ xe và động cơ ở mức chậm.

Hộp số tự động**Hộp số tự động****■ Hộp số biến thiên vô cấp (CVT)**

Hộp số biến thiên vô cấp CVT sử dụng điều khiển điện tử để tối ưu hóa hệ thống bằng cách thay đổi tỷ số truyền bánh răng liên tục

■ Khởi động xe

1. Nhấn bàn đạp phanh trong khi di chuyển cần số về vị trí R, D hoặc L.

⚠ CHÚ Ý

Không chuyển số giữa vị trí D (Tiến) và R (Lùi) hoặc P (Đỗ xe) trong khi xe đang chuyển động.

2. Nhả phanh tay và bàn đạp phanh.
3. Từ từ nhấn bàn đạp ga.

Màn hình hộp số

Số đã chọn sẽ hiển thị trên bảng táp lô.

■ Cần số

P : (đỗ xe) Ở vị trí đỗ xe, bánh trước khóa lại. Chỉ chọn P khi xe đứng yên và sử dụng phanh tay.
R : (số lùi) Chỉ cài số lùi khi xe đứng yên.

N : (số trung gian)

D : (số tiến) Dừng trong điều kiện lái xe thông thường.

L : (số thấp) Vị trí này khóa hộp số ở số thấp tối ưu.

Chọn số L khi lái xe xuống dốc để tận dụng phanh động cơ tốt nhất.

⚠ CHÚ Ý

Không được tăng tốc khi đang vào số.

Không được đạp ga và đạp phanh cùng lúc.

Khi đã cài số, xe sẽ bắt đầu chuyển động từ từ khi nhả phanh.

Không sử dụng số P (đỗ xe) thay cho phanh tay.

Tắt động cơ, cài phanh tay và rút chìa khóa khởi động khi rời xe.

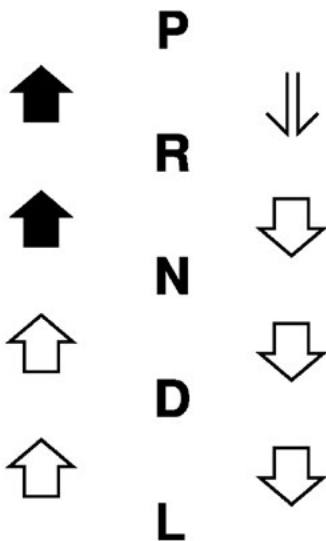
Luôn trông chừng xe khi động cơ đang chạy.

Cần chọn số



Ấn nút nhả ở mặt trước cần chọn số để di chuyển giữa các vị trí số.

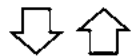
Thực hiện các mô tả như trong chỉ dẫn của các mũi tên khi chuyển cần số.



Bấm nút nhả để chọn một số.



Đẩy bàn đạp phanh và ấn nút nhả để chọn số.



Tự do sang số để chọn số.

■ Phanh động cơ

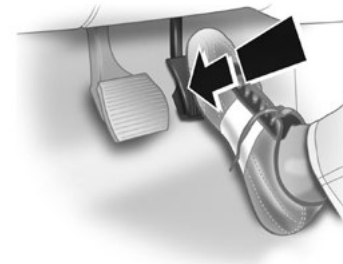
Để tận dụng hiệu quả phanh động cơ, hãy chọn L khi lái xe xuống dốc, nếu cần.

Phanh động cơ hoạt động hiệu quả nhất khi ở dải số L. Nếu chọn dải số L khi đang ở tốc độ quá cao, hộp số sẽ giữ ở số hiện tại cho đến khi xe giảm tốc độ.

Lưu ý

Sử dụng nén động cơ khi xuống dốc núi có thể kéo dài tuổi thọ phanh xe.


■ Chế độ về số nhanh



Để tăng tốc nhanh hơn:

- Nhấn hết cỡ và giữ bàn đạp ga. Hộp số sẽ chuyển sang tỉ số truyền số thấp hơn tùy vào tốc độ động cơ. Hộp số biến thiên vô cấp (CVT) được điều khiển tự động để tạo ra công suất tối đa và vận hành trơn tru.

Lỗi

Trong trường hợp xảy ra lỗi, đèn cảnh báo  phát sáng. Hộp số sẽ không tự chuyển số hoặc không thể chuyển số bằng tay vì đã bị khóa cứng ở một số cố định.

Liên hệ với Đại lý ủy quyền.

Nguồn điện bị ngắt

Nếu nguồn điện bị cắt, bạn không thể chuyển được cần số ra khỏi vị trí P.

Nếu ắc quy hết điện, khởi động xe bằng các hình thức hỗ trợ khởi động. *Hỗ trợ khởi động* → T.184.

Nếu không phải lỗi do ắc quy, nhả cần số và rút chìa khóa khởi động ra khỏi vị trí ổ khóa.

Nhả cần số

Chiếc xe này được trang bị bộ điều khiển khóa cần số. Bộ điều khiển khóa cần số được thiết kế để:

- Ngăn không cho cần số dịch chuyển khỏi vị trí P (đỗ xe) trừ khi khóa khởi động ở vị trí ON/RUN và nhấn bàn đạp phanh.

Bộ điều khiển khóa cần số luôn hoạt động trừ trường hợp ắc quy xả hết điện.

Để thoát vị trí P (đỗ xe):

1. Nhấn bàn đạp phanh.
2. Vận khóa khởi động sang vị trí ON/RUN.
3. Bấm nút trên cần số.
4. Chuyển cần số sang vị trí mong muốn.

Nếu vẫn không thể chuyển cần số ra khỏi vị trí P (đỗ xe):

1. Nhả hoàn toàn nút bấm trên cần số.
2. Ấn giữ bàn đạp phanh và

bấm lại nút bấm trên cần số.

3. Chuyển cần số đến vị trí mong muốn.

Nếu cần số vẫn không thể chuyển khỏi vị trí P (đỗ xe), xem phần Mở khóa cần số thủ công.

Mở khóa cần số thủ công

Hộp số tự động có cơ chế khóa đỗ xe điện tử. Chìa khóa phải ở vị trí ON/RUN và có nhấn bàn đạp phanh để có thể chuyển cần số ra khỏi vị trí P (đỗ xe).

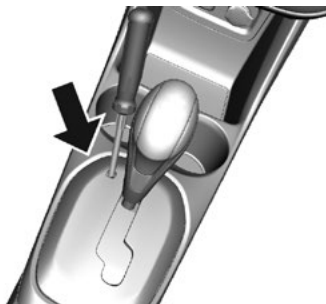
Nếu ắc quy bị xả hết, không thể chuyển cần số ra khỏi P (đỗ xe) trừ khi thực hiện nhà cơ cấu mở khóa cần số thủ công bằng tay.

Để thực hiện mở khóa cần số thủ công:

1. Nhấn phanh tay.



2. Mở nắp che bên trái cần số.



3. Tra tước nơ vít đầu dẹt vào sâu trong lỗ hở và chuyển

cần số ra khỏi P (đỗ xe). Nếu chọn lại P (đỗ xe), cần số sẽ bị khóa lần nữa. Hãy mang xe đến đại lý ủy quyền để khắc phục sự cố.

4. Đóng nắp đậy.

CHÚ Ý

Để tránh làm hư hại hộp số, lưu ý các điểm sau.

Không đạp chân ga khi chuyển từ số P hoặc N sang R, D hoặc L. Sử dụng D nhiều nhất có thể.

Không chuyển sang số P hoặc R khi xe đang di chuyển.

Khi dừng xe ở trên dốc, không giữ xe tại chỗ bằng cách nhấn bàn đạp ga. Sử dụng phanh chân.

Nhấn bàn đạp phanh khi chuyển từ số P hoặc N sang số R hoặc số tiến khác.

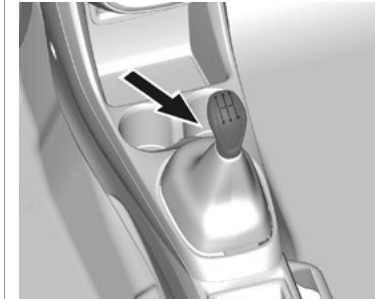
CHÚ Ý

Không lái xe khi tay đang để trên cần chọn số.

CHÚ Ý

Sang số xe ban đầu vào bất kỳ số nào ngoài số 1 (Số một) hoặc R (Số lùi) có thể làm hỏng ly hợp. Sang số sàn theo đúng trình tự, và định thời gian sang số với bàn đạp ga để tránh tăng tốc động cơ và làm hỏng ly hợp.

Vào số R (lùi) khi xe đang di chuyển về phía trước có thể làm hỏng hộp số. Việc sửa chữa sẽ không thuộc phạm vi bảo hành của xe. Chỉ về số R (lùi) sau khi xe đã dừng hẳn.

Hộp số sàn**Hộp số sàn**

Để cài số lùi, nhấn bàn đạp ly hợp, rồi cài số lùi.

Nếu không vào số được, kéo cần số về số trung gian, nhả rồi nhấn bàn đạp ly hợp, sau đó vào số lại.

Không để trượt ly hợp khi không cần thiết.

Khi sử dụng, nhấn hết cỡ bàn đạp ly hợp. Không dùng bàn đạp làm nơi để chân.

Phanh

Phanh

Hệ thống phanh bao gồm hai mạch phanh độc lập.

Nếu một mạch phanh hỏng, vẫn có thể phanh xe bằng mạch còn lại. Tuy nhiên, phanh chỉ có hiệu quả khi đạp mạnh bàn đạp phanh. Nếu quãng đường phanh dài hơn, liên hệ ngay xưởng sửa chữa để được hỗ trợ trước khi tiếp tục hành trình.

Khi động cơ không chạy, bộ trợ lực phanh không hoạt động sau khi đã nhấn bàn đạp phanh một hoặc hai lần.

Hiệu quả phanh không giảm, nhưng cần dùng nhiều lực hơn khi phanh. Đây là điểm đặc biệt quan trọng cần lưu ý khi kéo xe. Đèn báo điều khiển (1). Đèn

cảnh báo Hệ thống phanh và ly hợp → T.54.

Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)

Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) giúp bánh xe không bị khóa cứng.

ABS bắt đầu điều chỉnh áp lực phanh ngay sau khi nhận thấy bánh xe có xu hướng bị khóa. Xe vẫn có thể đánh lái được, ngay cả khi phanh gấp.

Có thể nhận biết điều khiển ABS qua xung trên bàn đạp phanh và âm thanh trong quá trình ABS hoạt động.

Để tối ưu hiệu quả phanh, nhấn hết bàn đạp phanh trong suốt quá trình phanh, dù lúc này bàn đạp phanh bị rung. Không giảm lực đạp trên bàn đạp phanh. Sau khi khởi động, hệ thống tự kiểm tra và bạn có thể nghe thấy

âm thanh của quá trình này.

Đèn báo điều khiển (2). Đèn cảnh báo Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS) → T.54.

■ Đèn phanh thích ứng

Trong khi phanh hoàn toàn, cả 3 đèn phanh nháy sáng trong thời gian điều khiển ABS.

■ Lỗi

! CẢNH BÁO

Nếu hệ thống ABS lỗi, bánh xe có thể sẽ bị khóa do lực phanh nặng hơn bình thường. ABS không còn tác dụng nữa. Khi phanh gấp, không thể đánh lái được và xe có thể bị lệch.

Liên hệ ngay xưởng sửa chữa để khắc phục sự cố.

Phanh tay



! CẢNH BÁO

Luôn cài chắc phanh tay và không nhấn nút nhả, cài chắc phanh tay khi xe đỗ trên dốc.

Để nhả phanh tay, kéo nhẹ cần phanh, bấm nút nhả và hạ cần phanh xuống hoàn toàn.

Đạp đồng thời phanh chân để giảm lực kéo cần phanh tay.

Xem Đèn cảnh báo Hệ thống phanh và ly hợp → T.54.

Hỗ trợ phanh

Nếu đạp bàn đạp phanh nhanh và mạnh, hệ thống sẽ tự động tạo lực phanh tối đa (phanh hoàn toàn).

Giữ đều lực phanh trên bàn đạp phanh khi cần phanh hoàn toàn. Lực phanh tối đa sẽ tự động giảm khi nhả bàn đạp phanh.

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HSA)

Hệ thống này giúp tránh các chuyển động ngoài ý muốn khi lái xe lên dốc.

Khi nhả phanh chân sau khi dừng trên đường dốc, phanh vẫn duy trì hơn hai giây.

Phanh tự động nhả ra ngay khi xe bắt đầu tăng tốc.

! CẢNH BÁO

Không quá phụ thuộc vào tính năng HSA. Bạn vẫn cần tập trung và lái xe cẩn thận khi sử dụng tính năng này. Bạn có thể không nghe hoặc nhận thấy các cảnh báo từ hệ thống này. Không tập trung khi lái xe có thể dẫn tới thương tích, tử vong hoặc hư hại xe.


Hệ thống kiểm soát lái xe


Hệ thống chống trượt (TCS)

Hệ thống chống trơn trượt (TC) là một phần của Hệ thống điều khiển cân bằng điện tử.

Hệ thống TC giúp nâng cao độ cân bằng khi lái xe khi cần, với mọi mặt đường hay rãnh lổp, bằng cách ngăn các bánh dẫn động khỏi sự quay vòng.

Ngay sau khi bánh dẫn động bắt đầu quay vòng, công suất động cơ giảm và bánh xe bị quay vòng nhiều nhất sẽ được phanh riêng. Việc này cải thiện đáng kể độ ổn định của xe khi đi trên mặt đường trơn trượt.


Có thể sử dụng hệ thống TC ngay sau khi đèn báo điều khiển  tắt.

Khi hệ thống TC hoạt động, đèn  nháy sáng.

CẢNH BÁO


Không để bản thân gặp nguy hiểm khi lái xe do lạm dụng tính năng an toàn đặc biệt này.



Điều chỉnh tốc độ xe theo điều kiện đường xá.

Đèn báo điều khiển  Đèn báo hệ thống điều khiển cân bằng điện tử (ESC) → T.55.

■ Ngắt kích hoạt




Có thể tắt hệ thống TC khi cần quay vòng bánh dẫn động: Bấm nhanh .

Đèn báo điều khiển  sáng. Kích hoạt lại hệ thống TC bằng cách bấm lại .

Hệ thống TC cũng được kích hoạt lại khi bật khóa khởi động.

■ Lỗi



Nếu hệ thống xảy ra lỗi, đèn báo điều khiển  phát sáng liên tục và Hệ thống Trung tâm thông tin dành cho lái xe xuất hiện tin nhắn thông báo hoặc mã cảnh báo. Hệ thống không hoạt động trong trường hợp này.

Mang xe đến xưởng sửa chữa để khắc phục sự cố.

Hệ thống điều khiển cân bằng điện tử (ESC)

Điều khiển cân bằng điện tử giúp tăng độ ổn định khi lái xe khi cần, với mọi mặt đường hay loại rãnh lổp xe. Đồng thời giúp ngăn các bánh xe bị quay vòng.


Ngay sau khi xe bắt đầu chệch hướng (trượt đầu, văng đuôi), công suất động cơ giảm và từng bánh xe sẽ được phanh lại. Việc này cải thiện đáng kể khả năng của xe khi đi trên bề mặt đường trơn trượt.

ESC hoạt động ngay sau khi đèn báo điều khiển  tắt. Khi ESC hoạt động, đèn báo  nhấp nháy.

CẢNH BÁO



Không để tính năng an toàn đặc biệt này làm bạn mất cảnh giác và gặp nguy hiểm khi lái xe.


Điều chỉnh tốc độ của xe theo điều kiện đường xá.

Đèn báo điều khiển  Đèn báo hệ thống điều khiển cân bằng điện tử (ESC) → T.55

■ Ngắt kích hoạt




Khi lái xe với hiệu suất lớn, có thể ngắt kích hoạt ESC bằng cách: Bấm và giữ  trong khoảng 5 giây. Đèn báo điều khiển  sáng.

Bấm  để ngắt kích hoạt ESC lần nữa. Nếu đã tắt hệ thống TC trước đó, cả TC và ESC sẽ được kích hoạt lại.

ESC cũng được kích hoạt lại vào lần mở khóa khởi động tiếp theo.

■ Lỗi

Nếu hệ thống xảy ra lỗi, đèn báo điều khiển  phát sáng liên tục và Hệ thống Trung tâm thông tin dành cho lái xe xuất hiện tin nhắn thông báo hoặc mã cảnh báo. Hệ thống không hoạt động.

Liên hệ ngay xưởng sửa chữa để khắc phục sự cố.

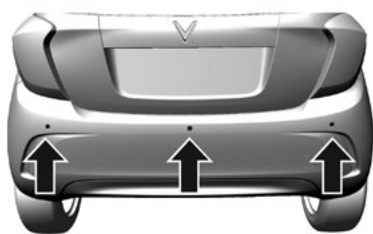
Hệ thống hỗ trợ lái xe

Hệ thống hỗ trợ đỗ xe (nếu có)

⚠ CẢNH BÁO

Lái xe là người chịu trách nhiệm hoàn toàn trong việc đỗ xe.

Luôn kiểm tra xung quanh khi lùi xe và sử dụng hệ thống hỗ trợ đỗ xe.



Hệ thống hỗ trợ đỗ xe phía sau giúp dễ dàng đỗ xe bằng cách đo khoảng cách từ xe tới vật cản sau. Hệ thống thông báo và cảnh báo lái xe bằng cách phát tín hiệu âm thanh và hiển thị hình ảnh.

Hệ thống có 3 cảm biến siêu âm hỗ trợ đỗ xe ở cản sau.

Lưu ý

Các bộ phận gắn thêm vào vùng cảm biến có thể làm hỏng hệ thống.

■ Kích hoạt

Khi về số lùi, hệ thống được kích hoạt tự động. Có âm thanh thông báo vật cản.

Âm thanh cảnh báo phát ra liên tục khi xe tới gần vật cản. Âm thanh liên tục phát khi xe cách vật cản dưới 50 cm.

⚠ CẢNH BÁO

Trong một số trường hợp, bề mặt phản chiếu trên đồ vật hoặc vải vóc cũng như âm thanh bên ngoài khiến cho hệ thống không xác định được vật cản. Đặc biệt chú ý các vật cản có vị trí thấp vì có thể làm hư hại phần dưới của cản xe.

■ Ngắt kích hoạt

Hệ thống tự động tắt khi nhả số lùi.

Hệ thống có thể không phát hiện ra vật cản nếu xe di chuyển với tốc độ trên 9 km/h.

■ Lỗi

Trong trường hợp hệ thống xảy ra lỗi, đèn P[!] hiển thị.

Ngoài ra, nếu hệ thống không hoạt động do một số điều kiện nhất thời như tuyết che phủ cảm biến, đèn P[!] hiển thị.

⚠ CHÚ Ý

Hệ thống giảm hiệu suất vận hành khi cảm biến bị che khuất, ví dụ: băng tuyết che khuất. Hệ thống hỗ trợ đỗ xe có thể hoạt động không tốt khi xe chở nặng. Áp dụng cho những trường hợp đặc biệt nếu có xe cao hơn ở khu vực đỗ xe (ví dụ xe địa hình, các dòng xe đa dụng, xe kéo đầu móc hoặc xe tải). Không đảm bảo việc xác định vật cản và khoảng cách chính xác ở phần trên của những phương tiện này.

Hệ thống có thể cũng không phát hiện được những vật có tiết diện phản xạ nhỏ như các đồ vật có kích thước nhỏ hẹp hoặc làm từ chất liệu mềm. Hệ thống hỗ trợ đỗ xe không phát hiện được vật cản nằm ngoài phạm vi cảm biến.

⚠ CHÚ Ý

Không dùng nhiên liệu hoặc chất phụ gia nhiên liệu có chứa hợp chất kim loại như phụ gia gốc mangan. Chất này có thể làm hỏng động cơ.

⚠ CHÚ Ý

Sử dụng nhiên liệu có chỉ số octan quá thấp có thể gây cháy và làm hỏng động cơ.

Yêu cầu cụ thể về chỉ số octan của động cơ có trong phần thông số động cơ. *Thông số động cơ* → T. 202. Thông tin có thể có trên nhãn dành riêng cho từng quốc gia tại nắp đổ xăng.

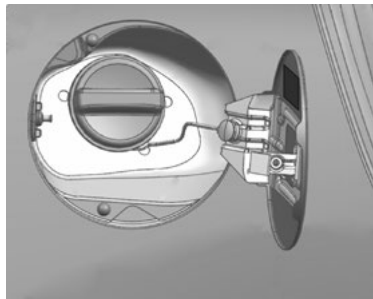
Nhiên liệu

Nhiên liệu (dùng cho động cơ xăng)

Chỉ sử dụng nhiên liệu không chì tuân theo tiêu chuẩn DIN EN 228.

Có thể dùng loại nhiên liệu tiêu chuẩn tương đương với ethanol có hàm lượng thể tích tối đa 10%.

Sử dụng nhiên liệu có chỉ số octan khuyến cáo. Chỉ số octan thấp hơn có thể làm giảm công suất động cơ và mô men, đồng thời tăng nhẹ mức tiêu thụ nhiên liệu.

Nạp nhiên liệu**⚠️ NGUY HIỂM**

Trước khi nạp nhiên liệu, tắt động cơ và bộ sưởi có buồng đốt bên ngoài. Tắt điện thoại di động.

Tuân thủ hướng dẫn vận hành an toàn ở trạm xăng khi nạp nhiên liệu.

⚠️ NGUY HIỂM

Nhiên liệu là chất dễ cháy nổ. Không hút thuốc. Cấm lửa hoặc tia lửa.

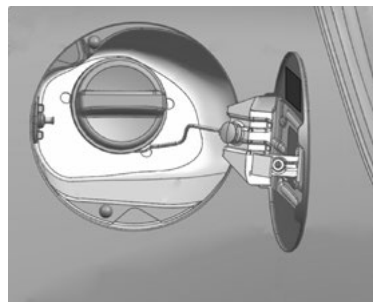
Nếu có mùi nhiên liệu trong xe, đem xe đến xưởng sửa chữa để được xử lý ngay lập tức.

⚠️ CHÚ Ý

Không mở khóa khởi động nếu nạp nhầm nhiên liệu.



1. Dừng động cơ.
2. Kéo cần mở cửa nạp nhiên liệu trên sàn xe, ở phía trước bên trái ghế lái.
3. Xoay chậm nắp bình nhiên liệu ngược chiều kim đồng hồ. Nếu nghe thấy tiếng rít, chờ cho hết tiếng rít trước khi mở hoàn toàn nắp bình. Cửa nạp nhiên liệu ở góc phần tư phía sau bên phải.



4. Tháo nắp. Nắp được buộc gắn vào xe.
5. Sau khi nạp nhiên liệu, lắp lại nắp đậy. Xoay theo chiều

- kim đồng hồ cho đến khi nghe thấy tiếng cách.
6. Đẩy cửa nạp nhiên liệu cho tới khi cửa được chốt chặt.

Lưu ý

Trong điều kiện thời tiết lạnh, cửa nạp nhiên liệu không mở, hãy gõ nhẹ vào cửa. Sau đó thử mở lại lần nữa.

⚠️ CHÚ Ý

Lau sạch nhiên liệu bị tràn ngay lập tức.

Chăm sóc xe

Thông tin chung 155

Phụ kiện và thay đổi thiết kế.....	155
Bảo quản xe.....	155

Kiểm tra xe..... 156

Tự kiểm tra xe.....	156
Nắp capô	156
Dầu động cơ	157
Hệ thống kiểm soát tuổi thọ dầu động cơ.....	158
Nước làm mát động cơ.....	160
Nước rửa kính.....	160
Phanh	161
Dầu phanh	161
Ắc quy.....	161
Thay lưới cản gạt nước.....	162

Thay bóng đèn..... 163

Thay bóng đèn	163
Bóng đèn halogen.....	164
Đèn LED.....	164
Đèn pha.....	164
Đèn chạy ban ngày (DRL)....	165

Đèn sương mù.....	166
Đèn báo rẽ phía trước	166
Đèn hậu.....	166
Đèn báo rẽ bên cạnh	168
Đèn soi biển số	168

Hệ thống điện..... 169

Cầu chì	169
Hộp cầu chì khoang động cơ....	170
Hộp cầu chì bảng táp lô.....	172

Bộ dụng cụ sửa xe..... 174

Dụng cụ	174
---------------	-----

Bánh xe và lốp xe..... 174

Bánh xe và lốp xe.....	174
Lốp dùng cho mùa đông....	174
Các ký hiệu trên lốp xe.....	175
Áp suất lốp	176
Độ sâu gai lốp	176
Đào lốp.....	178
Nắp chụp bánh xe.....	179
Xích lốp	179

Thay lốp xe.....	179
Lốp dự phòng	183

Hỗ trợ khởi động..... 184

Hỗ trợ khởi động.....	184
-----------------------	-----

Kéo xe 186

Kéo xe	186
--------------	-----

Chăm sóc xe 187

Chăm sóc bên ngoài	187
Chăm sóc bên trong.....	189

Thông tin chung

Phụ kiện và thay đổi thiết kế

Chúng tôi khuyên người dùng sử dụng phụ tùng, phụ kiện chính hãng và các phụ tùng được nhà sản xuất khuyến dùng cho xe của bạn. Chúng tôi không đánh giá hay đảm bảo độ tin cậy của những sản phẩm không chính hãng ngay cả khi đáp ứng quy định hoặc được tổ chức khác phê duyệt.

Không thực hiện bất cứ thay đổi nào với hệ thống điện, chẳng hạn như thay bộ điều khiển điện tử (còi chip).



CHÚ Ý

Khi vận chuyển xe bằng tàu hoặc xe cứu hộ, tẩm chắn bùn có thể bị hỏng.

Bảo quản xe

■ Bảo quản trong thời gian dài

Nếu bạn định bảo quản xe trong vài tháng:

- Rửa và phủ sáp xe.
- Kiểm tra lớp sáp trong khoang động cơ và dưới gầm xe.
- Vệ sinh và bảo quản các phốt cao su.
- Đổ đầy bình nhiên liệu.
- Thay dầu động cơ.
- Rút cạn bình nước rửa kính.
- Kiểm tra chất chống đông nước làm mát và chống ăn mòn.
- Chỉnh áp suất lốp xe đến giá trị cho tải trọng lớn nhất.
- Để xe ở nơi khô ráo, thông thoáng. Cài số một hoặc số lùi. Ngăn không để xe bị trôi.
- Không cài phanh tay.
- Mở nắp capô, đóng tất cả các cửa và khóa xe.
- Tháo kẹp ra khỏi cực âm của ắc quy xe. Đảm bảo tất cả các

hệ thống ngừng hoạt động, ví dụ như hệ thống cảnh báo chống trộm. Đóng nắp capô.

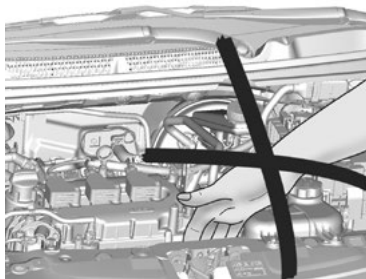
■ Khởi động xe trở lại

Khi sử dụng lại xe:

- Nối kẹp vào cực âm của ắc quy xe. Kích hoạt toàn bộ các cửa số điện.
- Kiểm tra áp suất lốp xe.
- Bơm đầy bình chứa nước rửa kính.
- Kiểm tra mực dầu động cơ.
- Kiểm tra mực nước làm mát.
- Gắn biển số nếu cần.

Kiểm tra xe

Tự kiểm tra xe



⚠ CẢNH BÁO

Chỉ kiểm tra khoang động cơ khi khóa khởi động tắt.

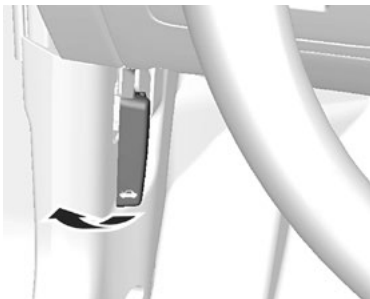
Quạt làm mát có thể quay ngay cả khi khóa khởi động tắt.

⚠ NGUY HIỂM

Hệ thống khởi động sử dụng điện áp rất cao. Không chạm tay vào.

Nắp capô

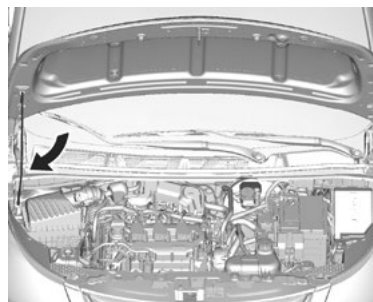
■ Mở



Kéo tay nắm mở nắp capô bên trong xe. Tay nắm này nằm ở bên dưới bảng tập lô phía lái xe.



Ra phía trước xe và đẩy cần mở nắp capô thứ hai về phía bên phải xe.



Nâng nắp capô và nhả thanh đỡ nắp capô khỏi vòng kẹp thanh đỡ nằm phía dưới nắp capô. Đặt thanh đỡ cẩn thận vào khay giữ thanh đỡ ở bên phụ sau của khoang động cơ.

⚠ CHÚ Ý

Chỉ chạm vào miếng đệm bọt xốp của thanh đỡ nắp capô khi động cơ còn nóng.

■ Đóng

Trước khi đóng nắp capô, đảm bảo các nắp đậy nằm đúng vị trí. Sau đó, nâng nắp capô để giảm áp lực lên thanh đỡ nắp capô. Tháo thanh đỡ nắp capô ra khỏi khay giữ phía bên phụ sau của khoang động cơ và cố định vào vòng kẹp trên mặt sau của nắp capô. Thanh đỡ phải khớp hoàn toàn vào vị trí khi trở lại vòng kẹp để tránh làm hỏng nắp capô.

Hạ thấp nắp capô phía trên xe và thả ra để nắp chốt khóa hoàn toàn. Kiểm tra để đảm bảo nắp capô đã đóng và lặp lại quy trình nếu cần thiết.

⚠ CẢNH BÁO

Lưu ý những điểm sau: Kéo cạnh trước nắp capô để đảm bảo nắp được khóa chắc chắn trước khi lái xe.

Không kéo cần nhả nắp capô khi xe đang chạy.

Không lái xe khi nắp capô đang mở. Nắp capô mở sẽ hạn chế tầm nhìn của lái xe.

Lái xe với nắp capô mở có thể dẫn tới va chạm nghiêm trọng gây hư hại xe, tài sản khác, gây thương tích hoặc thậm chí tử vong.

Dầu động cơ

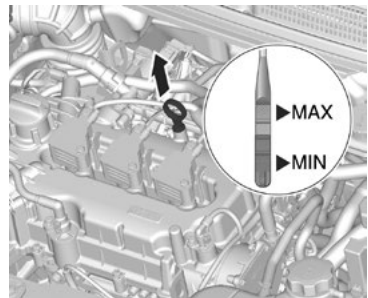
Thường xuyên kiểm tra mực dầu động cơ bằng tay để tránh làm hư hại động cơ.

Đảm bảo sử dụng dầu đúng thông số kỹ thuật. *Dung dịch, dầu bôi trơn và phụ tùng khuyến dùng* ▶T. 197.

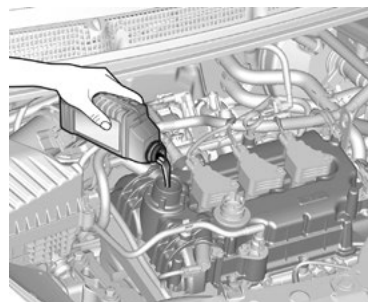
Kiểm tra mức dầu khi xe đỗ trên bề mặt bằng phẳng. Động cơ phải ở nhiệt độ vận hành và tắt sau ít nhất 5 phút.

Lấy que thăm dầu ra, lau sạch, cắm vào hết cỡ, rút ra và đọc mực dầu.

Cắm que thăm dầu vào hết cỡ và xoay nửa vòng.



Khi mức dầu động cơ xuống thấp hơn mức MIN, đổ thêm dầu động cơ.



Chúng tôi khuyến cáo sử dụng cùng loại dầu động cơ đã dùng

ở lần thay dầu gần nhất. Mức dầu động cơ không được vượt quá mức **MAX** trên que thăm dầu.

⚠ CHÚ Ý

Dầu động cơ quá mức phải được xả hoặc hút ra.

Dung tích và thông số kỹ thuật
→ T. 205.

Khớp thẳng nắp bình chứa dầu và siết chặt.

Hệ thống kiểm soát tuổi thọ dầu động cơ

Chiếc xe này có hệ thống máy tính thông báo thời điểm thay dầu và bộ lọc.


Thời điểm này được xác định dựa trên số vòng quay động cơ, nhiệt độ động cơ và quãng đường đi được.

Tùy theo tình trạng lái xe, quãng đường đi được biểu thị thời điểm thay dầu có thể thay đổi.

Để hệ thống kiểm soát tuổi thọ dầu động cơ hoạt động chính xác, cần cài đặt lại hệ thống sau mỗi lần thay dầu.



Hiện thị dự đoán về thời gian hữu dụng còn lại của dầu. Thông tin này chỉ hiển thị khi xe đứng yên. Nếu màn hình hiển thị số 98, thời gian hữu dụng còn lại của dầu hiện tại là 98%.

Khi mức dầu động cơ còn lại thấp, mã thông báo 82 (Thay dầu động cơ sớm) hoặc  (Oil

change) (thay dầu) hiển thị trên Hệ thống trung tâm thông tin cho người lái (DIC).

Hãy thay dầu sớm nhất có thể trong vòng 1.000 km (600 dặm) tiếp theo.

Nếu lái xe trong điều kiện tối ưu, hệ thống kiểm soát tuổi thọ dầu có thể hiển thị thời gian không cần thay dầu lên tới 1 năm. Phải thay dầu động cơ và bộ lọc ít nhất 1 lần mỗi năm và phải cài đặt lại hệ thống mỗi lần thay.

Hãy để nhân viên dịch vụ được đào tạo của đại lý thực hiện công việc này và cài đặt lại hệ thống cho xe. Ngoài ra, thường xuyên kiểm tra để biết chính xác mức dầu động cơ trong khoảng thời gian chờ thay dầu.

Nếu hệ thống vô tình bị cài đặt lại, phải thay dầu sau mỗi 5.000 km (3.000 dặm) kể từ lần thay

dầu gần nhất.

Sau khi thay dầu, cài lại hệ thống theo dõi tuổi thọ dầu. Chúng tôi khuyến cáo người dùng liên hệ đại lý ủy quyền.

■ Cách cài đặt lại hệ thống kiểm soát tuổi thọ dầu động cơ

Cài đặt lại hệ thống mỗi lần thay dầu động cơ để hệ thống có thể tính toán thời điểm thay dầu tiếp theo.


1. Xoay chìa khóa khởi động sang vị trí ON khi động cơ tắt.



2. Dùng nút MENU và bánh xe điều khiển trên cần gạt đèn báo rẽ, cuộn cho tới mục Engine oil life (tuổi thọ dầu động cơ) trên Hệ thống trung tâm thông tin cho người lái (DIC).

3. Bấm nút SET/CLEAR để cài lại thời gian hữu dụng còn lại của dầu về 100%.

4. Xoay chìa khóa về OFF.

Lưu ý không cài đặt lại màn hình hiển thị tuổi thọ dầu trừ khi thay dầu. Hệ thống sẽ không thể cài đặt lại chính xác. Nếu xuất hiện mã thông báo xe 82 (Thay dầu động cơ sớm) hoặc  (oil change) (thay dầu) trong Hệ thống trung tâm thông tin cho người lái (DIC) khi khởi động xe, hệ thống kiểm soát tuổi thọ dầu động cơ chưa được cài đặt lại. Lặp lại quy trình trên.

CHÚ Ý

Luôn cài đặt lại hệ thống kiểm soát tuổi thọ dầu động cơ mỗi lần thay dầu.

Nước làm mát động cơ

Nước làm mát giúp chống đóng băng khi nhiệt độ xuống khoảng -28 °C.

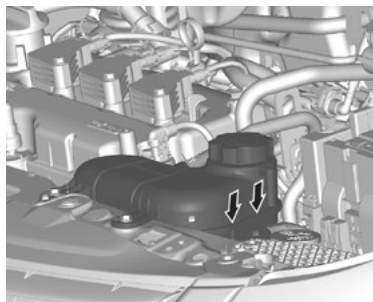
Tại các quốc gia có nhiệt độ quá thấp, nước làm mát được bơm tại nhà máy giúp bảo vệ chống đóng băng khi nhiệt độ xuống khoảng -37 °C.

CHÚ Ý

Chỉ sử dụng chất chống đông được khuyến dùng.

Mức nước làm mát**CHÚ Ý**

Mức nước làm mát quá thấp có thể làm hỏng động cơ.



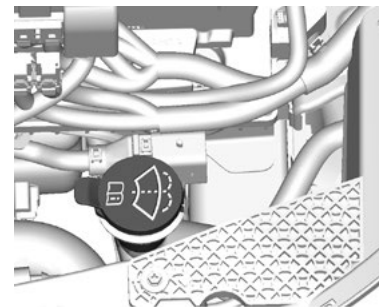
Nếu hệ thống làm mát đang nguội, mức nước làm mát nên ở trên vạch đánh dấu.

CẢNH BÁO

Để động cơ nguội trước khi mở nắp. Mở nắp cẩn thận, để áp suất xả từ từ.

Để bơm nước làm mát, sử dụng hỗn hợp theo tỉ lệ 1:1 nước làm mát cô đặc trộn với nước máy sạch. Nếu không có sẵn nước làm mát cô đặc, hãy dùng nước máy sạch. Đóng chặt nắp.

Hãy để xưởng sửa chữa kiểm tra nước làm mát cô đặc và khắc phục nguyên nhân gây cạn nước làm mát.

Nước rửa kính

Đổ đầy nước sạch trộn với một lượng nước rửa kính có chứa chất chống đông.

CHÚ Ý

Chỉ loại nước rửa kính có đủ nồng độ chất chống đông mới giúp bảo vệ khi nhiệt độ xuống thấp hoặc trong điều kiện nhiệt độ giảm đột ngột. Dùng nước rửa kính có chứa isopropanol có thể làm hỏng các đèn ngoài xe.

Phanh

Trong trường hợp độ dày má phanh chỉ còn ở mức tối thiểu, sẽ xuất hiện tiếng rít khi phanh. Bạn có thể tiếp tục lái xe nhưng hãy thay má phanh sớm nhất có thể.

Sau khi thay má phanh mới, tránh phanh gấp khi không cần thiết trong những lần đi đầu tiên.

Dầu phanh**CẢNH BÁO**

Dầu phanh là chất độc hại và ăn mòn. Tránh tiếp xúc với mắt, da, vải và các bề mặt sơn.



Mức dầu phanh phải nằm giữa các dấu chỉ **MIN** và **MAX**. Nếu mức dầu nằm dưới dấu **MIN**, hãy liên hệ xưởng sửa chữa để được giúp đỡ. Dầu phanh và dầu ly hợp. *Dung dịch và dầu bôi trơn khuyến dùng ▶T. 197.*

Ắc quy

Không cần bảo dưỡng ắc quy nếu cách lái xe cho phép sạc đầy bình ắc quy.

Lái xe quãng đường ngắn và thường xuyên khởi động động cơ có thể xả hết điện ắc quy. Tránh sử dụng các thiết bị tiêu thụ điện không cần thiết.



Ắc quy không phải là chất thải sinh hoạt. Chúng phải được xử lý tại điểm thu gom tái chế thích hợp.

Không sử dụng xe trên 4 tuần có thể dẫn đến hết điện ắc quy. Tháo kẹp ra khỏi đầu cực âm của ắc quy xe.

Đảm bảo tắt khóa khởi động trước khi lắp hoặc tháo ắc quy xe.

■ Nhãn cảnh báo



Ý nghĩa các biểu tượng

- Không sử dụng tia lửa, ngọn lửa hoặc hút thuốc.
- Sử dụng kính bảo vệ mắt. Các chất khí bốc hơi có thể gây mù hoặc thương tích.
- Để ắc quy xe tránh xa tầm với của trẻ nhỏ.

- Ắc quy xe có chứa axit sulphuric có thể gây mù mắt hoặc thương tích nghiêm trọng do bị bỏng.
- Hãy xem sách Hướng dẫn sử dụng để có thêm thông tin chi tiết.
- Khí bay hơi có thể xuất hiện xung quanh ắc quy xe.

Thay lưỡi cần gạt nước

■ Lưỡi cần gạt nước trên kính chắn gió

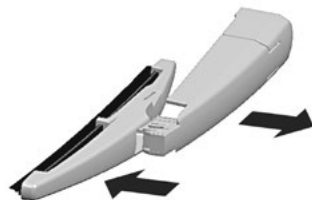


Nâng cần gạt nước lên. Ấn cần nhả và tháo lưỡi cần gạt nước ra.

Gắn lưỡi cần gạt nước hơi nghiêng về phía cần gạt nước và đẩy cho đến khi khớp vào.

Cẩn thận hạ cần gạt nước xuống.

■ Lưỡi cần gạt nước trên cửa sổ sau



Nâng cần gạt nước lên. Đẩy lưỡi cần gạt nước, hơi nghiêng về phía cần gạt nước, xuống dưới cho đến khi nhả khớp.

Gắn lưỡi cần gạt nước hơi nghiêng về phía cần gạt nước và đẩy cho đến khi khớp vào.

Cẩn thận hạ cần gạt nước xuống.

⚠ CHÚ Ý

Các cần gạt nước kính chắn gió hoạt động chuẩn xác là một yếu tố cần thiết để có tầm nhìn rõ và lái xe an toàn. Thường xuyên kiểm tra tình trạng của các cần gạt nước kính chắn gió. Thay thế các lưỡi cần gạt nước cứng, giòn hoặc nứt, hoặc những lưỡi cần gạt nước để lại vết bẩn trên kính chắn gió.

Các vật lạ trên kính chắn gió hoặc lưỡi cần gạt nước có thể làm giảm tác dụng gạt nước. Nếu các lưỡi cần gạt nước không gạt nước đúng cách, hãy dùng chất tẩy rửa loại tốt hoặc chất tẩy nhẹ để vệ sinh cả kính chắn gió và các lưỡi gạt nước, sau đó rửa sạch lại bằng nước.

Lặp lại quy trình nếu cần thiết. Không thể loại bỏ silicon ở trên kính. Vì vậy, không được đánh bóng bằng silicon, phủ sáp kính chắn gió của xe, nếu không sẽ xuất hiện những vết xước và làm rung lưỡi cần gạt nước, làm giảm tầm nhìn của người lái. Không sử dụng dung môi, xăng, dầu hỏa hoặc chất pha loãng màu để vệ sinh cần gạt nước. Đây là những chất liệu có hại và có thể làm hỏng các lưỡi gạt nước cũng như các bề mặt sơn.

Thay bóng đèn

Thay bóng đèn

Tắt động cơ và các công tắc liên quan hoặc đóng các cửa xe lại. Chỉ cầm phần đuôi của bóng đèn mới! Không chạm tay trần vào phần thủy tinh của bóng đèn. Chỉ thay bóng mới cùng loại với bóng cũ.

Thay bóng đèn pha từ bên trong khoang động cơ.

■ Kiểm tra bóng đèn

Sau khi thay bóng đèn, bật công tắc khóa khởi động, vận hành và kiểm tra các đèn.

⚠ CHÚ Ý

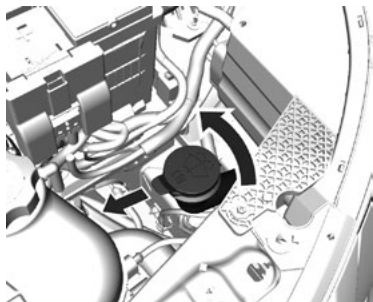
Không thay thế bóng đèn sợi đốt bằng bóng đèn thay thế LED không chính hãng. Nếu không có thể làm hỏng hệ thống điện của xe.

Bóng đèn halogen**⚠ CẢNH BÁO**

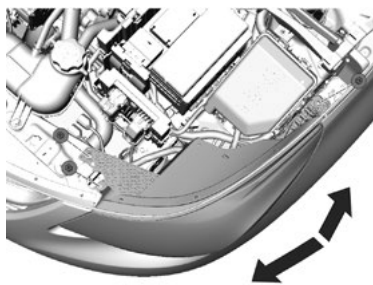
Bóng đèn Halogen có khí nén bên trong và có thể vỡ nếu làm rơi hoặc làm xước bóng đèn. Bạn và người khác có thể bị thương. Hãy đọc và tuân theo chỉ dẫn trên hộp đựng bóng đèn.

Đèn LED

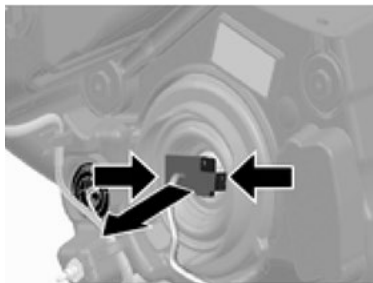
Xe này được trang bị nhiều đèn LED. Để thay thế bất kỳ cụm đèn LED nào, hãy liên hệ với đại lý của bạn.

Đèn pha**■ Đèn cốt và đèn pha**

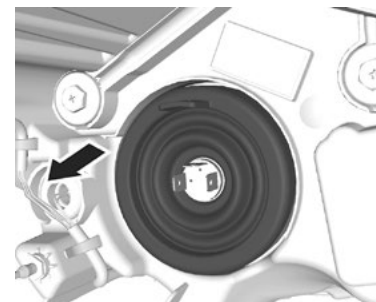
1. Ở phía bên trái xe, xoay và kéo ống nạp ra khỏi bình đựng dung dịch nước rửa kính chắn gió.



2. Tháo 3 vít.
3. Cẩn thận kéo cụm đèn pha ra khỏi các chốt giữ và tháo ra như hình minh họa, đảm bảo ống cấp vẫn nằm nguyên vị trí.



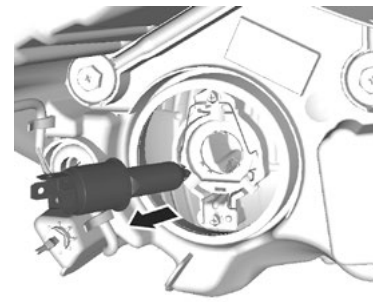
4. Tháo đầu nối dây cắm ra khỏi bóng đèn.



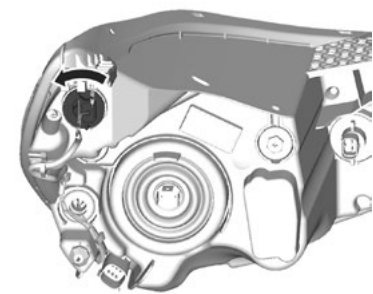
5. Tháo nắp chụp bảo vệ.



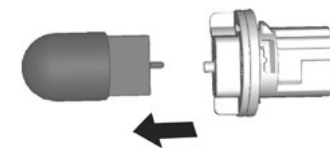
6. Ấn kẹp lò xo và tháo nó ra.



7. Tháo bóng đèn ra khỏi cụm chóa phản xạ.
8. Khi lắp bóng đèn mới, gài vấu vào các rãnh trên chóa phản xạ.
9. Gài kẹp lò xo vào.
10. Lắp nắp chụp bảo vệ đèn pha vào vị trí cũ và đóng lại.

Đèn chạy ban ngày (DRL)**■ Đèn đỗ/Đèn chạy ban ngày**

1. Xoay đuôi đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.



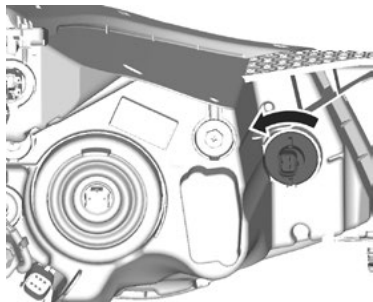
2. Tháo bóng đèn ra khỏi đuôi đèn và thay bóng mới.
3. Lắp đuôi đèn vào chóa phản xạ và xoay theo chiều kim đồng hồ.

Đèn sương mù

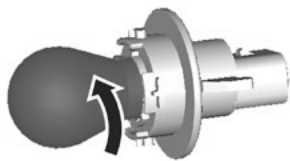
1. Nghiêng bánh xe và tháo 2 đai ốc ấn bên ngoài tấm lót bánh xe.



2. Tháo đầu nối điện khỏi đui đèn.
3. Tháo và kéo thẳng cụm bóng đèn ra khỏi đèn.
4. Lắp bóng đèn mới vào đui đèn.
5. Lắp thẳng lại cụm bóng đèn vào đèn.
6. Nối lại đầu nối điện.

Đèn báo rẽ phía trước

1. Xoay đui đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra.



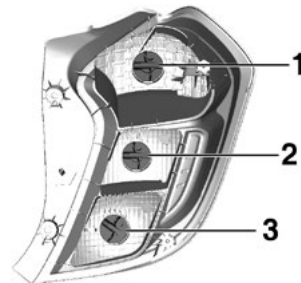
2. Xoay bóng đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra khỏi đui đèn.
3. Thay bóng đèn.
4. Lắp đui đèn vào chóa phản xạ và xoay theo chiều kim đồng hồ.

Đèn hậu

- Đèn hậu, đèn báo rẽ, đèn dừng và đèn lùi



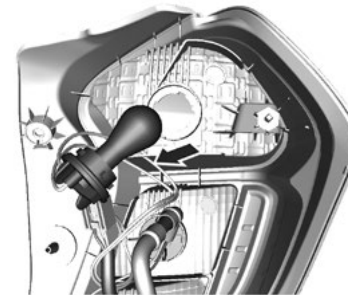
1. Tháo cả hai vít.
2. Tháo cụm đèn hậu. Chú ý giữ nguyên vị trí ống cáp.



3. Đèn hậu/đèn dừng (1)
Đèn báo rẽ (2)
Đèn lùi (3)



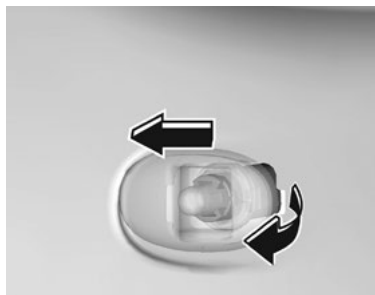
4. Xoay đui đèn ngược chiều kim đồng hồ.



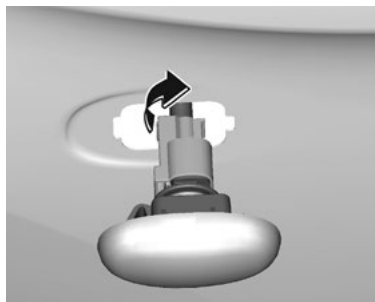
5. Tháo đui đèn ra. Ấn nhẹ bóng đèn vào chân cắm, xoay ngược chiều kim đồng hồ để tháo bóng cũ ra và thay bóng mới.
6. Lắp đui đèn vào cụm đèn hậu và vít cố định vào vị trí. Cắm đầu nối điện. Lắp cụm đèn hậu vào khung xe và vặn chặt các vít. Đậy nắp và cài vào.
7. Bật khóa khởi động, vận hành và kiểm tra tất cả các đèn.

Đèn báo rẽ bên cạnh

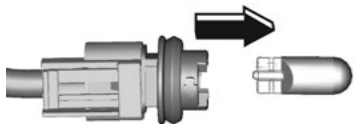
Tháo hộp đèn ra để thay bóng:



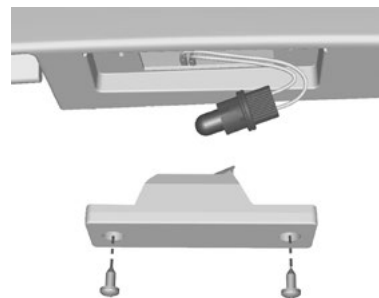
1. Trượt đèn về phía trước và tháo phần sau ra khỏi cánh trước.



2. Xoay đui đèn ngược chiều kim đồng hồ và tháo ra khỏi hộp đèn.



3. Tháo bóng đèn ra khỏi đui đèn và thay bóng mới.
4. Lắp đui đèn vào và xoay theo chiều kim đồng hồ.
5. Lắp phần trước vào trong cánh trước, trượt về phía trước và lắp phần sau vào.

Đèn soi biển số

1. Tháo cả hai vít.
2. Kéo hộp đèn xuống dưới, cẩn thận không kéo dây cáp. Xoay đui đèn ngược chiều kim đồng hồ để tháo ra.
3. Tháo bóng đèn ra khỏi đui đèn và thay bóng mới.
4. Lắp đui đèn vào hộp đèn và xoay theo chiều kim đồng hồ.
5. Lắp cụm bóng đèn vào và dùng tua vít vặn chặt lại.

Hệ thống điện**Cầu chì**

Thông số của cầu chì thay thế phải tương ứng với thông số của cầu chì hỏng. Trên xe có hai hộp cầu chì:

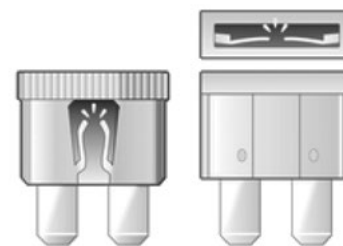
- Ở phía trước bên trái của khoang động cơ
- Bên trong khoang hành khách trên xe tay lái thuận hoặc phía sau hộp đựng găng tay trên các xe tay lái nghịch.

Trước khi thay cầu chì, tắt công tắc điện tương ứng và khóa khởi động.

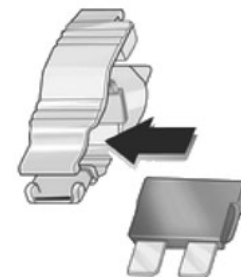
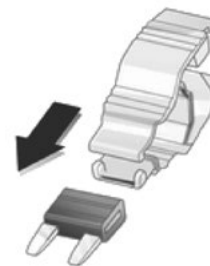
Bạn có thể nhận biết cầu chì bị nổ khi thấy sợi dây bị cháy. Không thay cầu chì khi chưa khắc phục được nguyên nhân gây lỗi.

Một số chức năng được nhiều cầu chì bảo vệ.

Có thể có cầu chì được lắp sẵn mà không có chức năng nào.

**Kim nhỏ cầu chì**

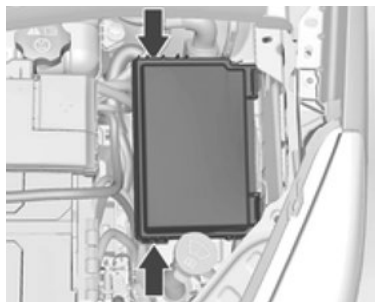
Kim nhỏ cầu chì được đặt trong hộp cầu chì trong khoang động cơ.





Đặt kim nhỏ cầu chì ở phía trên hoặc bên cạnh các loại cầu chì và rút cầu chì ra.

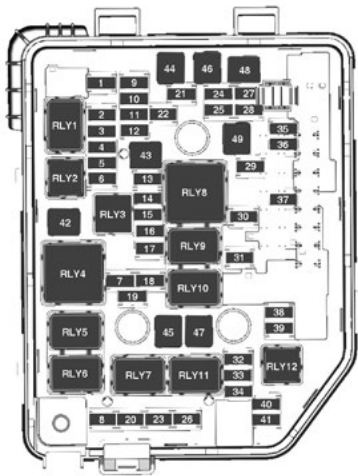
Hộp cầu chì khoang động cơ



Hộp cầu chì ở phía trước bên trái khoang động cơ.

Gỡ nắp đậy, nâng lên và tháo ra. Sau khi thay cầu chì hỏng, đóng nắp hộp cầu chì và ấn cho đến khi vào khớp.

Nếu không đóng nắp hộp cầu chì đúng cách, có thể gây ra sự cố.



Số Mạch

1.	Chốt khóa cửa hậu
2.	Cảm biến tốc độ đầu ra hộp số
3.	Khử sương kính sau
4.	Bộ sấy gương chiếu hậu ngoài
5.	Cửa nóc
6.	Mô-đun điều khiển hộp số biến thiên vô cấp
7.	Cảm biến lưu lượng gió
8.	-
9.	Van hệ thống chống bó cứng phanh
10.	Điều khiển điện áp đã điều chỉnh
11.	Camera lùi
12.	Mô-đun điều khiển điện trung tâm

13.	-
14.	Mô-đun điều khiển động cơ/ Mô-đun điều khiển hộp số
15.	Mô-đun điều khiển phun nhiên liệu/Máy khởi động
16.	Mô-tơ bơm nhiên liệu
17.	Mô-đun điều khiển động cơ 1
18.	Mô-đun điều khiển động cơ 2
19.	Kim phun, khóa khởi động
20.	Hệ thống điều hòa không khí
21.	Cảm biến ắc quy thông minh
22.	Khóa trụ lái điện
23.	Chế độ gió thấp
24.	Cảm biến hệ thống khóa ảo

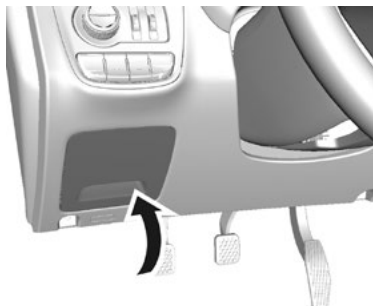
25.	Công tắc gương chiếu hậu ngoài
26.	Mô-đun điều khiển động cơ/Hộp số sàn tự động
27.	Van điện tử thông hơi bầu lọc
28.	-
29.	Cảm biến ghế bên phụ
30.	Mô-tơ cân bằng đèn pha
31.	Còi
32.	Đèn sương mù phía trước
33.	Đèn pha trái
34.	Đèn pha phải
35.	Máy ion hóa chất lượng không khí
36.	Mô-tơ cản gạt nước sau
37.	Đèn cua trái
38.	Mô-tơ bơm nước rửa

39.	Đèn cua phải
40.	-
41.	Cảm biến hệ thống khóa ảo
42.	Máy khởi động 2
43.	Trung tâm điện gắn trong bảng táp lô
44.	Hộp số sàn tự động/bộ chuyển đổi DC-DC
45.	Máy khởi động 1
46.	Bơm hệ thống chống bó cứng phanh
47.	Chế độ gió cao
48.	Mô-tơ cản gạt nước trước
49.	Phụ kiện trung tâm điện gắn trong bảng táp lô/ Nguồn RAP

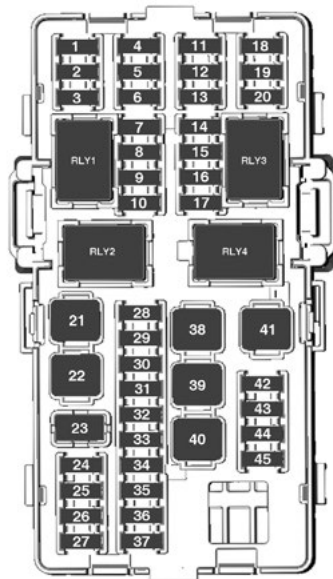
Rơ le

Số Mạch	
1.	Rơ le khử sương kính sau
2.	Rơ le TCM
3.	Rơ le mô tơ bơm nhiên liệu
4.	Rơ le STRTR SOL2
5.	Rơ le ly hợp điều hòa không khí
6.	-
7.	Rơ le quạt thấp
8.	Rơ le RUN/CRNK
9.	Rơ le PWR/TRN
10.	Rơ le STRTR SOL 1
11.	Rơ le quạt cao
12.	Rơ le đèn sương mù phía trước

Hộp cầu chì bảng táp lô



Trong các xe tay lái thuận, hộp cầu chì nằm sau khoang hành khách trong bảng táp lô. Mở khoang chứa đồ, ép các vấu khóa, gập khoang xuống và tháo ra.



Số Mạch

1.	Hệ thống dịch vụ Onstar	15.	Hệ thống khởi động thông minh	28.	Mô đun điều khiển thân xe 8
2.	Mô đun HVAC	16.	Ổ khóa khởi động logic rời rạc (Không dừng & khởi động CVT)	29.	Mô đun điều khiển thân xe 7
3.	Cụm đồng hồ bảng láp tô	17.	Tránh va chạm phía trước	30.	Mô đun điều khiển thân xe 6
4.	Mô đun điều khiển hộp số biến thiên vô cấp	18.	Cụm đồng hồ bảng láp tô	31.	Mô đun điều khiển thân xe 5
5.	Radio	19.	Màn hình cảnh báo đèn LED phản chiếu	32.	Mô đun điều khiển thân xe 4
6.	Mô đun điều khiển thân xe 1 (Dừng & Khởi động CVT)	20.	Công tắc cân bằng đèn trước	33.	Mô đun điều khiển thân xe 3
7.	Cảnh báo điểm mù hông xe/hỗ trợ đỗ xe phía sau	21.	Cửa sổ điện trước	34.	Mô đun điều khiển thân xe 2 (Không dừng & Khởi động CVT)
8.	Kết nối liên kết dữ liệu	22.	Cửa sổ điện sau	35.	Mô đun điều khiển thân xe 1 (Không dừng & Khởi động CVT)
9.	Khóa trụ lái điện	23.	-	36.	Công tắc khởi động logic riêng biệt (dừng & khởi động CVT)
10.	Mô đun cảm biến và chẩn đoán	24.	Mô đun hộp số sàn tự động	37.	Đèn nền bộ điều khiển trên vô lăng
11.	Bộ chuyển đổi DC-DC	25.	Ổ cắm điện phụ		
12.	Mô đun hệ thống hệ thống khóa ảo	26.	Cửa nóc		
13.	Hệ thống thu phí cầu đường điện tử	27.	Mô đun cửa trung tâm		
14.	Mô đun điện tuyến tính (NON KOR)				

38.	Mô đun điện tuyến tính (chỉ riêng KOR)
39.	Logistic/Bộ chuyển đổi DC-DC
40.	Cửa sổ điện nâng hạ nhanh bên lái
41.	Mô tơ quạt gió
42.	Ghế có sưởi trước
43.	Mô đun HVAC
44.	Vô lăng có sấy
45.	Mô đun điều khiển thân xe 2 (Dùng & Khởi động CVT)

■ Rơ le

Số	Mạch
1.	Rơ le logistic
2.	Rơ le ACC/RAP
3.	Rơ le IRAP
4.	Rơ le RUN

Bộ dụng cụ sửa xe

Dụng cụ

■ Xe có bánh dự phòng



Kích và bộ dụng cụ xe nằm trong khoang chứa đồ.

Thay lốp xe → T. 179.

Lốp dự phòng → T. 183.

Bánh xe và lốp xe

Bánh xe và lốp xe

■ Tình trạng lốp xe, bánh xe

Nếu có thể hãy lái xe từ từ qua các mép và ở góc độ phù hợp. Lái xe qua những gờ cạnh sắc có thể làm hỏng lốp và bánh xe. Không để lốp xe bị kẹt trên lề đường khi đỗ xe.

Thường xuyên kiểm tra bánh xe có hư hỏng gì không. Trong trường hợp bánh xe bị hỏng hoặc mòn bất thường, hãy liên hệ với đại lý ủy quyền để được hỗ trợ.

Lốp dùng cho mùa đông

Chiếc xe này sẽ không được trang bị lốp mùa đông theo xe. Lốp dùng cho mùa đông được thiết kế để làm tăng độ bám

đường trên những con đường phủ tuyết hoặc băng. Cân nhắc lắp lốp dùng cho mùa đông nếu thường xuyên lái xe trên đường phủ tuyết hoặc băng. Hãy liên hệ đại lý phân phối để có thêm thông tin chi tiết về loại lốp dùng cho mùa đông có sẵn và loại lốp thích hợp dùng cho xe.

Lốp dùng cho mùa đông có thể làm giảm độ bám đường khô, làm tăng tiếng ồn trên đường và có tuổi thọ gai lốp ngắn hơn. Sau khi thay sang lốp dùng cho mùa đông, hãy chú ý tới những thay đổi trong cách vận hành và phanh xe.

Khi sử dụng lốp dùng cho mùa đông:

- Dùng lốp có cùng nhãn hiệu và loại bố lốp trên cả bốn vị trí bánh xe.
- Chỉ sử dụng lốp bố tỏa tròn có cùng kích thước, phạm vi

tải và chỉ số tốc độ lốp như lốp nguyên bản.

Lốp dùng cho mùa đông có cùng định mức tốc độ với lốp nguyên bản của xe, có thể không có sẵn với các loại lốp được xếp hạng giới hạn tốc độ H, V, W, Y và ZR. Nếu chọn lốp dùng cho mùa đông có định mức tốc độ thấp hơn, không vượt quá giới hạn tốc độ tối đa cho phép của lốp.

Các ký hiệu trên lốp xe

Ví dụ: **185/65 R 15 91 H**

185	Chiều rộng lốp, mm
65	Tỷ lệ mặt cắt (chiều cao/chiều rộng), %
R	Cấu trúc bố: Bố dạng tỏa tròn
RF	Loại: Lốp chống xịt

15	Đường kính bánh xe, inch
91	Chỉ số tải trọng, ví dụ 91 tương đương với 615 kg
H	Mã tốc độ bằng chữ cái

Mã tốc độ bằng chữ cái:

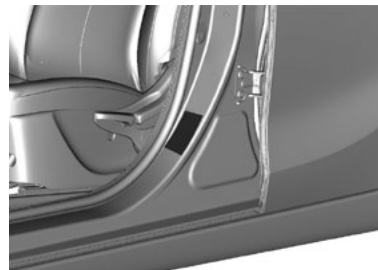
Q	Tối đa 160 km/h
S	Tối đa 180 km/h
T	Tối đa 190 km/h
H	Tối đa 210 km/h
V	Tối đa 240 km/h
W	Tối đa 270 km/h

■ Lốp có quy định hướng

Lắp lốp quy định hướng sao cho lốp quay đúng hướng. Hướng quay đúng được ký hiệu bằng biểu tượng (ví dụ: mũi tên) trên thành lốp.

Áp suất lốp

Kiểm tra áp suất lốp nguội với tần suất tối thiểu 14 ngày và trước mỗi chuyến đi dài. Không được quên bánh xe dự phòng. Điều này cũng áp dụng cho các xe có hệ thống giám sát áp suất lốp. Tháo vít nắp van.



Áp suất lốp → T. 205.

Nhãn thông tin áp suất lốp trên khung cửa trái biểu thị thông số của lốp nguyên bản và áp suất lốp tương ứng.

Luôn bơm lốp dự phòng đến áp suất quy định khi chở đầy tải.

Áp suất lốp không đúng sẽ làm giảm an toàn, vận hành xe, tiện nghi và mức tiết kiệm nhiên liệu và làm tăng độ mòn lốp.

Áp suất lốp khác nhau tùy vào các tùy chọn khác nhau. Tuân theo quy trình dưới đây để đạt được đúng giá trị áp suất lốp:

1. Xác định mã nhận dạng động cơ. *Thông số động cơ* → T. 202.
2. Xác định lốp tương ứng.

Bảng áp suất lốp thể hiện tất cả các bộ lốp khả thi. *Áp suất lốp* → T. 205.

Đối với lốp được duyệt cho xe của bạn, hãy tham khảo Chứng nhận phù hợp EEC đi kèm xe hoặc các tài liệu đăng kiểm khác.

Lái xe có trách nhiệm điều chỉnh áp suất lốp chính xác.

⚠ CẢNH BÁO

Áp suất lốp quá thấp có thể làm lốp nóng lên đáng kể và bị hư hỏng bên trong, dẫn đến bong bố lốp và thậm chí nổ lốp khi xe đạt tốc độ cao.

Hãy tắt khóa khởi động nếu cần phải tăng hoặc giảm áp suất lốp trên xe có hệ thống giám sát áp suất lốp.

Sau khi điều chỉnh áp suất lốp, hãy bật khóa khởi động và chọn thiết lập tương ứng trong trang Tải trọng lốp phân *Hệ thống trung tâm thông tin cho người lái (DIC)* → T. 57.

Độ sâu gai lốp

Định kỳ kiểm tra độ sâu gai lốp. Vì lý do an toàn nên thay lốp có độ sâu gai lốp 2-3 mm (4 mm đối với lốp dành cho mùa đông).

⚠ CẢNH BÁO

Không sử dụng lốp và bánh xe không cùng kích thước và chủng loại với lốp và bánh xe ban đầu. Việc này có thể ảnh hưởng đến mức độ an toàn và hiệu năng của xe, dẫn tới lỗi đánh lái, lật xe và gây thương tích nghiêm trọng. Khi thay lốp phải đảm bảo lắp cả bốn lốp xe và bánh xe có cùng kích thước, chủng loại, gân lốp, nhãn hiệu và khả năng chịu tải. Việc sử dụng bất kỳ lốp có kích thước và chủng loại khác có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc lái xe, điều khiển xe, khoảng sáng gầm xe, khoảng cách dừng, khoảng trống thân xe và độ tin cậy của đồng hồ đo tốc độ.

Vì lý do an toàn, độ sâu gai lốp của các lốp trên cùng một trục không nên chênh quá 2 mm.



Độ sâu gai lốp tối thiểu theo quy định (1,6 mm) đạt được khi mòn đến một trong các chỉ số độ mòn lốp (TWI). Vị trí chỉ số độ mòn lốp được đánh dấu trên thành lốp.

Lốp xe bị lão hóa ngay cả khi không sử dụng. Chúng tôi khuyến nghị nên thay lốp 6 năm/lần.

■ Thay đổi kích thước lốp và bánh xe

Nếu sử dụng lốp có kích thước khác với loại lốp do nhà sản xuất lắp đặt, có thể phải lập trình lại đồng hồ đo tốc độ và áp suất lốp định danh và thực hiện một số thay đổi khác cho xe.

Sau khi chuyển sang kích thước lốp khác, hãy thay thế nhãn áp suất lốp theo loại lốp mới.

⚠ CẢNH BÁO

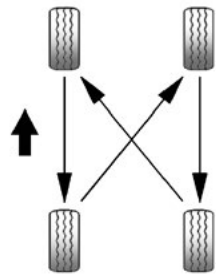
Sử dụng lốp hoặc bánh xe không phù hợp có thể dẫn đến tai nạn và làm mất đi các đặc tính vốn có của xe.

Đảo lốp

Chúng tôi khuyến nghị như sau:

Nên đảo lốp sau mỗi 12.000 km. Đảo lốp để đạt được độ mòn đồng nhất cho tất cả các lốp. Đảo lốp lần đầu tiên là quan trọng nhất. Bất kỳ thời điểm nào nhận thấy có hiện tượng mòn bất thường, hãy đảo lốp sớm nhất có thể và kiểm tra độ thẳng của bánh xe. Đồng thời, hãy kiểm tra xem lốp hoặc bánh xe có hư hỏng không.

Điều kiện và kỹ thuật lái xe, tải trọng xe và thời tiết có thể đòi hỏi kiểm tra lốp và đảo lốp thường xuyên hơn.



Lốp trước và sau có thể mòn khác nhau tùy thuộc vào:

- Loại đường xe đi
- Thói quen lái xe
- Áp suất lốp
- Góc đặt bánh xe và sự cân bằng bánh xe

Nên lắp lốp mới theo cặp vào phía trước. Nếu chỉ thay một lốp, hãy ghép trên cùng trục với lốp ít mòn nhất trong ba lốp còn lại.

Kiểm tra để chắc chắn đã siết chặt các ốc bánh xe. Xem “Lực siết đai ốc bánh xe” bên dưới.

Xem *Dung tích và thông số kỹ thuật* → T. 205.

Quãng đường kiểm tra sự kéo lái

Chúng tôi khuyến nghị bạn nên lái chiếc xe mới của bạn ít nhất 800 km trước khi đánh giá mức độ kéo lái của xe.

Mua lốp xe mới

Tham khảo nhãn thông số kỹ thuật lốp trên xe để biết kích thước lốp và định mức tải trọng.

Sử dụng lốp khác kích thước hoặc chủng loại có thể ảnh hưởng:

- Việc lái xe
- Xử lý xe
- Độ chính xác của đồng hồ đo tốc độ
- Khoảng sáng gầm xe
- Khe hở lốp
- Khe hở xích khi đi đường tuyết

⚠ CẢNH BÁO

Không sử dụng lốp và bánh xe không cùng kích thước và chủng loại với lốp và bánh xe ban đầu. Nếu không có thể ảnh hưởng tới mức độ an toàn và tính năng của xe. Điều này cũng có thể ảnh hưởng tới khả năng xử lý xe và dẫn tới thương tích nghiêm trọng.

Khi thay lốp hãy lắp cả bốn lốp xe và bánh xe có cùng kích thước, chủng loại, gai lốp, nhãn hiệu và khả năng chịu tải.

Nắp chụp bánh xe

Phải sử dụng nắp chụp bánh xe và lốp xe được nhà sản xuất phê duyệt cho loại xe tương ứng và đáp ứng toàn bộ các quy định về kết hợp bánh và lốp xe liên quan.

Nếu không dùng nắp chụp

bánh xe và lốp xe được nhà sản xuất phê duyệt, lốp xe không được có gờ bảo vệ vành lốp.

Nắp chụp bánh xe không được ảnh hưởng tới tính năng làm mát phanh.

⚠ CẢNH BÁO

Việc sử dụng lốp xe hoặc nắp chụp bánh xe không phù hợp có thể dẫn tới mất áp suất đột ngột và gây ra tai nạn.

⚠ CẢNH BÁO

Hư hỏng có thể dẫn đến nổ lốp.

Chỉ được phép sử dụng xích chống trượt cho lốp có kích thước 165/65 R14.

Không được phép sử dụng xích chống trượt cho lốp có kích thước 185/55 R15.

Không được phép sử dụng xích chống trượt cho bánh xe dự phòng tạm thời.

Thay lốp xe

Một số xe được trang bị bộ dụng cụ sửa lốp thay cho bánh xe dự phòng.

Xích lốp



Chuẩn bị các mục sau và chú ý các thông tin sau:

- Đỗ xe trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn và không trơn trượt. Các bánh trước nằm ở vị trí hướng thẳng về phía trước.
- Sử dụng phanh tay.
Đối với hộp số sàn, hãy cài số 1 hoặc số lùi.
- Tháo bánh xe dự phòng.
Xem phần “Bánh xe dự phòng tạm thời” trong *Lớp dự phòng* → T. 183.
- Chỉ được thay một bánh một lúc.
- Chỉ sử dụng kích để thay bánh xe trong trường hợp thùng lớp, không dùng kích để thay lốp dùng cho mùa đông hoặc mùa hè. Kích là thiết bị không cần bảo trì.
- Nếu bề mặt đỗ xe mềm, hãy đặt kích lên trên một miếng

đệm cứng (dày không quá 1 cm (0,4 inch)). Lấy các vật nặng ra khỏi xe trước khi kích xe lên.

- Không được có người hoặc vật nuôi trên xe khi đang kích xe lên.
- Không chui xuống dưới gầm xe đã được kích lên.
- Không được khởi động xe khi xe đã được kích lên.
- Vệ sinh đai ốc và ren bánh xe trước khi lắp.
- Không bôi trơn bu lông, đai ốc và nón chụp đai ốc bánh xe.

■ Thay bánh xe

Chuẩn bị các mục sau và chú ý các thông tin sau:

- Đỗ xe trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn và không trơn trượt. Các bánh trước nằm ở vị trí hướng thẳng về phía trước.
- Sử dụng phanh tay và cài xe

vào số 1, số lùi hoặc P.

- Chỉ được thay một bánh một lúc.
- Chỉ sử dụng kích để thay bánh xe trong trường hợp thùng lớp, không dùng kích để thay lốp dùng cho mùa đông hoặc mùa hè.
- Kích là thiết bị không cần bảo trì.
- Nếu bề mặt đỗ xe mềm, hãy đặt kích lên trên một miếng đệm cứng (dày không quá 1 cm).
- Lấy các vật nặng ra khỏi xe trước khi kích xe lên.
- Không được có người hoặc vật nuôi trên xe khi đang kích xe lên.
- Không chui xuống dưới gầm xe đã được kích lên.
- Không được khởi động xe khi xe đã được kích lên.
- Dùng vải sạch để vệ sinh đai ốc và ren bánh xe trước khi lắp.



CẢNH BÁO

Không bôi trơn bu lông, đai ốc và nón chụp đai ốc bánh xe.

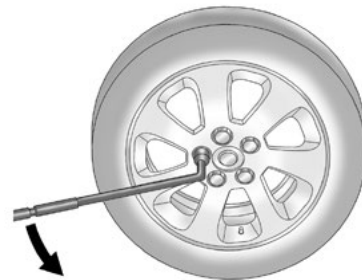
1. Bánh xe thép:

Tháo nắp chụp bánh xe.

Bánh xe hợp kim có nắp chụp giữa:

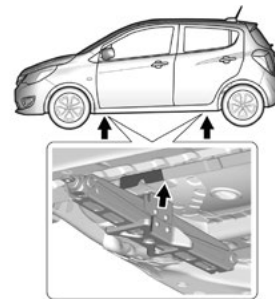
Đưa kim kẹp vào khe hở nắp chụp giữa và kéo nắp chụp ra khỏi bánh xe.

Dụng cụ → T. 174.

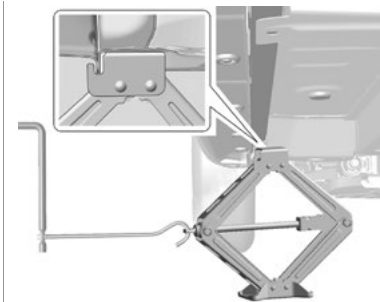


2. Lắp chặt cờ lê bánh xe và nối lỏng các đai ốc bánh xe ra nửa vòng.

Các bánh xe có thể được bảo vệ bằng các bu lông khóa. Để nối lỏng loại đai ốc này, trước tiên lắp ống nối cho bu lông lên đầu đai ốc trước khi đặt cờ lê. Ống nối này nằm trong hộp đựng găng tay.



3. Chú ý đặt kích đúng vào bên dưới điểm kích xe thích hợp.



4. Điều chỉnh kích tới chiều cao cần thiết.
Đặt kích ngay bên dưới điểm kích sao cho không bị trượt.
Lắp tay quay kích và với kích đã được đặt vào đúng vị trí, quay tay quay cho đến khi bánh xe được nâng lên khỏi mặt đất.
5. Tháo các đai ốc bánh xe ra.
6. Thay bánh xe.
7. Vận lại các đai ốc bánh xe.
8. Hạ xe xuống.
9. Lắp chặt cờ lê bánh xe và

vặn chặt từng đai ốc theo trình tự chéo nhau.

⚠ CẢNH BÁO

Các đai ốc bánh xe nếu không được lắp đúng hoặc siết thiếu lực có thể làm bánh xe bị lỏng hoặc rơi ra. Nên dùng cần siết lực để siết chặt các đai ốc bánh xe tới lực siết phù hợp sau khi thay thế. Siết bằng lực được nhà sản xuất phụ tùng quy định khi sử dụng phụ kiện khóa đai ốc bánh xe. Xem *Dung tích và thông số kỹ thuật* ▶T.205 về chỉ số lực siết đai ốc thiết bị nguyên bản.

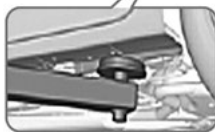
⚠ CHÚ Ý

Không siết chặt đai ốc bánh xe đúng cách có thể làm rung phanh và hỏng rotor. Để tránh tổn kém khi sửa chữa phanh, hãy

siết chặt đều các đai ốc bánh xe theo trình tự thích hợp và với lực siết thích hợp. Xem *Dung tích và thông số kỹ thuật* ▶T.205 về chỉ số lực siết đai ốc bánh xe.

10. Căn thẳng lỗ van trong nắp chụp bánh xe thép với van lốp xe trước khi lắp. Lắp nắp chụp đai ốc bánh xe hoặc nắp chụp giữa trên bánh xe hợp kim.
11. Lắp nắp đậy điểm kích xe.
12. Xếp gọn và cố định bánh xe thay thế, bộ dụng cụ sửa chữa xe và ống nối để khóa đai ốc bánh xe.
13. Kiểm tra áp suất lốp đã lắp và mô men xoắn đai ốc bánh xe sớm nhất có thể. Thay mới hoặc sửa lốp hỏng sớm nhất có thể.

■ Vị trí kích của sàn nâng



Vị trí cần trục sau của sàn nâng nằm chính giữa bên dưới rãnh ngưỡng cửa.



Vị trí cần trục trước của sàn nâng nằm ở gãm xe.

Lốp dự phòng

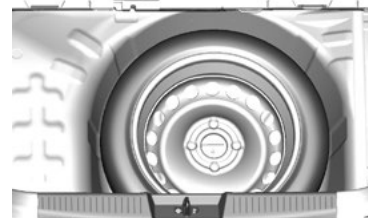
Một số xe được trang bị bộ dụng cụ sửa lốp thay cho bánh xe dự phòng.

Khi lắp bánh dự phòng, bánh xe này sẽ khác với các bánh xe còn lại, bánh xe này được coi là bánh dự phòng tạm thời và có áp dụng giới hạn tốc độ tương ứng dù không có nhãn quy định như vậy.

Hãy nhờ đại lý ủy quyền kiểm tra giới hạn tốc độ áp dụng. Bánh xe dự phòng này có vành thép.

⚠ CHÚ Ý

Sử dụng lốp dự phòng có kích thước nhỏ hơn các bánh xe còn lại hoặc sử dụng cùng lốp dùng cho mùa đông có thể làm ảnh hưởng tới khả năng lái xe. Thay thế lốp hỏng sớm nhất có thể.



Bánh xe dự phòng nằm trong khoang chứa đồ bên dưới tấm lót sàn và được cố định trong rãnh bằng bu lông có tai. Hộc bánh xe dự phòng không được thiết kế cho tất cả các kích

thước lốp được duyệt. Nếu phải cất lốp có chiều rộng lớn hơn bánh xe dự phòng vào hộc bánh xe dự phòng sau khi thay bánh, phủ tấm trải sàn lên trên phần bánh nhô ra.

■ Bánh xe dự phòng tạm thời

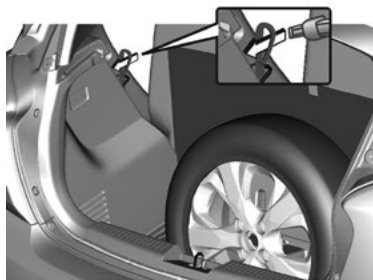
Sử dụng bánh xe dự phòng tạm thời có thể ảnh hưởng đến khả năng lái xe. Thay mới hoặc sửa lốp hỏng sớm nhất có thể.

Chỉ lắp một bánh xe dự phòng tạm thời. Không lái xe quá 80 km/h. Vào cua chậm. Không sử dụng trong thời gian dài.

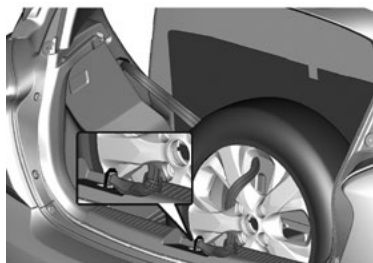
■ Cất bánh xe đã thay trong khoang chứa đồ bằng dây đai

Sử dụng dây đai trong hộp dụng cụ.
Dụng cụ ▶T. 174.

1. Tháo nắp khoang chứa đồ và nâng sàn khoang lên. Đặt thẳng hộp dụng cụ và bánh xe hỏng trong khoảng trống của hộp dụng cụ.
2. Kéo núm nhả trên đỉnh tựa lưng ghế sau về phía trước.



3. Đặt đầu móc gài dây đai từ hộp dụng cụ qua chốt khóa lưng ghế.
4. Đặt đầu móc dây đai qua móc gài và kéo cho đến khi dây đai thắt chặt vào chốt khóa lưng ghế.



5. Kéo tựa lưng ghế sau về phía sau.
6. Lắp móc vào chốt khóa cửa hậu.
7. Siết chặt dây đai và cố định bằng khóa cài.

Hỗ trợ khởi động

Hỗ trợ khởi động

Không sử dụng bộ sạc nhanh để khởi động. Có thể khởi động xe cạn ắc quy bằng dây sạc điện và bình ắc quy của xe khác.

CẢNH BÁO

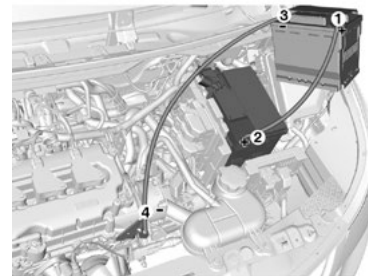
Hãy đặc biệt cẩn trọng khi sử dụng dây sạc điện để khởi động xe. Không tuân theo các hướng dẫn sau đây có thể dẫn đến thương tích hoặc hư hỏng do nổ bình ắc quy hoặc hư hỏng hệ thống điện của cả hai xe.

Tránh để mắt, da, vải và các bề mặt sơn tiếp xúc trực tiếp với dung dịch chứa axit sulphuric, làm vậy có thể gây thương tích và hư hỏng.

- Không để ắc quy gần ngọn lửa hoặc tia lửa.
- Ắc quy hết điện có thể đóng băng ở nhiệt độ 0 °C. Làm tan băng ắc quy đã đóng băng trước khi nối với dây sạc điện.
- Đeo kính bảo vệ mắt và mặc quần áo bảo hộ khi xử lý ắc quy.
- Sử dụng bộ ắc quy tăng áp có cùng mức điện áp (12 volt). Điện lượng (Ampe giờ) của ắc quy dự phòng không được ít hơn của ắc quy hết điện.
- Sử dụng dây sạc điện có đầu cách điện và có tiết diện cắt ngang tối thiểu là 16 mm² (25 mm² đối với động cơ diesel).
- Không được tháo ắc quy hết điện ra khỏi xe.
- Tắt tất cả thiết bị tiêu thụ điện không cần thiết trên xe.
- Không nghiêng ắc quy khi đang kích nổ động cơ.
- Không để các đầu cực của hai dây sạc điện khác nhau chạm

vào nhau.

- Hai xe không được chạm vào nhau trong quá trình thực hiện kích nổ động cơ.
- Sử dụng phanh tay và cài hộp số tự động ở vị trí số trung gian.
- Mở nắp chụp bảo vệ cực dương của cả hai ắc quy.



Thứ tự nối dây sạc điện:

1. Nối đầu dây đỏ với cực dương của bộ ắc quy tăng áp.
2. Nối đầu còn lại của dây đỏ với cực dương của bộ ắc quy hết điện.

3. Nối đầu dây đen với cực âm của bộ ắc quy tăng áp.
4. Nối đầu còn lại của dây đen với điểm nối đất của xe, ví dụ bu lông chặn động cơ hoặc bu lông lắp động cơ. Nối cách xa, ít nhất là 60 cm (24 inch).

Đi các dây sạc điện để không chạm vào các bộ phận chuyển động trong khoang động cơ.

Để khởi động động cơ:

1. Khởi động động cơ của xe hỗ trợ.
2. Sau 5 phút, khởi động động cơ của xe hết điện. Mỗi lần thử khởi động không được quá 15 giây và mỗi lần thử phải cách nhau 1 phút.
3. Để cả hai động cơ chạy không tải trong khoảng 3 phút khi vẫn nối dây sạc điện.
4. Bật các thiết bị tiêu thụ điện (ví dụ: đèn pha, kính chắn

gió phía sau có sẩy) của xe đang nhận hỗ trợ.

- Thực hiện ngược lại thứ tự trên để tháo các dây sạc điện.

Kéo xe

Kéo xe



CHÚ Ý

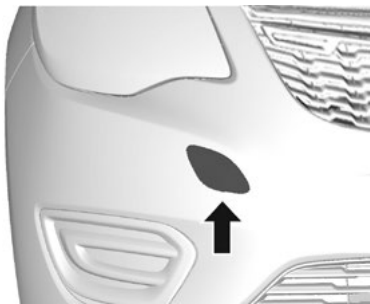
Kéo xe hỏng không đúng cách có thể gây ra hỏng hóc. Các hỏng hóc này sẽ không được bảo hành.

Không buộc hoặc móc vào các bộ phận treo. Sử dụng dây đai phù hợp quấn quanh lớp để cố định xe.

Chỉ dùng xe kéo cứu hộ sàn phẳng để chở xe hỏng. Không sử dụng máy nâng loại dây kéo vì có thể gây ra hỏng hóc. Sử dụng cầu nâng để giúp giảm góc tiếp cận nếu cần thiết. Bánh xe dẫn động của xe được kéo đi phải được nâng lên khỏi mặt đất.

Tham khảo dịch vụ kéo xe chuyên nghiệp nếu phải kéo xe bị hỏng đi.

Nếu không có sẵn dịch vụ kéo xe trong trường hợp khẩn cấp, có thể tạm thời kéo xe bằng cách buộc chặt dây thừng vào móc kéo khẩn cấp.



Dùng tua vít để tháo nắp chụp ra. Móc kéo được để cùng với bộ dụng cụ của xe. Xem *Dụng cụ* → T. 174.

Chăm sóc xe

Chăm sóc bên ngoài

■ Khóa

Khóa được bôi trơn tại nhà máy bằng mỡ trụ khóa chất lượng cao. Chỉ sử dụng chất làm tan băng khi thật sự cần thiết vì chất này gây tẩy mỡ bôi trơn và làm giảm tác dụng của khóa. Sau khi sử dụng chất làm tan băng, hãy đến xưởng sửa chữa để tra lại mỡ vào các ổ khóa.

■ Rửa xe

Lớp sơn xe luôn chịu tác động từ môi trường. Rửa và phủ sáp xe thường xuyên. Khi sử dụng dịch vụ rửa xe tự động, hãy chọn chế độ bao gồm phủ sáp xe.

Phải rửa sạch ngay phân chim, xác côn trùng, nhựa cây, phấn hoa và các chất tương tự vì chúng



CHÚ Ý

Lái chậm. Không lái giật cục. Kéo quá mạnh có thể làm hỏng xe.

Khi động cơ không hoạt động, cần nhiều lực hơn để đạp phanh và bẻ lái.

Để ngăn khí thải lọt vào xe kéo, bật hệ thống tuần hoàn không khí và đóng các cửa sổ.

Xe được kéo phải hướng đầu về phía trước, với tốc độ không quá 88 km/h. Trong tất cả các trường hợp khác và khi hộp số bị hỏng, cầu xe trước phải được nâng lên khỏi mặt đất.

Liên hệ với xưởng sửa chữa để được hỗ trợ.

Sau khi kéo, tháo móc kéo ra.

Lắp nắp chụp và đóng lại.



Vặn móc kéo vào sâu hết cỡ cho đến khi dừng lại ở vị trí nằm ngang. (Chạm vào đai ốc kéo.)

Móc kéo xe chỉ được sử dụng với mục đích kéo xe, không được dùng để cứu hộ xe bị kẹt.

Chỉ dùng móc kéo để kéo xe và không dùng để cứu xe bị sa lầy.

Bật khóa khởi động để nhả khóa trụ lái và cho phép vận hành đèn phanh, còi và cần gạt nước kính chắn gió.

Hộp số ở vị trí số trung gian.

có chứa các thành phần có thể làm hỏng sơn.

Nếu sử dụng dịch vụ rửa xe, hãy tuân theo hướng dẫn rửa xe của nhà cung cấp dịch vụ. Phải tắt cần gạt nước kính chắn gió và gạt nước kính sau. Khóa xe để không thể mở cửa nạp nhiên liệu. Tháo ăng ten và các phụ kiện bên ngoài như khung chở hành lý gắn trên nóc xe.

Nếu rửa xe bằng tay, hãy chú ý rửa sạch cả bên trong hốc bánh xe.

Vệ sinh các cạnh và nếp gấp trên các cửa mở và nắp ca pô cũng như các khu vực che khuất.



CHÚ Ý

Luôn sử dụng dung dịch vệ sinh có độ pH từ 4 đến 9.
Không sử dụng chất tẩy rửa trên các bề mặt nóng.

Đến xưởng sửa chữa để tra mỡ vào bản lề cửa xe.

Không dùng máy phun rửa hơi nước hoặc máy phun rửa áp lực cao để vệ sinh khoang động cơ.

Rửa xe cẩn thận và lau xe kỹ bằng vải sạch mềm. Nên thường xuyên lau chùi xe bằng vải sạch mềm. Sử dụng các miếng vải riêng để lau các bề mặt sơn và kính. Phần sáp còn sót lại trên cửa sổ sẽ làm giảm tầm nhìn.

Không dùng vật cứng để loại bỏ các vết nhựa bám. Dùng bình xịt chất tẩy rửa nhựa bám cho các bề mặt sơn.

■ Đèn bên ngoài

Nắp chụp đèn pha và các loại đèn khác đều được làm bằng nhựa.

Không sử dụng các dung môi ăn mòn hoặc dễ bay hơi, không sử dụng dụng cụ cạo băng và không lau chùi khô.

■ Đánh bóng và phủ sáp

Thường xuyên phủ sáp xe (muộn nhất là khi nước không còn đọng hạt). Nếu không mặt sơn sẽ bị khô.

Chỉ cần đánh bóng xe khi lớp sơn đã xỉn màu hoặc có bám cặn cứng.

Đánh bóng mặt sơn bằng silicon tạo ra lớp bảo vệ nên không cần phải phủ sáp nữa.

Không dùng các chất đánh bóng hoặc phủ sáp cho các bộ phận nhựa trên thân xe.

■ Lưỡi cần gạt nước cửa sổ và kính chắn gió

Sử dụng vải mềm không xơ hoặc da thuộc cùng với nước rửa kính và chất tẩy côn trùng.

Khi vệ sinh cửa sổ sau, chú ý không làm hỏng tấm sưởi bên trong.

Để phá băng bằng máy, sử dụng dụng cụ cạo băng có lưỡi sắc. Nhấn mạnh dụng cụ cạo băng lên mặt kính để bụi bẩn không bám phía dưới và làm xước kính.

Dùng vải mềm và nước rửa kính để vệ sinh lưỡi cần gạt nước.

■ Bánh và lốp xe

Không sử dụng máy phun rửa áp lực cao.

Dùng nước rửa bánh xe có độ pH trung tính để vệ sinh vành bánh xe.

Vành bánh xe đã được sơn nên có thể sử dụng chất tẩy rửa giống với thân xe.

■ Hồng lớp sơn

Khắc phục các vết xước sơn nhỏ bằng bút sửa sơn trước khi bị gỉ sét.

Các vết xước hoặc vùng gỉ sét lớn hơn phải được khắc phục tại xưởng sửa chữa.

■ Gầm xe

Một số khu vực dưới gầm xe được phủ PVC và một số khu vực quan trọng khác được phủ sáp bảo vệ bền lâu.

Sau khi rửa gầm xe, hãy kiểm tra và phủ sáp lại nếu cần thiết.

Các vật liệu nhựa đường/cao su có thể làm hỏng lớp phủ PVC. Mang xe tới xưởng sửa chữa để thực hiện kiểm tra/sửa chữa gầm xe.

Trước và sau mỗi mùa đông, hãy rửa sạch gầm xe và kiểm tra lớp sáp bảo vệ gầm xe.

Chăm sóc bên trong

■ Nội thất và bọc nội thất

Chỉ dùng vải khô hoặc dung dịch vệ sinh nội thất để vệ sinh nội thất xe, bao gồm bảng táp lô, bảng đồng hồ và tấm ốp.

Dùng vải mềm và nước sạch để vệ sinh bọc da. Trong trường hợp vết bẩn cứng đầu, sử dụng sản phẩm chăm sóc chất liệu da.

Chỉ dùng vải ẩm mềm để vệ sinh bảng đồ hồ táp lô và màn hình. Sử dụng thêm dung dịch xả phòng loãng nếu cần thiết.

Dùng máy hút bụi và bàn chải để vệ sinh bọc vải. Dùng chất tẩy rửa vải bọc để loại bỏ vết bẩn.

Vải mềm có thể bị phai màu. Điều này có thể gây ra tình trạng phai màu nhận ra được, đặc biệt trên lớp vỏ bọc sáng màu.

Làm sạch các vết bẩn và xử lý phai màu sớm nhất có thể. Dùng nước ấm hoặc dung dịch vệ sinh nội thất để vệ sinh dây đai an toàn.

CHÚ Ý

Đóng các khóa Velcro vì khóa Velcro hở có thể làm hỏng bọc ghế ngồi. Điều này cũng được áp dụng cho quần áo có vật sắc nhọn như khóa kéo, thắt lưng hoặc đồ jean nạm đinh.

CHÚ Ý

Sử dụng sáp thơm ô tô có thể gây hư hỏng vĩnh viễn các bề mặt nhựa và sơn. Nếu sáp thơm tiếp xúc với bất kỳ bề mặt nhựa hoặc sơn trong xe, thấm ngay lập tức và lau sạch bằng vải mềm ẩm tẩm dung dịch xà phòng nhẹ. Các hỏng hóc do sáp thơm gây ra sẽ không được bảo hành.

■ Các bộ phận bằng nhựa và cao su

Có thể sử dụng cùng loại dung dịch vệ sinh dùng cho thân xe để vệ sinh các bộ phận bằng nhựa và cao su.

Sử dụng dung dịch vệ sinh nội thất nếu cần thiết. Không sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa nào khác. Đặc biệt tránh sử dụng dung môi và xăng. Không sử dụng máy phun rửa áp lực cao.

Bảo trì và bảo dưỡng

Thông tin chung192

Thông tin bảo dưỡng..... 192

Bảo dưỡng và chăm sóc bổ sung.....192

Bảo dưỡng và chăm sóc bổ sung 192

Bảo dưỡng định kỳ.....193

Bảo trì và bảo dưỡng..... 193

Dung dịch, dầu bôi trơn và phụ tùng khuyến dùng197

Dung dịch và dầu bôi trơn khuyến dùng 197

Thông tin chung

Thông tin bảo dưỡng

Để đảm bảo vận hành xe an toàn và tiết kiệm và để duy trì giá trị của xe, việc bảo dưỡng xe theo đúng định kỳ quy định là rất quan trọng.

Lịch bảo dưỡng chi tiết, cập nhật cho xe của bạn có sẵn ở xưởng sửa chữa.

Bảo dưỡng và chăm sóc bổ sung

Bảo dưỡng và chăm sóc bổ sung

■ Các điều kiện vận hành khắc nghiệt

Các điều kiện vận hành được coi là khắc nghiệt khi thường xuyên sử dụng trong các điều kiện sau:

Các mục sau được phân loại là điều kiện lái xe khắc nghiệt.

Điều kiện khắc nghiệt đòi hỏi phải bảo dưỡng xe thường xuyên hơn*

Xe dịch vụ công, xe quân sự hoặc xe thương mại bao gồm:

- Xe cứu thương, xe cảnh sát và các phương tiện cứu hộ khẩn cấp.
- Xe dân sự như xe bán tải

hạng nhẹ, xe SUV và xe khách được sử dụng trong các hoạt động quân sự.

- Xe cứu nạn như xe kéo và phương tiện chở xe đơn sàn phẳng hoặc bất kỳ phương tiện nào được sử dụng thường xuyên để kéo rơ moóc kéo và các tải trọng khác.
- Xe thường dùng cho mục đích thương mại như xe giao hàng, xe tuần tra tư nhân hoặc bất kỳ xe nào vận hành suốt 24 giờ.
- Bất kỳ xe nào thường xuyên hoạt động trong môi trường nhiều cát bụi như khu vực có đường ống dầu và những nơi tương tự như vậy.

Các xe thường xuyên chạy quãng đường ngắn từ 6 km trở xuống, nếu xe có đèn báo thời

hạn sử dụng dầu, đèn báo sẽ cho biết khi nào cần thay dầu và bộ lọc. Trong các điều kiện khắc nghiệt, đèn báo có thể sáng trước mốc 10.000 km.

Xe cảnh sát, xe taxi và xe sử dụng ở trường học cũng được phân loại là xe vận hành trong điều kiện khắc nghiệt.

Trong những điều kiện vận hành khắc nghiệt có thể cần bảo dưỡng xe định kỳ thường xuyên hơn so với lịch bảo dưỡng xe thông thường.

Xin ý kiến chuyên gia kỹ thuật về các yêu cầu bảo dưỡng xe tùy thuộc vào các điều kiện vận hành cụ thể.

Bảo dưỡng định kỳ

Bảo trì và bảo dưỡng

■ Thông tin bảo trì

Để đảm bảo xe vận hành an toàn và tiết kiệm và để duy trì giá trị của xe, việc bảo dưỡng xe theo đúng định kỳ quy định là rất quan trọng.

Lịch bảo dưỡng chi tiết, cập nhật có sẵn ở xưởng sửa chữa.

■ Xác nhận

Sổ bảo hành có ghi lại xác nhận các lần bảo dưỡng định kỳ.

Quãng đường đã đi của xe và ngày thực hiện được đóng dấu và có chữ ký của xưởng sửa chữa thực hiện bảo dưỡng xe.

Đảm bảo nhật ký bảo dưỡng định kỳ được ghi chép chính xác vì cần có bằng chứng bảo

dưỡng liên tục khi yêu cầu bảo hành hoặc bồi thường, và đây cũng là một lợi ích khi bán lại xe.

■ Lịch bảo dưỡng

○: Kiểm tra các mục sau và phụ tùng liên quan. Sửa chữa, vệ sinh, bổ sung, điều chỉnh hoặc thay thế nếu cần thiết.

●: Thay thế hoặc thay mới.

Hạng mục bảo dưỡng	Kilomet (dặm) hoặc thời gian theo tháng, tùy điều kiện nào đến trước				
	X 1.000km (1)	15	30	45	60
	Năm (1)	1	2	3	4
HỆ THỐNG KIỂM SOÁT KHÍ XÀ					
Tấm lọc gió	○	○	○	○	●
Bugì	○	○	○	○	●
Bộ hấp thụ khí xả & đường ống hơi (4)	○	○	○	○	○
HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN ĐỘNG CƠ					
Đai truyền động (2)	○	○	○	○	○
Dầu động cơ & bộ lọc dầu động cơ	Xem chú thích bên dưới (3)				
Ống & đường nối hệ thống làm mát	○	○	○	○	○
Dung dịch làm mát động cơ	Thay thế sau mỗi 240.000 km hoặc 5 năm				
Đường dẫn & đường nối nhiên liệu (4)	○	○	○	○	○
KHUNG GẮM VÀ THÂN XE					
Bộ lọc không khí (A/C) (5)	●	●	●	●	●
Ống xả & giá đỡ	○	○	○	○	○

Hạng mục bảo dưỡng	Kilomet (dặm) hoặc thời gian theo tháng, tùy điều kiện nào đến trước				
	X 1.000km (1)	15	30	45	60
	Năm (1)	1	2	3	4
Dầu phanh	Thay thế sau mỗi 60.000 km hoặc 2 năm				
Má & đĩa phanh trước (4)	○	○	○	○	○
Má phanh sau & đĩa hoặc trống phanh sau & bố phanh sau (4)	○	○	○	○	○
Đường phanh & đường nối (bao gồm trợ lực phanh)	○	○	○	○	○
Dầu hộp số sàn	Thay thế sau mỗi 160.000 km hoặc 10 năm				
Hộp số biến thiên vô cấp (CVT)	Xem chú thích bên dưới (6)				
Bu lông & đai ốc khung gầm và gầm xe chặt/chắc chắn	○	○	○	○	○
Tình trạng lốp & áp suất lốp	Xem chú thích bên dưới (7)				
Đào lốp	Đào sau mỗi 12.000 km				
Góc đặt bánh xe	Xem chú thích bên dưới (8)				
Vô lăng và các đăng lái	○	○	○	○	○
Cao su chụp bụi trục lái	○	○	○	○	○
Dây an toàn, khóa cài & bộ neo	○	○	○	○	○
Khóa bôi trơn, bản lê & lẫy cài nắp ca pô	○	○	○	○	○

(1) Tùy điều kiện nào đến trước.

(2) Động cơ 1.4: Kiểm tra trực quan sau mỗi 240.000 km hoặc 10 năm, tùy điều kiện nào đến trước. Kiểm tra xem có bị sần, rạn nứt nhiều hoặc hư hỏng không, thay thế nếu cần thiết.

(3) Thay thế mỗi năm hoặc khi thông báo ‘thay dầu động cơ’ hoặc đèn cảnh báo trong cụm đồng hồ “hiển thị”.

(4) Cần bảo dưỡng xe thường xuyên hơn trong những điều kiện khắc nghiệt: lái xe quãng đường ngắn, chạy không tải liên tục, thường xuyên vận hành tốc độ thấp trong giao thông dừng-đi hoặc lái xe trong điều kiện bụi bặm.

(5) Cần thay thế bộ lọc không khí cabin ô tô thường xuyên hơn nếu lái xe trong những khu vực có giao thông mật độ cao, chất lượng không khí thấp, những khu vực nhiều bụi hoặc vùng nhạy cảm với các chất gây dị ứng môi trường.

(6) Không cần kiểm tra. Chỉ cần kiểm tra dầu hộp số nếu có lỗi hộp số hoặc rò rỉ dầu.

Không cần thay thế trong điều kiện thông thường. Nhưng cần thay thế sau mỗi 72.000 km nếu xe thường vận hành trong những điều kiện khắc nghiệt:

– Trong giao thông thành phố mật độ cao mà nhiệt độ bên ngoài thường đạt đến 30 °C (90 °F) hoặc cao hơn, hoặc

– Trong địa hình đồi núi, hoặc
– Khi sử dụng xe như xe taxi, xe cảnh sát hoặc xe giao hàng.

(7) Cần kiểm tra tình trạng lốp trước khi lái xe và kiểm tra áp suất lốp mỗi lần đổ xăng hoặc ít nhất một lần một tháng bằng dụng cụ đo áp suất lốp.

(8) Đảo và cân bằng bánh xe nếu cần thiết.

Dung dịch, dầu bôi trơn và phụ tùng khuyến dùng

Dung dịch và dầu bôi trơn khuyến dùng

Chỉ sử dụng những sản phẩm đã được kiểm tra và phê duyệt. Hư hỏng do sử dụng các chất liệu không đảm bảo sẽ không được bảo hành.



CẢNH BÁO

Các chất liệu được sử dụng rất nguy hiểm và độc hại. Thận trọng khi xử lý. Chú ý đến thông tin in trên bình đựng.

■ Dầu động cơ

Nhận biết dầu động cơ bằng chất lượng và độ nhớt của dầu.

Khi lựa chọn dầu động cơ, yếu tố chất lượng quan trọng hơn độ nhớt.

Chọn dầu động cơ phù hợp

Việc chọn đúng loại dầu động cơ phụ thuộc vào cả thông số kỹ thuật và độ nhớt phù hợp của dầu.

Chất lượng dầu động cơ

- dexos 1, dexos 2

Chọn dầu động cơ phù hợp

Việc chọn đúng loại dầu động cơ phụ thuộc vào thông số kỹ thuật và độ nhớt phù hợp của dầu.

Sử dụng và yêu cầu dầu động cơ có dấu chứng nhận dexos. Những loại dầu đáp ứng yêu cầu của xe phải có dấu chứng nhận dexos trên bình đựng. Dấu chứng nhận này cho biết loại dầu đó đã được phê duyệt theo thông số kỹ thuật dexos.

Chiếc xe này đã được đổ dầu động cơ đạt mức dexos tại nhà máy.

Chỉ sử dụng dầu động cơ được phê duyệt theo thông số kỹ thuật dexos hoặc dầu động cơ có độ nhớt phù hợp tương đương. Việc dùng không đúng loại dầu động cơ khuyến nghị có thể dẫn đến hư hỏng động cơ mà không được bảo hành.

Hãy hỏi nhà cung cấp dịch vụ khi không chắc loại dầu đang sử dụng có được phê duyệt theo thông số kỹ thuật dexos không.

Sử dụng dầu động cơ thay thế nếu không có sẵn dầu dexos: Trong trường hợp không có sẵn dầu động cơ được phê duyệt dexos khi thay dầu hoặc để duy trì mức dầu thích hợp, bạn có thể sử dụng dầu động cơ thay thế có chất lượng như được mô tả ở trên. Tuy nhiên, việc sử dụng những loại dầu không đáp ứng được thông số kỹ thuật dexos có thể làm giảm hiệu suất

trong một số trường hợp nhất định.

Thêm dầu động cơ

Có thể trộn lẫn các loại dầu động cơ không có cùng nhà sản xuất và nhãn hiệu miễn sao phù hợp với dầu động cơ yêu cầu (chất lượng và độ nhớt).

Nếu không có sẵn dầu động cơ có chất lượng như yêu cầu, có thể sử dụng tối đa 1 lít dầu loại ACEA A3/B4 hoặc A3/B3 (chỉ một lần sau mỗi lần thay dầu). Độ nhớt phải đúng tiêu chuẩn.

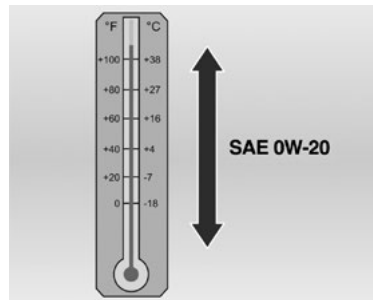
Không được sử dụng dầu động cơ chỉ có chất lượng ACEA A1/B1 hoặc A5/B5, vì loại dầu này có thể gây hỏng động cơ vĩnh viễn trong một số điều kiện vận hành nhất định.

Các chất phụ gia dầu động cơ

Sử dụng các chất phụ gia dầu động cơ có thể gây hỏng hóc và

làm mất hiệu lực bảo hành xe.

Độ nhớt của dầu động cơ



SAE 0W-20 là độ nhớt tốt nhất cho xe.

Không sử dụng các loại dầu có độ nhớt khác như SAE 10W-30, 10W-40 hoặc 20W-50.

Độ nhớt SAE cung cấp thông tin về độ đặc của dầu. Loại dầu có nhiều độ nhớt được biểu thị bằng hai chữ số.

Chữ số đầu tiên, đứng trước chữ cái W, biểu thị độ nhớt ở nhiệt

độ thấp và chữ số thứ hai biểu thị độ nhớt ở nhiệt độ cao.

■ Dung dịch làm mát và chất chống đông

Chỉ sử dụng loại nước làm mát bền có chất chống đông (LLC) - loại axit hữu cơ.

Ở những quốc gia có khí hậu ôn hòa, dung dịch nước làm mát có khả năng cung cấp việc chống đóng băng xuống đến khoảng -35 °C. Ở những quốc gia có khí hậu lạnh, dung dịch làm mát cung cấp bảo vệ đóng băng xuống đến khoảng -50 °C. Duy trì nồng độ này trong suốt cả năm.

Duy trì đủ nồng độ chất chống đông.

Các phụ gia nước làm mát với mục đích làm tăng khả năng chống ăn mòn hoặc làm kín các rò rỉ nhỏ, có thể gây ra một

số lỗi liên quan đến chức năng. Nhà sản xuất không chịu trách nhiệm đối với những hỏng hóc do sử dụng chất phụ gia dung dịch làm mát gây ra.

Dầu phanh và dầu ly hợp

Chỉ sử dụng dầu phanh được phép dùng cho loại xe này (DOT 4).

Theo thời gian, dầu phanh hấp thụ độ ẩm sẽ làm giảm tác dụng của phanh. Vì vậy, phải thay dầu phanh sau mỗi khoảng thời gian quy định.

Để dầu phanh trong bình đựng kín để tránh hấp thụ nước.

Hãy đảm bảo dầu phanh không bị nhiễm bẩn.

■ Dầu hộp số sàn

Shell XGP SAE 75W-85

■ Dầu hộp số tự động

CVTF-GREEN-2

Thông số kỹ thuật

Nhận dạng xe.....201

Mã số nhận dạng (VIN).....201

Mã nhận dạng động cơ.....201

Tấm nhận dạng201

Thông số xe202

Thông số động cơ.....202

Tốc độ tối đa [km/h].....203

Trọng lượng xe.....203

Kích thước xe.....204

Dung tích và thông số kỹ thuật

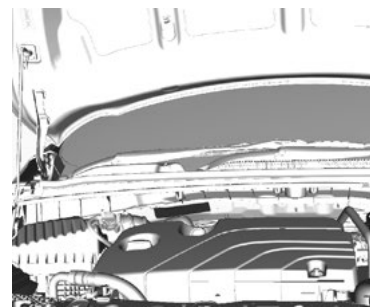
.....205

Áp suất lốp205

Mức tiêu thụ nhiên liệu.....206

Nhận dạng xe

Mã số nhận dạng (VIN)



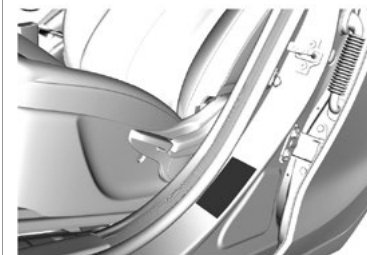
Mã số nhận dạng xe (VIN) nằm trên vách ngăn khoang động cơ.

Mã nhận dạng động cơ

Bảng thông số kỹ thuật cho biết mã nhận dạng động cơ.

Thông số động cơ → T. 202.

Tấm nhận dạng



Tấm nhận dạng nằm trên khung cửa bên trái.

Thông số xe

Thông số động cơ

Ký hiệu sản phẩm	1.4
Mã nhận dạng động cơ	LV7
Số lượng xy lanh	4
Dung tích xy lanh [cm ³]	1399
Công suất động cơ [kW] theo vòng/phút	73 kW / 6200
Momen xoắn [Nm] theo vòng/phút (MT, CVT)	120 N•m / 4400, 128 N•m / 4400
Chỉ số Octane RON (1)	
Khuyến nghị	91 hoặc hơn
Loại nhiên liệu	Xăng

(1) Nhãn nhiên liệu được quy định bởi từng quốc gia (nếu có) trên cửa nạp nhiên liệu có thể thay thế các thông số về nhiên liệu.

Tốc độ tối đa [km/h]

Phiên bản Động cơ 1.4 - Hộp số CVT	179 km/h
------------------------------------	----------

Trọng lượng xe

■ Trọng lượng xe không tải

Phiên bản Động cơ 1.4 - Hộp số CVT	993 kg
------------------------------------	--------

■ Tổng trọng lượng của xe

Phiên bản Động cơ 1.4 - Hộp số CVT	1379 kg
------------------------------------	---------

* Trọng lượng mô tả ở trên có thể thay đổi theo các tùy chọn hoặc thông số kỹ thuật của từng đời xe.

Kích thước xe

Chiều dài [mm]	3676
Chiều rộng không tính gương bên ngoài [mm]	1632
Chiều rộng tính hai gương bên ngoài [mm]	1876
Chiều cao [mm]	1530
Chiều dài sàn khoang chứa đồ [mm]	486
Chiều dài khoang chứa đồ khi gập ghế sau [mm]	1109
Chiều rộng khoang chứa đồ [mm]	968
Chiều cao khoang chứa đồ [mm]	499
Chiều cao khoang chứa đồ khi mở [mm]	608
Khoảng cách giữa hai trục bánh xe [mm]	2385
Đường kính vòng quay nhỏ nhất [m]	10

Dung tích và thông số kỹ thuật

Dầu động cơ	Động cơ 1.4
Bao gồm bộ lọc [l]	4,0 L
Giữa mức MIN và mức MAX [l]	1

Bình nhiên liệu

Xăng, dung tích danh nghĩa [l]	32
--------------------------------	----

Lực siết tối đa cho đai ốc bánh xe

140 Nm

Áp suất lốp

Kích thước lốp	Kích thước bánh xe	Áp suất khuyến nghị													
		Tải trọng thông thường				Tải trọng Eco				Tải trọng tối đa				Lớp dự phòng	
		Lớp trước		Lớp sau		Lớp trước		Lớp sau		Lớp trước		Lớp sau			
		kPa	PSI	kPa	PSI	kPa	PSI	kPa	PSI	kPa	PSI	kPa	PSI	kPa	PSI
165/65 R14 SL 79T	14 X 5.0 J	220	32	210	30	270	39	250	36	260	38	300	44	-	-
185/55 R15 SL 82H	15 X 6.0 J													-	-
T105/70D14 SL 84M		-												420	60

Mức tiêu thụ nhiên liệu

Kết hợp	Trong đô thị	Ngoài đô thị
5,85 Lít/100km	7,11 Lít/100km	5,11 Lít/100km

*Theo số GCN: 19KDR/000035 được chứng nhận bởi Cục Đăng Kiểm Việt Nam.

Thông tin khách hàng**Lưu trữ thông số xe và cài đặt riêng tư.....208**

Lưu trữ thông số xe và cài đặt riêng tư	208
An ninh mạng.....	208
Thiết bị lưu trữ dữ liệu sự kiện..209
Nhận dạng tần số radio (RFID)210

Lưu trữ thông số xe và cài đặt riêng tư

Lưu trữ thông số xe và cài đặt riêng tư

Chiếc xe này được trang bị một số máy tính lưu trữ thông tin về hiệu năng và cách thức lái hoặc sử dụng xe. Ví dụ, chiếc xe này sử dụng các mô đun máy tính để giám sát và điều khiển hiệu suất động cơ và hộp số, để giám sát các điều kiện kích nổ túi khí khi có va chạm, và thực hiện chức năng chống bó cứng phanh, nếu được trang bị, để giúp lái xe điều khiển xe. Những mô đun này có thể lưu trữ dữ liệu giúp kỹ thuật viên của đại lý thực hiện bảo dưỡng xe hoặc giúp cải thiện mức độ an toàn hoặc các tính năng của xe. Một số mô đun cũng có thể lưu trữ

dữ liệu về cách vận hành xe, như mức tiêu thụ nhiên liệu hoặc tốc độ trung bình của xe.

Những mô đun này có thể chứa những cài đặt riêng như thiết lập sẵn radio, vị trí ghế ngồi và thiết lập nhiệt độ.

An ninh mạng

VINFAST thu thập thông tin về việc sử dụng xe của bạn bao gồm các thông tin về vận hành và an toàn của xe. Chúng tôi thu thập thông tin này để cung cấp, đánh giá, cải thiện và xử lý sự cố các sản phẩm và dịch vụ của chúng tôi cũng như để phát triển những sản phẩm và dịch vụ mới. Việc bảo vệ hệ thống điện tử trên xe và thông tin khách hàng khỏi các truy cập hoặc kiểm soát điện tử trái phép từ bên ngoài là rất quan trọng với VINFAST.

VINFAST cam kết thực hiện các tiêu chuẩn, biện pháp, hướng dẫn và kiểm soát an ninh phù hợp nhằm bảo vệ xe và hệ sinh thái dịch vụ xe khỏi các truy cập điện tử trái phép, phát hiện các hoạt động mạng độc hại có thể xuất hiện trong các mạng lưới liên quan, và ứng phó với các sự cố an ninh mạng khả nghi một cách kịp thời, phối hợp và hiệu quả. Các sự cố bảo mật có thể ảnh hưởng đến sự an toàn hoặc các dữ liệu riêng tư của bạn. Để giảm thiểu các rủi ro về bảo mật, vui lòng không kết nối hệ thống điện tử trên xe của bạn với các thiết bị không được phép hoặc kết nối xe của bạn với bất kỳ một mạng lạ hoặc không tin cậy nào (như Bluetooth, WIFI hoặc các công nghệ tương tự). Trong trường hợp nghi ngờ có bất kỳ sự cố bảo mật nào ảnh hưởng đến dữ liệu của bạn hoặc sự vận

hành an toàn của xe, hãy dừng vận hành xe và liên hệ với đại lý của bạn.

Thiết bị lưu trữ dữ liệu sự kiện

Chiếc xe này được trang bị bộ ghi dữ liệu sự kiện (EDR). Mục đích chính của EDR là ghi lại những dữ liệu hỗ trợ xác định các hệ thống trên xe đã hoạt động như thế nào trong các tình huống va chạm hoặc suýt va chạm nhất định, như bung túi khí hoặc đâm phải chướng ngại vật bên đường. EDR được thiết kế để ghi lại các dữ liệu liên quan đến động lực học và hệ thống an toàn của xe trong một khoảng thời gian ngắn, thường là 30 giây hoặc ít hơn. EDR trong chiếc xe này được thiết kế để ghi lại những dữ liệu như:

- Cách thức hoạt động của các

hệ thống khác nhau trên xe.

- Dây an toàn của lái xe và hành khách có được khóa/cài chặt hay không;
- Lái xe đã nhấn chân ga và/hoặc chân phanh đến mức nào; và
- Tốc độ xe đã chạy là bao nhiêu.

Những dữ liệu này có thể giúp hiểu rõ hơn về những tình huống xảy ra va chạm và thương tích.

Lưu ý

Dữ liệu EDR chỉ được xe ghi lại trong trường hợp xảy ra va chạm nghiêm trọng. EDR sẽ không ghi dữ liệu trong các điều kiện lái xe thông thường cũng như không ghi các dữ liệu cá nhân (như tên, giới tính, tuổi và vị trí xảy ra va chạm).

Tuy nhiên, các bên khác như cơ quan hành pháp có thể kết hợp dữ liệu EDR với loại dữ liệu nhận dạng danh tính cá nhân thường thu thập được khi điều tra va chạm.

Cần sử dụng thiết bị đặc biệt và tiếp cận với xe hoặc EDR để có thể đọc được các dữ liệu do EDR ghi lại. Ngoài nhà sản xuất xe, các bên khác như cơ quan hành pháp được trang bị thiết bị đặc biệt này đều có thể đọc được thông tin nếu họ được tiếp cận với xe hoặc EDR.

VINFAST sẽ không sử dụng hoặc chia sẻ những dữ liệu này với người khác trừ khi: có sự đồng ý của chủ xe, hoặc người thuê xe nếu là xe thuê; để đáp ứng yêu cầu chính thức của cảnh sát hoặc cơ quan chính phủ tương đương; là một phần của hành động phòng vệ chống kiện tụng của VINFAST; hoặc theo yêu cầu của pháp luật. Những dữ liệu mà VINFAST thu thập hoặc nhận được cũng có thể được sử dụng cho nhu cầu nghiên cứu của VINFAST hoặc được cung cấp cho người khác vì các mục

đích nghiên cứu, khi nhu cầu là rõ ràng và dữ liệu cần dùng không liên quan đến đến một chủ sở hữu xe hoặc một chiếc xe cụ thể nào.

Nhận dạng tần số radio (RFID)

Công nghệ RFID được sử dụng trong một số xe nhằm thực hiện các chức năng như giám sát áp suất lốp và bảo mật hệ thống khởi động, cũng như liên quan đến các tiện ích như bộ truyền phát khóa điều khiển thông minh từ xa để khóa/mở khóa cửa từ xa và khởi động từ xa, và bộ truyền phát trong xe cho thiết bị mở cửa gara. Công nghệ RFID trên các xe VINFAST không sử dụng hoặc ghi lại các thông tin cá nhân hoặc liên kết với bất kỳ hệ thống VINFAST nào khác có chứa thông tin cá nhân.
